

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 205.../2021/CBTT-PLP

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

V/v: Công bố thông tin về việc chào bán
cổ phiếu ra công chúng

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty: **Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**

Mã chứng khoán: PLP

Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: (+84-24) 3555 1669

Fax: (+84-24) 3555 1671

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Xuân Trí

Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

- Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 320/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

- Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Thông báo này đồng thời được đăng tải tại website của Công ty là <https://phaleplastics.com.vn/>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như K/g;
- Lưu VP.

Tài liệu đính kèm:

- Giấy chứng nhận số 320/GCN-UBCK;
- Bản cáo bạch ./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người thực hiện công bố thông tin



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Xuân Trí

Số: 320 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHA LE PLASTICS MANUFACTURING AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY;

– Tên công ty viết tắt: PHA LE PLASTICS MANUFACTURING AND TECHNOLOGY., JSC;

– Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2008, do Sở Kế



hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 10 năm 2020;

– Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 20.000.000 cổ phiếu (Hai mươi triệu cổ phiếu);
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội.

Điều 3. Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê giữ 01 bản, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ 01 bản, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Chân Phương



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/10/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 320 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ
NGÀY / / TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ



Địa chỉ: Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (024) 3555 1669

Fax: (024) 3555 1671

Website: <http://phaleminerals.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Phạm Xuân Trí

Chức vụ: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Số điện thoại: (024) 3555 1669

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/10/2020)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

Mã cổ phiếu: PLP

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 20.000.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 8241 990 Fax: 024 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38181888 Fax: 024.38181688

Website: <http://www.shs.com.vn>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
1. Tổ chức phát hành.....	1
2. Tổ chức tư vấn	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về pháp luật.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	9
4. Rủi ro của đợt chào bán	10
5. Rủi ro pha loãng.....	11
6. Rủi ro quản trị công ty	12
7. Rủi ro khác.....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	14
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	15
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	16
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	18
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	22
5.1. Thông tin về công ty mẹ	22
5.2. Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành	22
5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành.....	22
5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	22
5.5. Công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác.....	22
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.	24
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	25
8.1. Cổ phiếu phổ thông.....	25
8.2. Cổ phiếu ưu đãi	25
8.3. Các loại chứng khoán khác	25
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	26
10. Hoạt động kinh doanh.....	32
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	32
10.2. Tài sản.....	42

10.3. Thị trường hoạt động	44
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	45
10.5. Các hợp đồng lớn	49
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	51
10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành	52
10.8. Hoạt động Marketing	59
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	61
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển	61
10.11. Chiến lược kinh doanh	62
11. Chính sách đối với người lao động	63
12. Chính sách cổ tức	65
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	65
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của Tổ chức phát hành	66
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	67
16. Các thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	67
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	67
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	67
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	67
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	70
1.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 2020	72
2. Tình hình tài chính	72
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản	72
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	84
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	85
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	87
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	90
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	90
2. Thông tin về cổ đông lớn	90
2.1. Cổ đông Mai Thanh Phương	93
2.2. Cổ đông Huỳnh Cảnh Phúc	93
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	93

3.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	93
3.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát	99
3.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý	103
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	109
1. Loại cổ phiếu	109
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	109
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	109
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	109
5. Giá chào bán dự kiến	109
6. Phương pháp tính giá	109
7. Phương thức phân phối	110
8. Đăng ký mua cổ phiếu	111
9. Lịch trình phân phối cổ phiếu	112
10. Phương thức thực hiện quyền	113
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	113
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần	114
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	114
14. Hủy bỏ đợt chào bán	114
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	114
16. Các loại thuế có liên quan.....	114
17. Thông tin về các cam kết	116
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	116
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	116
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	116
1. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.....	117
2. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm.....	121
3. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An	124
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	126
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	127
XII. PHỤ LỤC	127

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: **Mai Thanh Phương**

Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Bà: **Trần Hải Yến**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Ông: **Phạm Xuân Trí**

Chức vụ: **Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Bà: **Trần Thị Thu Thanh**

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội** tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn phát hành số 20/2020/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 26/06/2020 với **Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng GDP (viết tắt của Gross Domestic Product) Việt Nam năm 2020 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019, chỉ đạt mức tăng 2.91% so với cùng kỳ năm ngoái trong đó Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%. Đây là mức tăng thấp nhất trong hơn 10 năm trở lại đây song vẫn là một thành tựu đáng ghi nhận trong bối cảnh toàn cầu chịu ảnh hưởng của một đợt suy thoái kinh tế nặng nề do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Riêng trong Quý II, nền kinh tế đã chịu tác động nặng nề nhất của dịch Covid-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp giãn cách xã hội trong 3 tuần đầu tháng 4 khiến tất cả các khu vực của nền kinh tế chịu ảnh hưởng đặc biệt là khu vực dịch vụ, khi các hoạt động kinh doanh đều bị cấm trừ các dịch vụ thiết yếu dẫn đến khu vực dịch vụ suy giảm 1,76%. Tuy nhiên, trong Quý III và Quý IV nền kinh tế đã có tín hiệu phục hồi mạnh mẽ khi các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng theo chiều hướng chọn lọc hơn nhờ khả năng kiểm soát dịch bệnh tuyệt vời của Việt Nam và các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế bao gồm cả tài khóa và tiền tệ.

Nền kinh tế Việt Nam cũng cho thấy khả năng thích nghi và phục hồi cao khi vẫn đạt mức tăng trưởng dương trong năm 2020 trong bối cảnh nhiều nền kinh tế trên thế giới tăng trưởng âm. Đặc

biệt, chất lượng tăng trưởng kinh tế cải thiện rất khả quan, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư thể hiện qua các cân đối vĩ mô như lạm phát, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, nợ công/GDP đều không có biến động lớn và cơ bản được giữ trong mức an toàn trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều hoàn cảnh bất lợi.

Lạm phát duy trì ở mức ổn định trong năm 2020 mặc dù giá thực phẩm (cụ thể là giá thịt lợn) tăng rất mạnh bởi nguồn cung khan hiếm do tác động của dịch tả lợn Châu phi. CPI tháng 12/2020 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 0,19% so với tháng 12/2019. CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019.

Tổng kết lại, đánh giá về Việt Nam, các tổ chức quốc tế đều đưa ra những triển vọng kinh tế Việt Nam trong trung hạn và dài hạn là khá tích cực. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF - International Monetary Fund), Ngân hàng Thế giới (WB - World Bank), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB - Asian Development Bank) dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng từ 1,8-2,8% năm 2020. Cùng với đó, lạm phát được dự báo sẽ kiểm soát ở mức 3,5-3,8% năm 2020; ADB dự báo Việt Nam tăng trưởng 8,1%, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm (S&P - Standard & Poor's Global Ratings) dự báo Việt Nam tăng trưởng 11,2% trong năm 2021)...

❖ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới:**

Với sự lây lan nhanh và nghiêm trọng ở hơn 200 nước trên thế giới, đại dịch Covid-19 đã gây ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng tới nguồn cung lao động. Công suất sử dụng máy móc thiết bị giảm do tình trạng đóng cửa nhà máy.

Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO - International Labour Organization) (4-2020) cho biết 81% lực lượng lao động toàn cầu (3,3 tỷ người) hiện đang chịu tác động do nơi làm việc bị đóng cửa một phần hoặc toàn bộ, ILO dự báo số giờ làm việc trên thế giới sẽ giảm 6,7% trong Quý II năm 2020, tương đương 195 triệu người lao động làm việc toàn thời gian.

Theo đó, thu nhập của người lao động giảm mạnh, dẫn đến giảm nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. Đồng thời việc sụt giảm thu nhập của người lao động cũng kích hoạt làn sóng vỡ nợ tiêu dùng trên phạm vi toàn cầu do nợ vay tiêu dùng quá hạn thanh toán đang tăng nhanh tại một số nước khi tỷ lệ thất nghiệp tăng mạnh.

Ngoài ra, giá trị tài sản bằng chứng khoán của các hộ gia đình và doanh nghiệp sụt giảm do sự lao dốc của thị trường chứng khoán. Giá dầu sụt giảm mạnh ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của các nước xuất khẩu dầu mỏ và nhu cầu đầu tư giảm mạnh khi rủi ro gia tăng.

Dịch Covid-19 còn làm giảm tổng cầu thị trường dầu mỏ thế giới, làm đổ vỡ các hợp đồng kinh tế; thu hẹp hoặc làm mất đi cơ hội kinh doanh vi mô và vĩ mô; tăng rủi ro cho cổ phiếu và trái phiếu của cả các doanh nghiệp to, nhỏ ở cả nước phát triển hay nước đang phát triển, không phân biệt thể chế chính trị và mô hình kinh doanh.

Đại dịch Covid-19 cũng làm giá dầu và giá vàng thế giới diễn biến thất thường theo hướng ngược nhau. Giá dầu khó tăng vì cung vượt cầu, trong khi giá vàng luôn ở mức cao nhất từ trước đến nay...

Theo thống kê, dịch Covid-19 đã “đốt” 41% giá trị vốn hóa của 116 hãng hàng không niêm yết trên toàn thế giới - tương đương 157 tỷ USD.

Nói cách khác, các biện pháp phong tỏa, cách ly và giãn cách xã hội để chống dịch dù ngắn hay dài, ở phạm vi quốc gia hay quốc tế đều làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, thu hẹp cả tổng cung và tổng cầu.

Gia tăng rủi ro tài chính

Các biện pháp chống đỡ dịch Covid-19 cũng làm gia tăng xu hướng nói lỏng tài chính tiền tệ thông qua sự bùng nổ các gói hỗ trợ tài chính lên tới hàng nghìn tỷ đô la Mỹ (USD) và cắt giảm lãi suất tiền tệ...

Một loạt nước và tổ chức kinh tế đã tung ra các gói hỗ trợ kinh tế lớn, nhỏ khác nhau; trong đó, một số nước như Mỹ, Nhật Bản đã tung liên tiếp ba gói hỗ trợ tổng cộng tới 20% GDP của mình. Liên hiệp châu (EU) đã thông qua kế hoạch phục hồi kinh tế của toàn khối trị giá 750 tỷ euro.

Theo đó, nợ công và thâm hụt ngân sách của các quốc gia cũng có thể tăng trong thời gian tới do các gói nói lỏng tài khóa và tiền tệ cứu trợ nền kinh tế.

Theo dự báo, thâm hụt ngân sách Mỹ trong tài khóa 2020 tăng gấp gần bốn lần, lên mức cao kỷ lục 3.800 tỷ USD, tương đương 18,7% GDP của Mỹ, nợ công đạt 107% GDP, mức thâm hụt trong năm 2021 là 2.100 tỷ USD và đạt mức trung bình hàng năm là 1.300 tỷ USD kéo dài tới 2025 khi nền kinh tế dần ổn định trở lại.

Nếu đạt hiệu quả, các gói hỗ trợ này sẽ giúp tăng sức chống chịu của nền kinh tế, tăng niềm tin của xã hội vào triển vọng cơ hội đầu tư và duy trì tăng trưởng kinh tế, kiểm soát thất nghiệp...

Tuy nhiên các gói hỗ trợ cũng sẽ kéo theo nguy cơ giảm giá các đồng tiền, gia tăng sức ép nợ công và lạm phát tiền tệ trên phạm vi toàn cầu...

Tăng trưởng âm

Trong các báo cáo chính thức, tất cả các tổ chức quốc tế đều tỏ ra bi quan về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu thời gian tới trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.

Báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 24-6-2020 cho biết, kinh tế toàn cầu có thể phải trải qua cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất kể từ cuộc đại suy thoái diễn ra vào những năm 1930 và có thể tăng trưởng âm 4,9% trong năm 2020, không loại trừ cả các nước ASEAN vốn có tốc độ tăng nhanh nhất thế giới hàng năm.

Theo dự báo của IMF, cả châu Á chỉ có Trung Quốc tăng trưởng khoảng 1% GDP và Việt Nam tăng khoảng 2% GDP... Sang năm 2021, kinh tế thế giới có thể sẽ phục hồi với mức tăng trưởng từ 0,5 đến 8,4% và cũng chưa chắc chắn. IMF khuyến cáo các chính phủ cần tiếp tục tiến hành các gói hỗ trợ doanh nghiệp và hộ gia đình.

Ngân hàng Thế giới (WB) trong dự báo tháng 6-2020 về triển vọng kinh tế toàn cầu cũng khẳng định, năm 2020 nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng âm tới -5,2% và đây sẽ là cuộc suy thoái kinh tế tồi tệ nhất kể từ Chiến tranh Thế giới lần thứ II.

Thu nhập bình quân đầu người sẽ giảm 3,6% và khiến 100 triệu người rơi vào tình trạng nghèo đói cùng cực (riêng Mỹ có 45,7 triệu người đã nộp đơn xin thất nghiệp).

Nếu đại dịch bị đẩy lùi thì tăng trưởng toàn cầu sẽ tăng trở lại mức 4,2% vào năm 2021 và triển vọng này cũng rất không chắc chắn. Chính phủ các nước phải tăng cường chất lượng dịch vụ y tế

BẢN CÁO BACH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

song song với chú trọng hỗ trợ khu vực tư nhân và trợ cấp tiền mặt cho những người bị ảnh hưởng trực tiếp.

Còn theo JPMorgan (4-2020), nền kinh tế thế giới sẽ mất 5,5 nghìn tỷ USD, tương đương 8% GDP vào cuối năm 2021. Tất cả các nền kinh tế phát triển đều có mức suy giảm nghiêm trọng và tốc độ tăng trưởng âm trong năm 2020.

Tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển được dự báo cũng sẽ bị suy giảm, song ở mức độ nhẹ hơn, và sẽ phục hồi tốt vào năm 2021; riêng các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển ở khu vực châu Á vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương (1% năm 2020) và phục hồi ở mức 8,5% năm 2021.

Trong đó, Trung Quốc tăng trưởng ở mức +1% trong năm 2020 và +9,2% trong năm 2021, Ấn Độ +1,9% (2020) và +7,4% (2021), ASEAN-5: -0,6% (2020) và +7,8% (2021).

Đặc biệt, trong báo cáo mới nhất (6-2020), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã cho rằng triển vọng kinh tế toàn cầu tương ứng với hai kịch bản: một là dịch bệnh được kiểm soát; hai là làn sóng Covid-19 lần thứ hai trong năm 2020.

Theo đó, với kịch bản thứ nhất, trong trường hợp dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế thế giới sẽ giảm 6% trong năm nay và tăng 5,2% trong năm tới. Ở trường hợp thứ hai, làn sóng Covid-19 lần thứ 2 tấn công, nền kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng âm 7,7% trong năm 2020 trước khi tăng trưởng dương trở lại vào năm 2021 ở mức 2,8%.

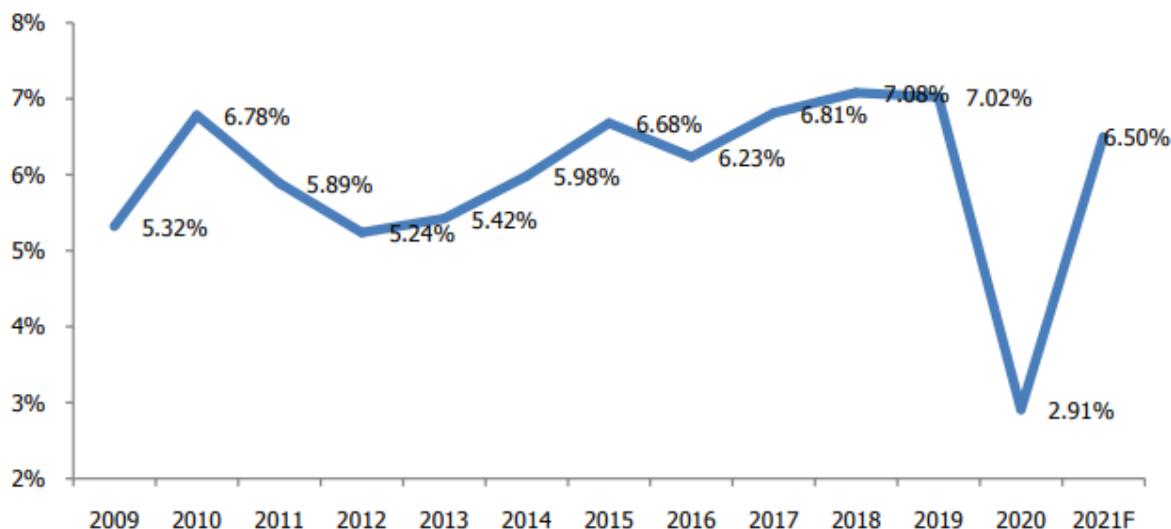
OECD dự báo kinh tế Mỹ có thể tăng trưởng âm 7% trong năm 2020, còn khu vực Eurozone tăng trưởng âm 9%. Kinh tế Italy, Pháp và Anh có thể suy giảm tăng trưởng đến hơn 11%. Tổ chức này cũng cho rằng, không có quốc gia nào có thể mong đợi sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ theo một trong hai kịch bản.

	IMF (4/2020)				OECD (6/2020)	
	Dự báo (%)		Chênh lệch so với dự báo trước đó (1/2020) (%)		Dự báo 2020 theo 2 kịch bản	
	2020	2021	2020	2021	KB1	KB2
Thế giới	-3,0	5,8	-6,3	2,4	-6	-7,6
Các nền kinh tế phát triển	-6,1	4,5	-7,7	2,9	-7,5	-9,3
<i>Mỹ</i>	-6,1	4,5	-7,7	2,9	-7,3	-8,5
<i>Khu vực Eurozone</i>	-7,5	4,7	-7,9	3,0	-9,1	-11,5
<i>Nhật Bản</i>	-5,2	3,0	-5,9	2,5	-6	-7,3
<i>Vương quốc Anh</i>	-6,5	4,0	-7,9	2,5	-11,5	-14
<i>Ca na đa</i>	-6,2	4,2	-8,0	2,4	-8	-9,4
Mới nổi và đang phát triển	-1,0	6,6	-5,4	2,0	-	-
<i>Khu vực châu Á</i>	1,0	8,5	-4,8	2,6	-	-
<i>Trung Quốc</i>	1,2	9,2	-4,8	3,4	-2,6	-3,7
<i>Ấn Độ</i>	1,9	7,4	-3,9	0,9	-3,7	-7,3
<i>ASEAN -5</i>	-0,6	7,8	-5,4	2,7	-	-

Nguồn: Báo cáo IMF (4-2020)

❖ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam:**

Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

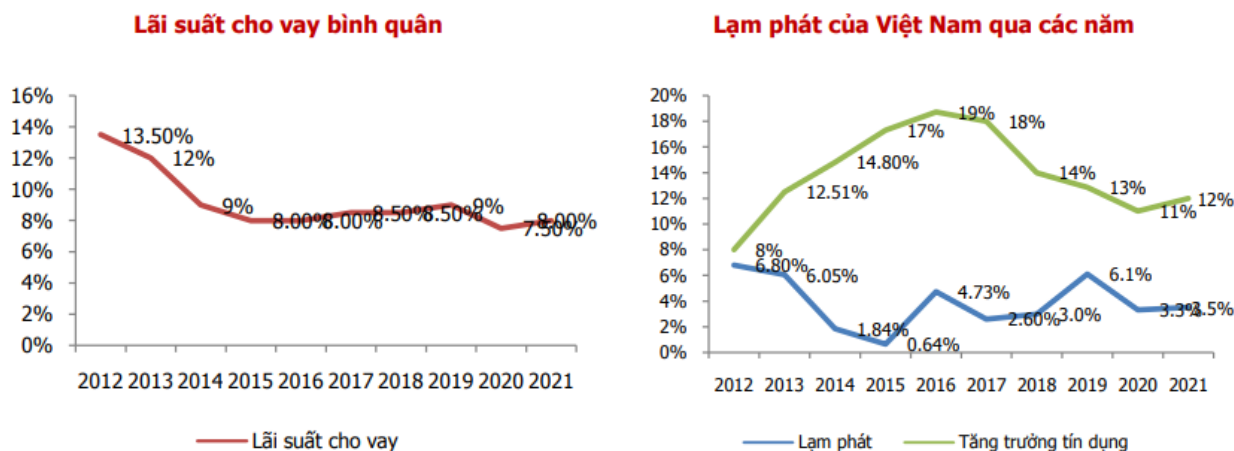
Tăng trưởng GDP năm 2020 chỉ đạt 2,91% thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng bình quân giai đoạn từ 2011 đến 2019 và không đạt mục tiêu theo Nghị quyết của Quốc hội (6,6- 6,8%). Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Chính phủ Việt Nam vẫn trình Quốc hội mức tăng trưởng mục tiêu trên 6.5% năm 2021 thể hiện quyết tâm cao trong việc thúc đẩy nền kinh tế phục hồi sau dịch bệnh. Mức độ tăng trưởng khá yếu trong Quý I (3,8%) và sụt giảm mạnh trong Quý II (0,35%), phục hồi vào Quý III (2,69%) và Quý IV (4,48%) khiến GDP năm 2020 chỉ tăng 2,91% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng thấp nhất trong hơn 10 năm trở lại đây do Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội khi Chính phủ chấp nhận hy sinh lợi ích kinh tế để bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân. Tăng trưởng GDP kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh trong 2021 khi các biện pháp dẫn cách xã hội đã được gỡ bỏ hoàn toàn ở Việt Nam và trên thế giới với sự triển khai vacxin đồng loạt tại nhiều quốc gia. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, đóng góp của khu vực công nghiệp và xây dựng tăng mạnh trong 2020 do khu vực dịch vụ suy giảm do Covid 19 cộng thêm các gói thúc đẩy đầu tư công thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng của Chính Phủ (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 13,54%; 34,20%; 42,03%; 10,23%).

Mặc dù có sự chững lại, xu hướng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ vẫn tiếp tục diễn ra. Tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ tăng và tỷ trọng khu vực nông nghiệp co hẹp là xu hướng tất yếu trong thời gian tới và phản ánh yếu tố chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng ở mức độ khả quan so với các năm gần đây mặc dù chịu ảnh hưởng của khí hậu không thuận lợi, dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi. Ngành nông nghiệp tăng 0,83%, trong 6 tháng đầu năm 2020; Ngành lâm nghiệp tăng 2,15%; ngành thủy sản tăng 2,37%. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 2,55%; ngành lâm nghiệp tăng 2,82%; ngành thủy sản tăng 3,08%. Với việc dịch tả lợn Châu phi và Covid 19 dần được kiểm soát, lĩnh vực nông, lâm và thủy sản có thể tiếp tục duy trì khả quan trong năm 2021.

BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Tính chung năm 2020, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 3.837,3 nghìn lượt người, giảm 78,7% so với năm trước. Mặc dù mức tăng GDP sụt giảm trong năm 2020 song chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều sự cải thiện đáng kể. Bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến hết sức bất lợi song các cân đối vĩ mô vẫn được giữ ổn định cho thấy mức tăng trưởng cao trong các năm trước là lành mạnh nhờ vào sự cải thiện về năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế cải thiện trong thời gian qua đã giúp Việt Nam giải quyết một cách căn bản tình trạng bất ổn của nền kinh tế với lạm phát cao, biến động tỷ giá lớn và bong bóng tài sản. Trong năm 2020, dòng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng chậm lại khi chỉ đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm trước và bằng 34,4% GDP. Trong đó vốn khu vực Nhà nước đạt 729 nghìn tỷ đồng, tăng 14,5% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 972,2 nghìn tỷ đồng, tăng 3,1%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 463,3 nghìn tỷ đồng, giảm 1,3%. Nhìn chung do ảnh hưởng của dịch bệnh, cơ cấu tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội đã có sự dịch chuyển nhẹ tăng tỷ trọng của khu vực vốn nhà nước. Và mặc dù khu vực nhà nước vẫn chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội song xu hướng co hẹp của khu vực này là rõ ràng. Với việc đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, khu vực này sẽ tiếp tục giảm tỷ trọng và tạo điều kiện cho khu vực tư nhân (hiệu quả hơn) tăng trưởng, đóng vai trò là động lực chính của nền kinh tế. Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội mặc dù tăng trưởng yếu song vẫn đạt mức cao so với GDP cho thấy các doanh nghiệp vẫn lạc quan vào triển vọng phục hồi của nền kinh tế.

b) Lạm phát, CPI:



Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI - Consumer Price Index) tháng 12/2020 CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%; CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020. CPI bình quân năm 2020 tăng do giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51%; giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28% so với năm trước, trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23%; giá thuốc và thiết bị y tế tăng 1,35% do dịch Covid-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp nên nhu cầu về mặt hàng này ở mức cao; (iv) Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2020 tăng 4,32% so với năm 2019. Trong năm 2021 sẽ không có nhiều yếu tố tác động khiến CPI có thể gia tăng vượt khỏi tầm kiểm soát. Giá điện nhiều khả năng sẽ được giữ nguyên để hỗ trợ nền kinh tế, giá xăng dầu cũng có khả năng ổn định do nhu cầu yếu trên toàn

cầu, giá các mặt hàng dịch vụ công như giáo dục và y tế đã được điều chỉnh theo lộ trình trong vài năm gần đây nên không thể có yếu tố đột biến, giá thị lợn nhiều khả năng sẽ giảm khi dịch bệnh đi qua và các hộ chăn nuôi tăng cường tái đàn khi có lợi nhuận cao. Về nguyên nhân tiền tệ, Chính sách của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cũng không gây áp lực lên CPI trong năm 2021 khi từ năm 2018 NHNN đã kiên định điều hành thận trọng và kiểm soát mức tăng trưởng tín dụng dưới 14% (thậm chí tín dụng năm 2020 có thể chỉ tăng dưới 11% do nhu cầu vốn kinh doanh giảm). Nguyên nhân chính tạo ra lạm phát tại Việt Nam vẫn xuất phát chủ yếu từ nguyên nhân tiền tệ. Trong các năm lạm phát mất kiểm soát trong quá khứ như năm 2008, 2010 và 2011, tỷ lệ tăng cung tiền và tín dụng của các năm liền trước đều rất cao. Hiện nay, độ chênh lệch giữa tăng trưởng GDP danh nghĩa và tăng trưởng cung tiền không còn lớn như các năm trước đây do đó rủi ro lạm phát cao gần như không đáng kể. Các yếu tố bên ngoài như giá hàng hóa cơ bản trên thế giới, giá dịch vụ công có thể gây áp lực lạm phát trong ngắn hạn song không đáng quan ngại. Về cơ bản lạm phát tại Việt Nam đã được kiểm soát chặt chẽ. NHNN sẽ tiếp tục duy trì quan điểm điều hành như hiện nay trong tương lai.

c) Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán

Tỷ giá VND/USD diễn biến ổn định dao động quanh một biên hẹp trong suốt năm 2020.

Diễn biến tỷ giá VND/USD từ đầu năm 2020 cho đến giữa tháng 3 khá ổn định với mức dao động tỷ giá VND/USD chỉ ở mức 0,2 – 0,3%. Đến giai đoạn từ giữa tháng 3 đến đầu tháng 4/2020, tỷ giá VND/USD tăng khá mạnh khoảng 1,86% do nhu cầu USD tăng mạnh trước biến động của thị trường tài chính toàn cầu. Sau đó, tỷ giá VND/USD đã ổn định trở lại và giảm dần trước khi tăng nhẹ trở lại vào tháng 12 năm 2020 và trở về gần mức đầu năm.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, NHNN áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm, tuy nhiên chủ yếu để thị trường tự điều tiết và chưa có động thái bán ra lượng lớn USD để can thiệp vào thị trường. Tận dụng điều kiện thị trường thuận lợi và nguồn cung USD dồi dào, NHNN tiếp tục mua vào USD để làm dày thêm dự trữ ngoại hối qua đó làm tăng dự địa điều hành tỷ giá VND/USD các năm sau.

Áp lực lên tỷ giá VND/USD trong tháng 4 2019 có tăng lên khi nền kinh tế thế giới suy thoái mạnh khiến nhiều nhà đầu tư có xu hướng tích trữ USD làm nguồn cầu khan hiếm, song với các biện pháp can thiệp của Cục Dự trữ Liên bang (FED - Federal Reserve System), thị trường đã sớm bình ổn trở lại. FED đã hạ lãi suất về mức 0%, đồng thời bơm một lượng tiền khổng lồ vào thị trường tài chính thông qua động thái mua trái phiếu. Chính các động thái bơm tiền mạnh mẽ của FED đã giảm áp lực lên VND cũng như các đồng tiền khác của các quốc gia mới nổi.

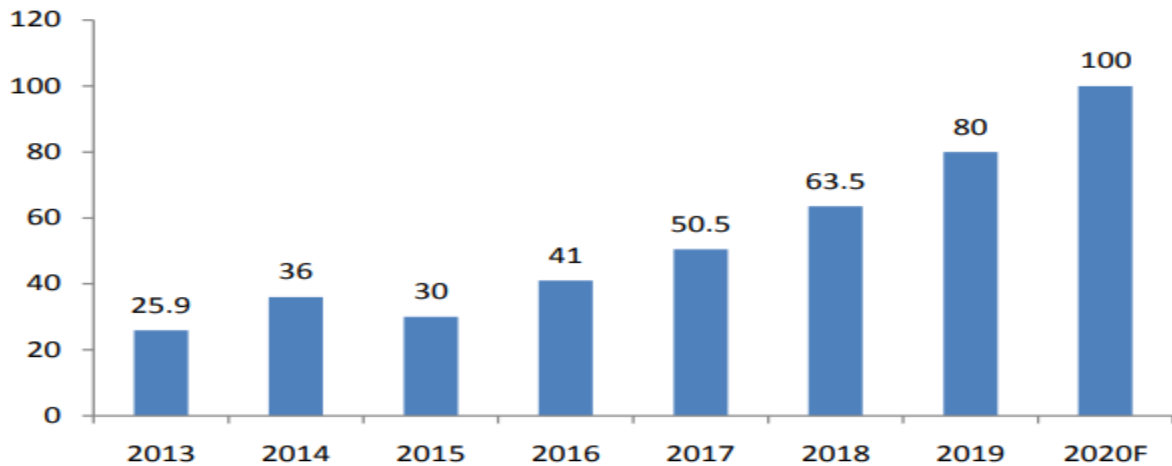
Dự trữ ngoại hối được củng cố và duy trì đà gia tăng trong năm 2020 khi cán cân thanh toán thặng dư. Ước tính dự trữ ngoại hối thời điểm hiện tại đạt khoảng 100 tỷ USD khi NHNN đã tiếp tục mua vào USD tại những thời điểm thuận lợi tạo điều kiện giữ ổn định tỷ giá. Trong năm 2021, NHNN sẽ chủ động điều hành ngay từ đầu năm do đó hoàn toàn chủ động trong việc điều hành tỷ giá linh hoạt trong biên độ an toàn.

Với xu hướng dao động đi xuống của USD trên thị trường tài chính thế giới cộng thêm áp lực lạm phát của Việt Nam sẽ không tăng mạnh trong 2020, sức ép giảm giá VND so với USD gần như không đáng kể. Nhìn chung, NHNN vẫn phải cân đối hai mục tiêu là ổn định vĩ mô và hỗ trợ xuất khẩu do đó không có động lực hạ giá hay tăng giá VND quá mạnh nếu không chịu sức ép từ lạm

phát hoặc từ môi trường kinh tế thế giới.

Cán cân thương mại của Việt Nam thặng dư khoảng hơn 19,1 tỷ USD trong năm 2020 nên đã tạo ra sự hỗ trợ vững chắc cho công tác ổn định tỷ giá tại Việt Nam của NHNN.

Dự trữ ngoại hối của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Dự trữ ngoại hối của Việt Nam trong năm 2021 sẽ không tăng mạnh như năm 2020 song vẫn sẽ gia tăng nhờ được hỗ trợ bởi thặng dư cán cân vãng lai, dòng vốn đầu tư nước ngoài (cả trực tiếp và gián tiếp) và kiều hối. Hiện tại, dự trữ ngoại hối ước đạt 100 tỷ USD đã đạt trên 3,5 tháng nhập khẩu và cao hơn đáng kể so với mức nợ ngoại tệ ngắn hạn của nền kinh tế là 21,9 tỷ USD do đó rủi ro tỷ giá tăng cao trong 2021 là khá thấp.

2. Rủi ro về pháp luật

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng, cụ thể là khai thác đá trắng, hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê không chỉ chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại và còn cả hệ thống văn bản luật chuyên ngành như Luật Khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường, ... Đồng thời, là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Để tuân thủ đúng pháp luật, nhóm pháp chế trực thuộc Ban kiểm soát nội bộ thường xuyên cập nhật, đối chiếu các quy định của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và phổ biến đến từng bộ phận, chức năng chuyên môn. Đồng thời, các bộ phận chức năng chuyên môn cũng thường xuyên liên hệ, trao đổi và nhận được sự hướng dẫn chỉ đạo trực tiếp từ các cơ quan thẩm quyền. Các chuyên viên pháp chế rà soát 100% các hợp đồng và thỏa thuận được ký kết. Khi cần thiết, Công ty có thể nhờ các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị của công ty hiện nay đang có thành viên có trình độ chuyên môn về luật; thêm vào đó, lại có kinh nghiệm trong lĩnh vực về ngành khai thác khoáng sản, nên việc cập nhật các quy định mới, để tuân thủ đúng luật pháp càng được chú trọng hơn nữa.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro về cân đối dòng tiền

Với danh mục nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa, Công ty luôn cần một lượng tiền lớn để đầu tư và phát triển. Trong một thời điểm nhất định, sự mất cân đối về dòng tiền thu và chi sẽ gây rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc đầu tư, mua nguyên liệu có thể bị dừng khi thiếu vốn; tiền lương và các khoản vay nếu không được trả đúng hạn sẽ ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của công ty. Ngoài ra, giá hạt CaCO₃ Filler Masterbatch có thể biến động do quan hệ cung cầu trên thị trường, hay có thể tồn đọng vấn đề nợ khó đòi.

Công ty luôn đề cao quản lý chặt chẽ dòng tiền và xây dựng một cơ cấu vốn hợp lý giữa nguồn vốn đầu tư dài hạn và ngắn hạn. Với khả năng giá sản phẩm có thể biến động trên thị trường, Nhựa Pha Lê sẽ cung cấp nguyên liệu với mức giá linh hoạt, cho phép dự án duy trì tỷ suất lợi nhuận bất kể giá cả dao động. Nhựa Pha Lê xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng với từng nhóm khách hàng cũng như thực hiện kế hoạch trả nợ nhà cung cấp để duy trì các khách hàng lớn đối với các sản phẩm của nhà máy, đồng thời luôn giữ chữ tín trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

❖ Rủi ro cạnh tranh và thị trường

Với mức biên lợi nhuận đang và tiềm năng phát triển lớn cao, những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất hạt nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Hiện nay trên thị trường miền Bắc đang có khoảng 30 nhà sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch hoạt động chủ yếu tại Hà Nam, Hà Nội, Yên Bái. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn đang manh mún và nhỏ lẻ, tuy nhiên vẫn có các doanh nghiệp có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh cho Nhựa Pha Lê.

Để kiểm soát rủi ro, Nhựa Pha Lê đã đưa ra một số định hướng phát triển như: Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, tập trung sản xuất những sản phẩm chất lượng cao và tạo ra sự chuyên biệt so với các doanh nghiệp khác; Huy động thêm vốn để mở rộng quy mô sản xuất, sớm giành được thị phần và đạt được độ phủ thị trường lớn đối với sản phẩm Công ty; Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông, quá sản phẩm, ...

❖ Rủi ro về chất lượng sản phẩm

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực đòi hỏi hàm lượng chất xám và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Chất lượng sản phẩm được quyết định bởi hai yếu tố quan trọng nhất là chất lượng và sự ổn định nguồn nguyên

liệu cũng như sự đồng đều của cỡ hạt đầu ra. Công ty hiện nay đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy.

Để hạn chế rủi ro về chất lượng, Nhựa Pha Lê đã đề ra các chiến lược như: chuẩn hóa hệ thống kiểm tra kiểm soát và ban hành các chính sách chặt chẽ, thuê tư vấn chuyên nghiệp tái cấu trúc mô hình quản lý, quản trị rủi ro; Xây dựng kế hoạch kế thừa các cấp hàng năm; Tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa; Tiếp tục chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng; Thanh lọc lực lượng nhân sự đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc, nêu cao tinh thần dấn thân và tính trung thành. Đối với những vị trí quan trọng, Công ty chú trọng tuyển chọn các vị trí quản lý và vận hành có kinh nghiệm lâu năm. Đối với những vị trí chưa có nhiều kinh nghiệm, Công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo thực hành tại những đơn vị sản xuất bột đá đã vận hành trên 10 năm nay.

4. Rủi ro của đợt chào bán

❖ Rủi ro của đợt chào bán

Nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng vẫn đang diễn biến phức tạp và khó lường, giá cổ phiếu biến động mạnh nên đợt chào bán có thể gặp rủi ro không chào bán hết do các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- ✓ Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá phát hành phù hợp tại thời điểm phát hành nhưng không ưu đãi hơn so với cổ đông hiện hữu. Xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) gia hạn thời gian phát hành nếu xét thấy cần thiết.
- ✓ Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh nếu phát sinh. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã duy trì được mối quan hệ tín dụng tốt với các ngân hàng. Do vậy, trong trường hợp thiếu hụt số vốn cần thiết, Công ty sẽ có giải pháp vay ngân hàng để đảm bảo đủ vốn cần thiết. Phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và làm giảm lợi nhuận.

Theo đánh giá của Nhựa Pha Lê, với triển vọng tăng trưởng như hiện tại thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là rất lớn, đảm bảo sự thành công của đợt phát hành.

❖ Rủi ro sử dụng vốn từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán của Công ty chủ yếu được dùng để đầu tư sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê, cụ thể là đầu tư thêm vào một số công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công ty có tiềm năng phát triển. Vấn đề này có thể tạo nên những rủi ro nhất định đến tính hiệu quả của những dòng vốn mới huy động trong giai đoạn trước mắt, đặc biệt nếu thị trường có những biến động bất lợi khiến do kết quả kinh doanh của dự án đầu tư không đạt được như kỳ vọng trong thời gian đầu. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty tăng cường đẩy mạnh công tác quản trị, trong đó chú trọng đến quản trị dòng tiền và quản

trị việc thực hiện các dự án theo đúng tiến độ.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán trong năm 2021 dự kiến là 20.000.000 cổ phiếu chiếm 50% lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

❖ Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}}$$
$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*12 + Y*t}{12}$$

- ✓ X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{1. \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2021.

❖ Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Giá của một loại hàng hóa phụ thuộc rất lớn vào cung - cầu trên thị trường của hàng hóa đó. Nếu nguồn cung lớn, cầu ít thì giá sẽ tăng và ngược lại. Giá cổ phiếu cũng không nằm ngoài quy luật trên. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của Công ty sẽ làm tăng nguồn cung cổ phiếu ra thị trường, như vậy, rủi ro bị pha loãng giá cổ phiếu có thể sẽ xảy ra làm cho giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường giảm xuống.

Cụ thể giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức:

Đối với cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{t1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

PRt-1 : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

P_{r1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I₁ : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho CĐHH

Trong năm 2021, Nhựa Pha Lê dự kiến sẽ chào bán 20.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 50% so với số cổ phiếu lưu hành hiện tại, vì vậy giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Như vậy, có thể nói, giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và EPS của Công ty có nguy cơ bị giảm do tác động pha loãng. Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

❖ Rủi ro pha loãng Giá trị sổ sách của cổ phần (BV):

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phần (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành - cổ phiếu quỹ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của} & & & 443.693.737.415 \\ \text{cổ phần} & = & \frac{\quad}{\quad} & = 11.092 \text{ đồng/ cổ phiếu} \\ \text{(31/12/2020)} & & & 39.999.847 \end{aligned}$$

(Theo BCTC năm 2020 đã được kiểm toán của Nhựa Pha Lê)

6. Rủi ro quản trị công ty

Việc tăng vốn điều lệ sẽ giúp cho Nhựa Pha Lê tăng năng lực sản xuất, tăng khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn, tăng uy tín và thương hiệu trên thị trường, từ đó gia tăng số hợp đồng ký kết. Tuy nhiên, quy mô vốn tăng lên khiến cho quy mô hoạt động cũng như khối lượng công việc tăng lên, từ đó tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty nếu bộ máy điều hành hoạt động không hiệu quả.

Tính đến thời điểm hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm nhiều cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực, từ khai khoáng đến sản xuất, công nghệ trong ngành nhựa cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Các vấn đề trước khi quyết định đều được thảo luận một cách kỹ lưỡng, cân trọng trên cơ sở đồng thuận, biểu quyết theo đa số. Đây là một trong các yếu tố quyết định cho sự ổn định và bền vững trong hoạt động của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công trực tiếp nhiệm vụ quản trị theo từng mảng hoạt động. Một số thành viên Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách, cho nên tiến độ giải quyết công việc nhanh, kịp thời và hiệu quả.

Hoạt động trực tiếp theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Ban điều hành của và quy mô hoạt động gồm những cá nhân có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, có năng lực quản lý điều hành, nắm bắt được xu thế thị trường và thực thi đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành gồm Tổng giám đốc điều hành chung và các Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc. Ban điều hành có chức năng cụ thể hóa chiến lược tổng thể và các mục tiêu được Công ty đề ra bằng các kế hoạch và phương án kinh doanh; tham mưu cho Hội đồng quản trị các vấn đề về chiến lược, chính sách và trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông của Nhựa Pha Lê cũng đã bầu ra một Ban kiểm soát hoạt động tích cực, thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát các hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động của Công ty.

Với bộ máy lãnh đạo tâm huyết và chuyên nghiệp, cùng hệ thống các quy trình, quy định quản trị nội bộ chặt chẽ, Nhựa Pha Lê hoàn toàn tự tin vào việc đảm bảo khả năng quản trị, năng lực quản lý phù hợp với quy mô vốn và quy mô hoạt động mới.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch họa, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/PLP/ Nhựa Pha Lê	:	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
CTCP	:	Công ty cổ phần
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
VĐL	:	Vốn điều lệ
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BTGD	:	Ban Tổng Giám đốc
BKS	:	Ban Kiểm soát
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKDN	:	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCTC KT	:	Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	:	Đồng Việt Nam
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- ✓ Tên công ty: **Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**
- ✓ Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **Pha Le Plastics Manufacturing and Technology Joint Stock Company**
- ✓ Tên công ty viết tắt: **Pha Le Plastics Manufacturing And Technology ., JSC**
- ✓ Trụ sở chính: **Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng.**
- ✓ Địa chỉ liên hệ: **Văn phòng Hà Nội - Tầng 2, Tháp A Tòa nhà Rivera Park Hà Nội, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thành Xuân, Thành phố Hà Nội.**
- ✓ Vốn điều lệ: **400.000.000.000 đồng**
- ✓ Mã cổ phiếu: **PLP** Sàn niêm yết: **HOSE**
- ✓ Điện thoại: **(+84-24) 3555 1669** Fax: **(+84-24) 3555 1671**
- ✓ Website: <http://phaleminerals.com.vn/>
- ✓ Logo của Công ty:

- ✓ Người đại diện theo pháp luật: **Ông Mai Thanh Phương** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**
- ✓ Giấy chứng nhận ĐKDN: **Số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/10/2020**
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - *Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);*
 - *Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;*
 - *Sản xuất sản phẩm từ plastic;*
 - *Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.*

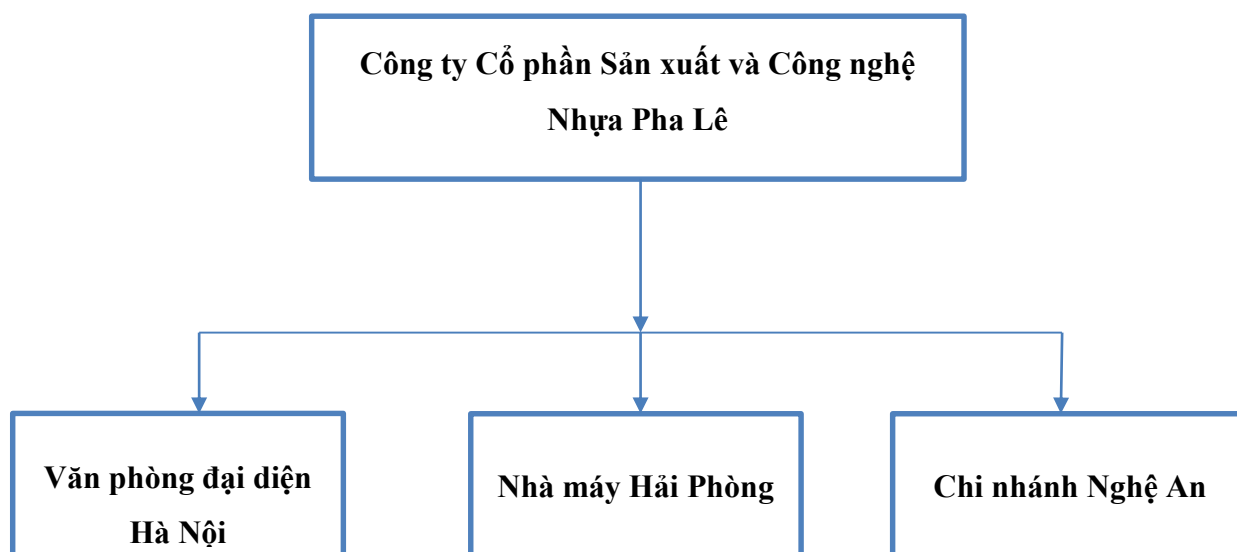
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Năm	Thành lập & Phát triển
11 /2008	Chính thức thành lập, hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/11/2008.
10/2009	Công ty được UBND Tỉnh Nghệ An cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản tại khu vực Thung Hung, xã châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An, thời hạn cấp phép là 5 năm.
07/2010	Đăng ký cấp lại mã số doanh nghiệp từ 0103027919 sang số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/10/2010
2010 – 2013	Thành lập Chi nhánh Nghệ An tại Mỏ Thung Hung, xây dựng bộ máy quản lý và giải phóng mặt bằng, làm đường mở rộng khai thác.
04/2014	Đầu tư xây dựng Xưởng khai thác đá với công suất 100 tấn / giờ và Xưởng tuyển đá chíp với công suất 30 tấn/ giờ tại Mỏ Thung Hung.
09/2014	Công ty chính thức đưa Nhà máy sản xuất đá CaCO ₃ tại Quỳnh Hợp Nghệ An đi vào hoạt động với sản lượng 199.680 tấn/ năm. Sản phẩm được các đối tác trong và ngoài nước đón nhận.
10/2014	Công ty được Ban quản lý KTT Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư Dự Án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘT ĐÁ SIÊU MỊN “ tại KCN Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với diện tích 20.000 m ² đất, công suất 108.000 tấn/ năm.
12/2014	Công ty được Ban quản lý KTT Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh Dự án “NHÀ MÁY SẢN XUẤT BỘT ĐÁ SIÊU MỊN& PHỤ GIA NGÀNH NHỰA” tại KCN Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với quy mô sản xuất bột đá siêu mịn công suất 108.000 tấn/ năm và 96.000 tấn phụ gia ngành nhựa/năm.
06/2015	Chuyển trụ sở chính về thành phố Hải Phòng, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103018538, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/06/2015
09/2015	Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 1 đưa 04 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO ₃ đi vào hoạt động. Gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An với thời hạn khai thác là 22 năm (tính từ tháng 10/2015).
2016	Hoàn thành lắp đặt và đi vào vận hành 04 dây chuyền sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ Filler Masterbatch đi vào hoạt động.

- 05/2017 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng với mục đích tăng vốn lưu động và mua tài sản cố định. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103018538, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017
- 21/8/2017 Cổ phiếu Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 296/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- 4/2019 Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng thông qua việc phát hành trả cổ tức và chào bán cho cổ đông hiện hữu với mục đích mua tài sản cố định và đầu tư góp vốn vào các đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/01/2019.
Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103018538, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23/05/2019
- 8/2020 Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Văn bản số 4598/UBCK-QLCB ngày 24/07/2020 của UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của PLP., nâng vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng.
Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103018538, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/10/2020

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

- ✓ Trụ sở chính: Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban nghiệp vụ.

Văn phòng đại diện Hà Nội

- ✓ Địa chỉ: Tầng 2, Tháp A Tòa nhà Rivera Park Hà Nội, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thành Xuân, Thành phố Hà Nội.
- ✓ Điện thoại: (+84-24) 3555 1669 Fax: (+84-24) 3555 1671
- ✓ Hoạt động kinh doanh chính: Bán hàng thương mại

Nhà máy Hải Phòng

- ✓ Địa chỉ: Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng.
- ✓ Điện thoại: 02435551669
- ✓ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất hạt nhựa

Chi nhánh Nghệ An

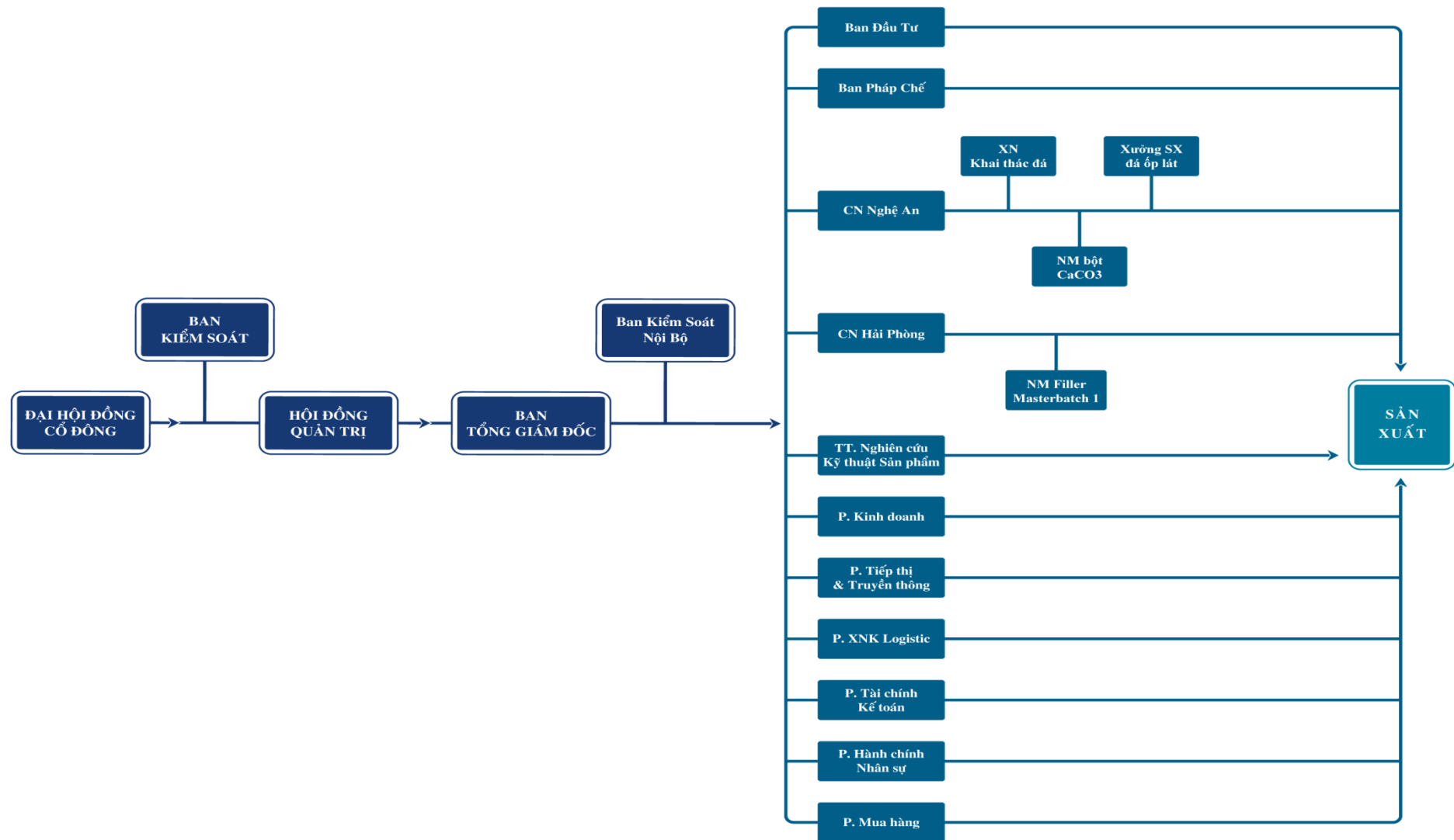
- ✓ Địa chỉ: Bản Hạt, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
- ✓ Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác và sản xuất đá

Các chi nhánh, nhà máy là nơi đặt các nhà máy sản xuất của công ty, là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và kế hoạch cụ thể của Công ty.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý công ty



Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được thông qua bởi Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển Công ty.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

❖ **Ban kiểm soát**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Nhựa Pha Lê theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

❖ **Các phòng/Ban/Đơn vị chức năng: Công ty có 07 phòng, ban chức năng, bao gồm:**

Phòng Hành chính quản trị

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của công ty.
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo.
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc.

- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Tổng Giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty.
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BTGD và Người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

Phòng Tài chính, kế toán

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty.
- Kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Quản lý chi phí của Công ty.
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty.

Phòng Kế hoạch, Vật tư

Phòng kế hoạch & vật tư là một bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trên các lĩnh vực:

- Quản lý và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) trong theo định hướng phát triển của Công ty.
- Công tác thị trường và ký kết hợp đồng kinh tế các loại: Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu, hợp đồng mua bán các loại vật tư, thiết bị...
- Công tác điều độ sản xuất, công tác thống kê kế hoạch SXKD, công tác quản lý mua sắm và dự trữ các loại vật tư phục vụ cho SXKD, công tác quản trị chi phí sản xuất.
- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm xã hội tại Công ty.

Phòng Kinh doanh & Marketing

Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc về:

- Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty.
- Công tác đầu tư và phát triển kinh doanh.
- Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong Công ty.
- Công tác quản lý kinh tế.

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về nghiệp vụ kinh doanh.
- Hỗ trợ kinh doanh chi nhánh trong Công ty.
- Trực tiếp kinh doanh các sản phẩm của Công ty.
- Tiếp thị, tìm kiếm công việc, phát triển thị trường.
- Công tác đầu tư phát triển dự án, quản lý và khai thác các dự án đảm bảo hiệu quả cao và mục tiêu phát triển của Công ty.

Phòng Xuất nhập khẩu

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ, giúp Ban Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, logistic:

- Chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động xuất nhập khẩu.
- Lập và triển khai các kế hoạch nhằm đáp ứng tiến độ xuất hàng.
- Thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp: vận tải, bảo hiểm.
- Xử lý các thủ tục cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu, các vấn đề phát sinh khi thông qua: hồ sơ, chứng từ.
- Lập và triển khai các báo cáo cho hải quan theo yêu cầu của luật hải quan.
- Tham mưu cho Ban giám đốc các ý tưởng nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận.

Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC)

- Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ.
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: nguyên liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

Phòng nghiên cứu kỹ thuật công nghệ (QA)

Là phòng chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng. Phòng QA có nhiệm vụ:

- Đánh giá nội bộ hệ thống Quản lý chất lượng hàng năm của công ty.
- Tham gia các hoạt động cải tiến sản xuất.
- Phối hợp với bên sản xuất khi có khách hàng đánh giá công ty.
- Đánh giá nhà cung cấp, chất lượng hàng hóa.
- Thực hiện việc huấn luyện cho các bộ phận liên quan về việc áp dụng hệ thống, tiêu chuẩn

và quy trình cũng như những thay đổi của hệ thống và quy trình cho phù hợp với thực tế.

Các Nhà máy / Chi nhánh

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các xưởng sản xuất, hành chính, kế toán, QC, Kỹ thuật, kho vận, ANAT.

Với mô hình tổ chức quản lý như vậy, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận/ phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

5.1. Thông tin về công ty mẹ

Không có.

5.2. Thông tin về công ty con của Tổ chức phát hành

TT	Tên công ty	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê Ngày thành lập: 01/08/2019. Giấy CNĐKDN số 3603659567 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/08/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/07/2021. Vốn điều lệ: 190.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng.			
	<i>Tỷ lệ sở hữu của Nhựa Pha Lê</i>	46,81%	44%	51%
	<i>Tỷ lệ biểu quyết của Nhựa Pha Lê</i>	46,81%	44%	51%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

5.5. Công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác

TT	Tên công ty	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
----	-------------	------------	------------	------------

1	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global Ngày thành lập: 04/04/2019. Giấy CNĐKDN số 2901975816 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 04/04/2019. Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ plastic.			
	<i>Tỷ lệ sở hữu của Nhựa Pha Lê</i>	45,71%	19%	0%
	<i>Tỷ lệ biểu quyết của Nhựa Pha Lê</i>	45,71%	19%	0%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long Ngày thành lập: 22/10/2018. Giấy CNĐKDN số 5701960529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 22/10/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/07/2020. Vốn điều lệ: 520.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.			
	<i>Tỷ lệ sở hữu của Nhựa Pha Lê</i>	30%	30%	19%
	<i>Tỷ lệ biểu quyết của Nhựa Pha Lê</i>	30%	30%	19%
4	Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm Ngày thành lập: 15/08/2019. Giấy CNĐKDN số 3101073190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 15/08/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/04/2020. Vốn điều lệ: 39.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất.			
	<i>Tỷ lệ sở hữu của Nhựa Pha Lê</i>	33,9%	25,64%	25,64%
	<i>Tỷ lệ biểu quyết của Nhựa Pha Lê</i>	33,9%	25,64%	25,64%
5	Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An Ngày thành lập: 26/02/2013. Giấy CNĐKDN số 5701670467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 26/02/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10/12/2019. Vốn điều lệ: 66.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.			
	<i>Tỷ lệ sở hữu của Nhựa Pha Lê</i>	0%	0%	50%
	<i>Tỷ lệ biểu quyết của Nhựa Pha Lê</i>	0%	0%	50%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, vốn điều lệ thành lập của Nhựa Pha Lê là 100 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty có ba lần tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng, bao gồm:

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)	Phương thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Tháng 11/2008		100	Góp vốn thành lập	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103027919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2008
Tháng 5/2017	50	150	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017.
Tháng 4/2019	100	250	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và Chào bán cho cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/01/2019. Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23/05/2019.
Tháng 8/2020	250	400	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	Văn bản số 4598/UBCK-QLCB ngày 24/07/2020 của UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của PLP. Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/10/2020

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

Công ty không thực hiện các khoản góp vốn/ thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	3.098	38.889.276	97,22
* Cá nhân	3.070	37.486.332	93,71
* Tổ chức	28	1.403.097	3,51
II. Cổ đông nước ngoài	26	1.110.571	2,78
* Cá nhân	19	45.889	0,12
* Tổ chức	7	1.064.682	2,66
III. Cổ phiếu quỹ	1	153	0,00
Tổng	3.125	40.000.000	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 13/10/2021 do VSD cung cấp)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Trái phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

Tổng số trái phiếu thực tế phát hành: 100.000.000 trái phiếu.

Thời gian phát hành: 15/10/2020.

Kỳ hạn: 18 tháng.

Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/ trái phiếu.

Tổng giá trị Trái phiếu phát hành (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng.

Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty.

Phương thức phát hành: Đại lý phát hành – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tài sản đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng cổ phần thế chấp trị giá 144.837.000.000 đồng.

Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Hình thức trái phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

Lãi suất danh nghĩa: Trái phiếu có lãi suất cố định là 12%/năm cho toàn bộ Thời hạn Trái phiếu.

Kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 15/10/2021 và ngày 15/04/2022.

Lãi suất phát hành thực tế: Như lãi suất danh nghĩa.

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 100.000.000.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 100.000.000.000 đồng.

Danh sách trái chủ:

Stt	Nhà đầu tư trái phiếu	Số lượng	Giá trị nắm giữ (tỷ đồng)	Tỷ trọng
I	Nhà đầu tư trong nước	7	100	100%
1	Nhà đầu tư tổ chức	1	14,8	14,8%
2	Nhà đầu tư cá nhân	6	85,2	85,2%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	0	0	0
	Tổng cộng	7	100	100%

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

❖ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật

Căn cứ:

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư năm 2020;
- Cam kết cụ thể về gia nhập WTO của Việt Nam – Phần II: biểu cam kết cụ thể về dịch vụ - Danh mục miễn trừ đối xử Tối huệ quốc theo Điều II;
- Hiệp định thương mại tự do (FTAs);
- Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS);
- Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (FIA Việt Nam) thuộc Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và đầu tư,

Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với từng ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	(9329) Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	49%	Không quy định	Không quy định	49%	Không có
2	(4511) Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
3	(4541) Bán mô tô, xe máy	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
4	(4530) Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
5	(4543) Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
6	(1020) Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
7	(4312) Chuẩn bị mặt bằng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
8	(0899) Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu - (Chính)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%	Không có

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty (nếu có)
9	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
10	(1311) Sản xuất sợi	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
11	(1312) Sản xuất vải dệt thoi	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
12	(1313) Hoàn thiện sản phẩm dệt	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
13	(2030) Sản xuất sợi nhân tạo	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
14	(2610) Sản xuất linh kiện điện tử	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
15	(2630) Sản xuất thiết bị truyền thông	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
16	(2710) Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
17	(3312) Sửa chữa máy móc, thiết bị	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty (nếu có)
18	(3314) Sửa chữa thiết bị điện	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
19	(3320) Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
20	(4321) Lắp đặt hệ thống điện	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
21	(2396) Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Tiếp cận có điều kiện	Không có
22	(2511) Sản xuất các cấu kiện kim loại	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
23	(2013) Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
24	(2220) Sản xuất sản phẩm từ plastic	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
25	(2640) Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
26	(2750) Sản xuất đồ điện dân dụng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
27	(3530) Sản xuất, phân phối hơi	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty (nếu có)
	nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	định	định	định		
28	(4649) Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
29	(2819) Sản xuất máy thông dụng khác	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
30	(0810) Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%	Không có
31	(1080) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
32	(4229) Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng các công trình thể thao, vui chơi giải trí, sân tennis, sân golf; Xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
33	(4291) Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình đường thủy	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
34	(4293) Xây dựng công trình	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty (nếu có)
	chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	định	định	định		
35	(2592) Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
36	(3830) Tái chế phế liệu	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
37	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
38	(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
39	(1391) Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
40	(1392) Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
41	(4322) Lắp đặt hệ thống cấp,	Không quy	Không quy	Không quy	Không quy định	Không có

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty (nếu có)
	thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	định	định	định		
42	(2219) Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không có
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty đại chúng						49%

❖ **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty:**

Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.

❖ **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại**

Hiện một số ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty thuộc danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế tiếp cận thị trường với nhà đầu tư nước ngoài nhưng chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu tối đa cũng như chưa có hướng dẫn của Bộ chuyên ngành về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề này. Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, để đảm bảo quá trình chào bán cổ phiếu, PLP đã thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa với UBCKNN tại Công ty là 49% vốn điều lệ.

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 13/10/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty là 2,78%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Giới thiệu về hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được thành lập vào năm 2008. Khởi đầu từ một nhà máy khai khoáng nhỏ, công ty đã phát triển thành một doanh nghiệp có tiếng với đầy đủ chức năng đặt văn phòng tại Hà Nội và có hai nhà máy chiến lược tại thành phố cảng Hải Phòng và Nghệ An. Hiện tại, Nhựa Pha Lê đang thực hiện thăm dò tại 3 mỏ đá cẩm thạch trắng tại Nghệ An và đặc biệt là sở hữu quyền khai thác tại mỏ đá CaCO₃ tại núi Thung Hung, Quỳnh Hợp có diện tích trên 5 ha được đánh giá là một trong những nguồn đá CaCO₃ có chất lượng tốt nhất trên thế

giới xét về độ sáng và độ trắng với trữ lượng dồi dào.



Ảnh: Mỏ đá Thung Hung tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Với nguồn nguyên liệu thô sẵn có, trong 8 năm qua Nhựa Pha Lê đã tập trung đầu tư vào các phương pháp khai thác tiên tiến nhất đặc biệt là công nghệ xử lý để có thể chủ động quản lý chất lượng sản phẩm một cách tốt nhất nhằm đáp ứng thị trường nội địa cũng như quốc tế với sản lượng từ 300.000 đến 500.000 tấn một năm.

Giai đoạn 2014 – 2016, nắm bắt được thông tin về các chính sách ưu đãi của Nhà nước, Nhựa Pha Lê đã xây dựng nhà máy và các cơ sở sản xuất của mình tại vị trí chiến lược: Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng, nơi công ty đã được cấp giấy phép xây dựng cho nhà máy chuyên sản xuất bột siêu mịn CaCO_3 và sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO_3 ("Filler Masterbatch"), bao bì, ... Sản lượng sản xuất thiết kế bột siêu mịn CaCO_3 hàng năm đạt mức 150.000 đến 200.000 tấn và hạt nhựa Filler Masterbatch đạt sản lượng 96.000 tấn/ năm.



Ảnh: Nhà máy sản xuất hạt Filler Masterbatch tại Hải Phòng.

Hạt nhựa Filler Masterbatch được ứng dụng trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm,

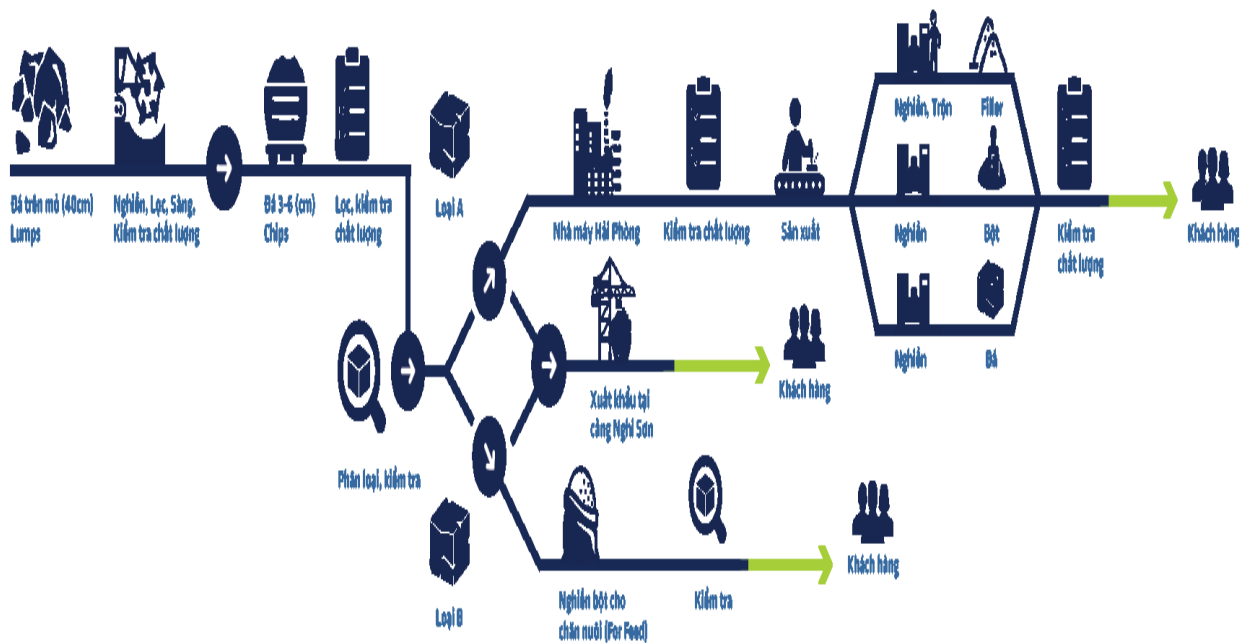
ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm. Ngoài việc sở hữu mỏ đá và nhà máy, Nhựa Pha lê là một trong những Công ty tại Việt Nam có thể thực hiện và kiểm soát toàn bộ quy trình khép kín từ khai thác, chế biến, sản xuất, và cung cấp cho người dùng cuối.

Từ xuất khẩu nguyên liệu khai thác trực tiếp từ mỏ đá. Năm 2014, Nhựa Pha Lê tiến thêm một bước bằng việc đầu tư dây chuyền sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch. Đã được nghiền thành bột, ép thành hạt nhựa, chủ yếu xuất khẩu, phục vụ cho ngành sản xuất bao bì & ép khuôn, xuất khẩu sang 39 nước. Dù vậy, Công ty vẫn muốn gia tăng thêm giá trị thặng dư cho sản phẩm, sử dụng công nghệ để tạo ra các sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Từ năm 2018, Nhựa Pha Lê dành 3% doanh thu hàng năm đầu tư cho R&D, hợp tác với các giáo sư tiến sỹ đầu ngành của Đại học Bách Khoa Hà Nội nghiên cứu sâu các ứng dụng của CaCO₃.

Công ty hiện đang xây dựng mô hình kinh doanh của mình một cách toàn diện để đảm bảo giao hàng nhanh nhất cũng như chất lượng được giám sát chặt chẽ và kiểm soát dễ dàng ở bất kỳ giai đoạn nào. Nhờ việc duy trì được một đội ngũ nhân viên xuất sắc và mô hình logistics tối ưu nhất. Nhựa Pha Lê đã thành công trong việc giữ giá cả cạnh tranh nhưng vẫn sản xuất được các sản phẩm chất lượng cao với thời gian giao hàng chuẩn xác tới khách hàng.

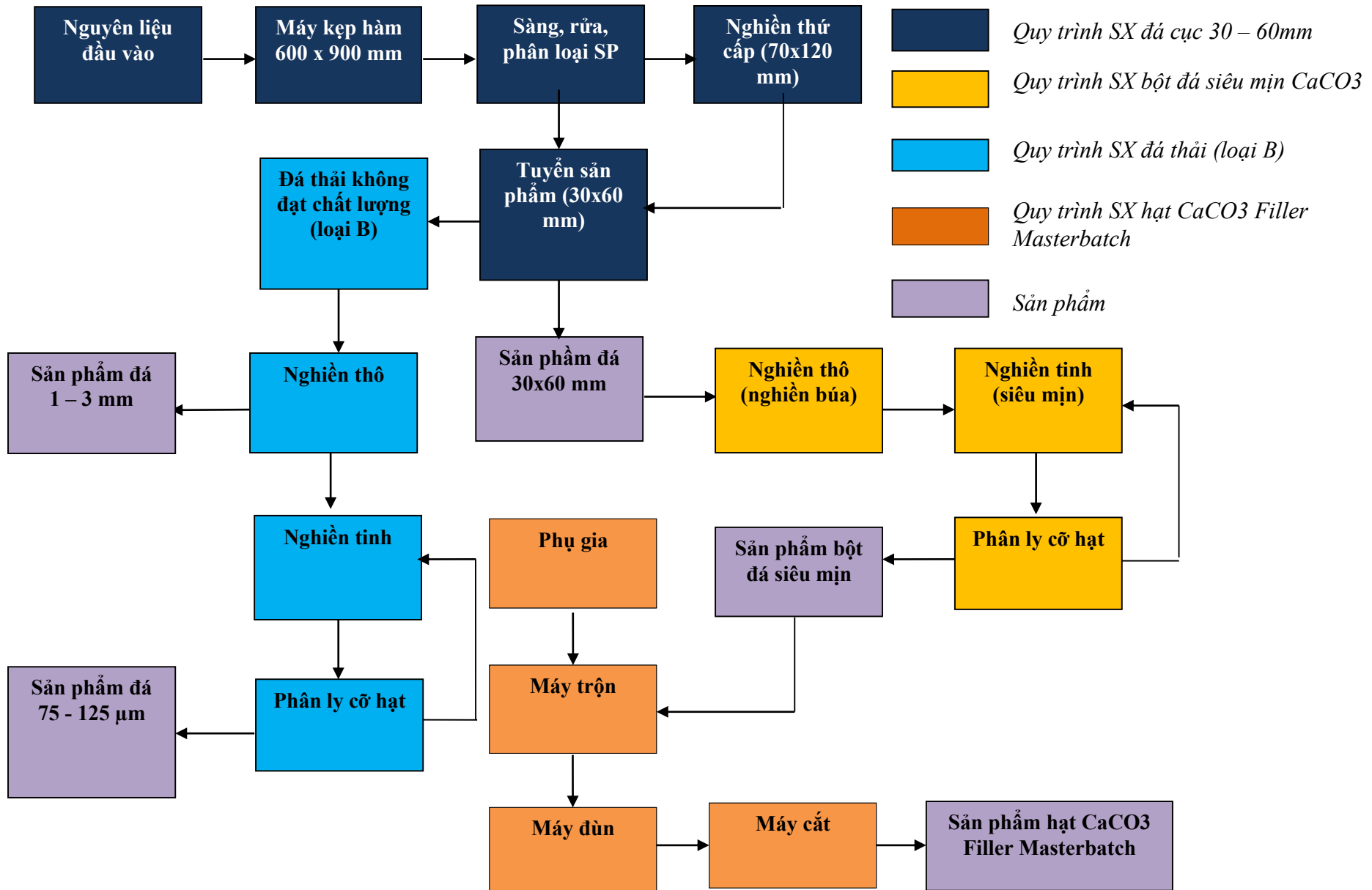
❖ Quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất tổng quát



[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Quy trình sản xuất chi tiết



10.1.2. Các sản phẩm từ đá CaCO₃:

Canxi Cacbonat (CaCO₃) là một trong những vật liệu hữu ích và linh hoạt nhất đối với loài người, rất phổ biến và được tìm thấy trên khắp thế giới trong trầm tích, đá biến chất và đá lửa. Hình thức tự nhiên phổ biến nhất của đá CaCO₃ là đá phấn, đá vôi, đá cẩm thạch được hình thành từ các trầm tích của vỏ ốc nhỏ hóa thạch, sò và san hô qua hàng triệu năm.

Đá CaCO₃ nằm trong hơn 4% của lớp vỏ trái đất và được tìm thấy trên khắp thế giới, đó là lý do tại sao đó là một trong những vật liệu thô được sử dụng rộng rãi nhất trong hơn 5000 năm qua. Tuy nhiên, mặc dù các mỏ quặng khá phong phú, nhưng chỉ có một số ít là có chất lượng đủ cao để được đưa vào sử dụng và thậm chí một số mỏ sẽ ưu tiên cung cấp nguyên liệu thô phục vụ cho công nghiệp và nông nghiệp hơn là các ngành công nghiệp xây dựng công trình và đường xá.

Từ nguồn nguyên liệu đá CaCO₃ phong phú được khai thác từ mỏ đá nằm tại Quỳnh Hợp, Nghệ An, Nhựa Pha lê đã phân loại, kiểm soát và xử lý triệt để sau đó nghiền thành bột đá. Nhựa Pha Lê sử dụng máy nghiền và công nghệ tiên tiến đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo độ trắng sáng và theo nhu cầu của khách hàng. Tiếp đó bột đá được phân loại thành các nhóm với nhiều mục đích sử dụng khác nhau, được đóng gói và vận chuyển đến khách hàng qua đường bộ hoặc đường thủy.

Một số sản phẩm chủ yếu:

Sản phẩm đá CaCO₃



Sản phẩm bột đá

Bột đá cho thức ăn chăn nuôi



10.1.3. Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch

Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch (“hạt Filler Masterbatch”) là hợp chất phụ gốc Calcium carbonate (CaCO₃) được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp nhựa để thay đổi thuộc tính khác nhau của nhựa nền hoặc nhựa polyme. Đây là công thức đặc biệt bằng cách pha trộn kép polyolefin với Calcium Carbonate siêu mịn trong quá trình ép nhựa, mục đích để giảm giá thành sản phẩm cho khách hàng. Hạt phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch được sản xuất từ sản phẩm bột đá Cacbonat canxi - CaCO₃ với tỷ lệ từ 70% đến 85% có tráng phủ axit béo trên nền nhựa Polyolefin. Hạt phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch thành phẩm được sử dụng làm chất độn cho sản xuất bao bì PP, PE, ép đùn, ép phun, cán màng,... cho các sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng.



Ứng dụng sản phẩm khác từ đá CaCo₃ cho các ngành công nghiệp::

- *Sản xuất tấm trần – khung – cửa nhựa:* Hạt Filler Masterbatch được sử dụng rộng rãi trong nhựa PVC cứng và được ứng dụng nhiều nhất trong sản xuất ống nhựa và tấm trần. Sử dụng sản phẩm hạt Filler Masterbatch làm gia tăng độ bền sản phẩm, độ phân tán trong hóa chất nhựa tốt hơn, độ bóng sản phẩm đạt được tối ưu, cải tiến quá trình sản xuất. Vì vậy hạt Filler Masterbatch là một loại nguyên liệu không thể thiếu trong quá trình sản xuất những loại sản phẩm này. Hạt Filler Masterbatch có ảnh hưởng lớn đến những đặc tính của sản phẩm như là độ bền trong môi trường tự nhiên, thời gian sử dụng sản phẩm, do đó lựa chọn đúng loại hạt Filler Masterbatch để sử dụng làm nguyên liệu là rất quan trọng
- *Sản xuất ống nhựa PVC và phụ kiện nhựa:* Sử dụng sản phẩm hạt Filler Masterbatch trong nhựa Polyolefin sẽ tạo độ cứng cao hơn, cải thiện quá trình sản xuất, rút ngắn thời gian và giảm chi phí. Trong phụ kiện chủ yếu làm tăng lợi nhuận.
Đối với ống PVC chịu áp lực thường sử dụng hạt Filler Masterbatch độn với hàm lượng ít vì để tạo cho sản phẩm ống chịu được áp lực mức cao nhất, bề mặt sản phẩm láng bóng nhất và chịu được tác động bề mặt. Cũng như những sản phẩm trên, chất lượng Filler Masterbatch là chìa khóa để sản phẩm thành công trên thị trường trong việc sản xuất ống cấp thoát nước PVC và phụ kiện nhựa.
- *Sản xuất dây cáp điện (nhựa Polyolefin):* tỷ trọng hạt Filler Masterbatch được sử dụng ngày càng tăng với mục đích để giảm giá thành, bên cạnh đó hạt Filler Masterbatch có thể xem như chất chống cháy (nếu kết hợp đúng với loại nhựa và phụ gia khác).

Để đạt được chi phí hiệu quả nhất, nhà sản xuất dây cáp điện có thể chọn nhiều loại hạt Filler

Masterbatch cho nhiều loại dây cáp, từ loại dây cáp có lớp cách điện mỏng cho đến loại dây cáp có lớp cách điện dày.

- *Sản xuất màng:* Hạt Filler Masterbatch được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất những màng mỏng cho đến sản xuất những tấm dày, làm tăng các tính chất hóa học và cải thiện năng suất sản xuất. Hạt Filler Masterbatch làm giảm chi phí sản xuất, tăng độ cứng, độ bền trong việc làm chất độn cho các sản phẩm. Công nghệ sản xuất màng được ứng dụng trong sản xuất những sản phẩm nhựa rộng rãi, sản xuất từ những màng nhựa thoát hơi cho đến màng bọc đúc ép cũng như là những tấm chịu nhiệt. Sử dụng hạt Filler Masterbatch trong sản xuất sản phẩm màng nhựa thoát hơi với những lỗ nhỏ li ti có những ưu điểm vượt trội đặc biệt liên quan đến vấn đề vệ sinh, hạt Filler Masterbatch là chất hoạt động trong trường hợp này, cung cấp cho lớp màng với những tính chất đặc biệt cho phép thoát hơi thông qua hệ thống lỗ nhỏ li ti. Đối với màng bọc đúc ép, hạt Filler Masterbatch giúp giảm chi phí giá thành trong sản xuất và cải tiến chất lượng bọc, hạt Filler Masterbatch được sử dụng trong nhựa LDPE, LLDPE, HDPE và PP.
- *Sản xuất sợi:* Hạt Filler Masterbatch thường được sử dụng trong nhựa PE hoặc túi PP, dệt túi PP chống ảnh hưởng của việc phân đoạn hoặc chống ảnh hưởng của việc kết sợi.
- *Sản xuất hạt Polyolefin:* Hạt Filler Masterbatch còn thích hợp trong sản xuất hạt Polyolefin nhằm giảm phân đoạn định hình nhựa PP, tăng độ cứng, giảm lượng Titan oxit và giảm lượng nguyên vật liệu.
- *Các sản phẩm đúc:* Khi sử dụng sản phẩm hạt Filler Masterbatch trong sản xuất sản phẩm đúc, độ cứng và độ bền sẽ được cải tiến dẫn đến tiết kiệm chi phí.
- *Thổi khuôn:* Hạt Filler Masterbatch được ứng dụng trong thổi khuôn để sản xuất chai lọ hoặc những sản phẩm dùng làm vật chứa sẽ có những ưu điểm, bằng cách lựa chọn những loại nguyên liệu nhựa phù hợp với hạt Filler Masterbatch thì nhà sản xuất sẽ tạo ra sản phẩm hoặc vật chứa có trọng lượng cân bằng và giảm chi phí.
- *Phun khuôn:* Sử dụng sản phẩm hạt Filler Masterbatch trong phun khuôn là một giải pháp đã được chứng minh cải tiến tính chất sản phẩm và quá trình sản xuất. Nó thường được sử dụng rộng rãi trong sản xuất phụ tùng, thiết bị, sản phẩm gia đình và trong ngành công nghiệp tự động.

10.1.4. Sàn đá công nghệ hèm khóa SPC (Stone Plastics Composite):

Sàn đá công nghệ hèm khóa SPC (Stone Plastics Composite) là vật liệu xây dựng mới xuất hiện trên thị trường thế giới trong khoảng 2 năm gần đây, so với sàn gỗ, ưu điểm của sàn SPC là chống nước 100%, không độc hại, không giãn nở, co ngót, dễ lắp đặt và có độ bền cao. Sản phẩm có độ phổ ứng dụng rộng như trong nhà ở dân sinh có thể sử dụng ở tất cả các phòng kể cả nhà tắm; cửa hàng, trung tâm thương mại, siêu thị công cộng, sân bay, tòa nhà...

Sản phẩm có đặc tính ưu việt, chịu nước và độ ẩm 100%, do được cấu thành từ Poly Vinyl Clorua (PVC) nguyên sinh và bột đá nano siêu mịn, đồng thời sử dụng công nghệ khoá hèm vượt trội của Thụy Điển (Välinge 2G) hoặc của Bỉ (Unilin Uniclic), giúp việc lắp đặt được dễ dàng, thuận tiện. Lớp phủ bề mặt của ván sàn được sử dụng công nghệ “nhám bề mặt” tiên tiến nhất hiện nay (EIR), tạo nên độ đàn cứng “Class 33”. Ngoài ra, sàn đá công nghệ SPC còn có tính năng chống cháy,

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

chống mài mòn, trầy xước, chống trơn trượt (AC5). Đặc biệt hơn, lớp màng Vinyl trắng trong cùng với lớp phủ chống tia UV trên bề mặt giúp ván sàn vĩnh viễn không bay màu.

- Sản phẩm SPC chủ yếu khác nhau về độ dày, từ 3.5mm đến 7mm và mặt vân gỗ trang trí. Các đặc tính nổi trội của SPC so với các mặt hàng truyền thống là:
 - Không sử dụng Formaldehyde (hoá chất độc sử dụng trong công nghệ sàn gỗ, sàn nhựa giả gỗ trước đây);
 - Chống chịu nước 100%;
 - Chống nồm ẩm, trơn trượt;
 - Chống cháy, chống dẫn lửa;
 - Tiêu âm, chống ồn;
 - Độ bền cao, chịu độ nén nặng tốt;
 - Độ chống trầy xước và mài mòn cao;
 - Không bị cong vênh ở nhiệt độ sử dụng thông thường từ -10°C đến 45°C;
 - Hoàn toàn phù hợp ở những nơi có cường độ sử dụng cao như trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, phòng tập Gym, các công trình dân dụng, hoặc những nơi thường xuyên ẩm ướt như phòng tắm, phòng bếp, ban công...

Ngoài ra một vài yếu điểm duy nhất của SPC là do cấu tạo có nhiều bột đá nên SPC có trọng lượng lớn hơn các sản phẩm trước đây. Đồng thời nếu so sánh với những sản phẩm sàn dán keo, những sản phẩm có hèm khóa thường công đoạn sửa chữa, thay thế sẽ mất nhiều thời gian hơn do phải tháo những miếng xung quanh. Tuy nhiên cấu tạo và độ dày của SPC giúp cho sản phẩm này bền hơn rất nhiều so với sản phẩm LVT và WPC dán keo trước đây.

Sàn đá công nghệ hèm khóa SPC sẽ là sản phẩm chiến lược của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê – Công ty liên kết giữa Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia trong thời gian tới.

10.1.5. Sản lượng sản phẩm qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	2019		2020		6T/2021		9T/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng/D TT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/D TT	Giá trị	Tỷ trọng/D TT
1	Đá hoa trắng và bột đá	41.120	3.92%	27.273	1,53%	14.542	1,59%	24.877	1,86%
2	Filler Masterbatch	500.165	47.63%	856.334	47,95%	436.363	47,71%	619.855	46,25%
3	Sản phẩm thương mại	508.766	48.45%	902.467	50,53%	463.802	50,71%	695.265	51,89%

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

	Tổng cộng	1.050.052	100%	1.786.074	100%	914.616	100%	1.339.000	100%
--	------------------	------------------	-------------	------------------	-------------	----------------	-------------	------------------	-------------

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Cơ cấu doanh thu thuần – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	9T/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1	Đá hoa trắng và bột đá	22.446	1,36%
2	Filler Masterbatch	619.855	37,71%
3	Sản phẩm thương mại	686.771	41,78%
4	Ván sàn SPC	314.591	19,13%
	Tổng cộng	1.643.663	100%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

Nhờ đánh giá được nhu cầu thị trường và nắm bắt được công nghệ sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch từ nguyên liệu đá CaCO₃, năm 2018 Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định đầu tư dây chuyền nghiền tuyển đá tại Nghệ An và dây chuyền sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Hải Phòng. Kết quả là, từ khi được đưa vào vận hành, hai dây chuyền sản xuất này đã giúp Nhựa Pha Lê đa dạng hóa sản phẩm, góp phần tăng trưởng doanh thu qua các năm. Về cơ cấu doanh thu thuần, hạt nhựa Filler Masterbatch là sản phẩm chủ đạo của Công ty khi luôn đóng góp từ 47% trong cơ cấu doanh thu thuần. Đây cũng là sản phẩm đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất và duy trì ổn định doanh thu mỗi năm. Bên cạnh sản phẩm hạt Filler Masterbatch, Nhựa Pha Lê cũng sản xuất các sản phẩm từ đá CaCO₃ như đá chip CaCO₃, bột đá mịn. Các sản phẩm thương mại đang được Công ty đẩy mạnh phát triển duy trì tỷ trọng 50% trong cơ cấu doanh thu thuần.

Hoạt động kinh doanh của Nhựa Pha Lê có sự tăng trưởng vượt bậc khi doanh thu thuần năm 2020 đạt 1.786 tỷ đồng, tăng trưởng 70% so với doanh thu thuần năm 2019 đạt 1.050 tỷ đồng. Về cơ cấu doanh thu thuần, hạt nhựa Filler Masterbatch vẫn là sản phẩm được duy trì tăng trưởng ổn định, với doanh thu 2020 đạt 856 tỷ đồng, tăng trưởng 71% so với năm 2019 đạt 500 tỷ đồng. Các sản phẩm thương mại cũng có mức tăng trưởng ấn tượng đạt 78% so với năm 2019. Mảng sản phẩm từ đá CaCO₃ và bột đá giảm khi doanh thu 2020 chỉ đạt 27 tỷ đồng so với 40 tỷ đồng năm 2019.

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2020 tiếp tục tập trung vào định hướng chuyển dịch từ khai thác và bán nguyên liệu thô là đá CaCO₃ sang sản xuất sản phẩm tiếp

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

sau là hạt nhựa Filler Masterbatch. Hạt nhựa Filler Masterbatch có giá bán cao gấp 6 lần giá sản phẩm bột đá và thậm chí cao gấp 20 lần sản phẩm đá CaCO₃ truyền thống, nhờ đó mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty. Hoạt động thương mại được duy trì với mục đích chính là ổn định giá nguyên vật liệu đầu vào, giúp hạn chế rủi ro cho hoạt động chính.

Cơ cấu lợi nhuận gộp – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	2019		2020		6T/2021		9T/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng/D TT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Đá hoa trắng và bột đá	9.596	0,91%	8.855	0,50%	2.652	0,29%	8.232	0,61%
2	Filler Masterbatch	108.902	10,37%	136.432	7,64%	74.310	8,12%	108.414	8,09%
3	Sản phẩm thương mại	8.347	0,79%	12.156	0,68%	5.945	0,65%	9.348	0,70%
	Tổng cộng	126.846	12,08%	157.443	8,82%	82.908	7,87%	125.994	9,40%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Cơ cấu lợi nhuận gộp – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Sản phẩm	9T/2021	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Đá hoa trắng và bột đá	7.405	0,45%
2	Filler Masterbatch	108.414	6,60%
3	Sản phẩm thương mại	9.223	0,56%
4	Ván sàn SPC	28.214	1,72%
	Tổng cộng	153.250	9,32%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

Về cơ cấu lợi nhuận gộp của Nhựa Pha Lê những năm qua vẫn chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất Filler Masterbatch, đạt 108 tỷ đồng năm 2019 và tăng lên 136 tỷ trong năm 2020. Các sản phẩm

thương mại chưa đem lại hiệu quả về lợi nhuận mặc dù Doanh thu có sự tăng trưởng mạnh.

Biên lợi nhuận gộp của mảng thương mại được duy trì khá ổn định qua các năm, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp của mảng sản xuất của công ty lại giảm mạnh. Nhìn chung, việc các nhà sản xuất trong nước ồ ạt đầu tư nâng sản lượng trong khi hoạt động logistics toàn cầu bị ngắt quãng đã tạo ra hiện tượng dư thừa máy móc tại thị trường nội địa, dẫn đến tình trạng bán phá giá, gây áp lực giảm giá chung cho mặt hàng Filler. Bên cạnh đó, giá nhựa nguyên sinh năm 2020 diễn biến thất thường và tăng mạnh vào cuối năm là một trong số những nguyên nhân đẩy giá vốn của công ty tăng cao.

10.1.6. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Đối với hoạt động sản xuất nguyên liệu nhựa, việc thực hiện các hợp đồng đặt hàng và bán hàng thường liên tục theo tháng hoặc năm. Do đó hoạt động sản xuất kinh của Công ty không mang tính chất thời vụ.

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Giá trị tài sản cố định – Công ty mẹ

Đơn vị giá trị: VND

STT	Khoản mục	31/12/2020			30/06/2021			30/09/2021		
		Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định vô hình	15.036.788.688	13.188.516.751	87,71%	15.036.788.688	13.000.556.893	86,46%	15.036.788.688	12.906.576.964	85,83%
	Quyền sử dụng đất	15.036.788.688	13.188.516.751	87,71%	15.036.788.688	13.000.556.893	86,46%	15.036.788.688	12.906.576.964	85,83%
II	Tài sản cố định hữu hình	260.544.123.501	196.414.602.470	75,39%	262.428.763.229	188.616.771.970	71,87%	262.378.888.956	184.419.966.991	70,29%
	Nhà cửa, vật kiến trúc	94.109.617.160	78.396.209.630	83,30%	94.109.617.160	74.989.060.382	79,68%	94.109.617.160	73.413.111.099	78,01%
	Máy móc, thiết bị	139.121.831.308	98.169.441.434	70,56%	139.121.831.308	92.738.160.412	66,66%	145.986.077.585	96.700.407.677	66,24%
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.725.367.586	19.473.806.782	72,87%	28.251.551.223	20.208.152.663	71,53%	21.256.154.946	13.597.159.823	63,97%
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	587.307.447	375.144.624	63,88%	945.763.538	681.398.513	72,05%	1.027.039.265	709.288.392	69,06%
	Cộng	275.580.912.189	209.603.119.221	76,06%	277.465.551.917	201.617.328.863	72,66%	277.415.677.644	197.326.543.955	71,13%

Nguồn: BCTC năm 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2021 – Hợp nhất

Đơn vị giá trị: VND

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định vô hình	229.868.126.177	227.102.536.677	98,80%
	Quyền sử dụng đất	229.868.126.177	227.102.536.677	98,80%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	104.735.414.453	101.244.233.973	96,67%
	Máy móc, thiết bị	104.735.414.453	101.244.233.973	96,67%
III	Tài sản cố định hữu hình	498.411.945.710	399.018.902.050	80,06%
	Nhà cửa, vật kiến trúc	94.109.617.160	73.285.485.758	77,87%
	Máy móc, thiết bị	369.624.940.764	301.243.771.209	81,50%
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	33.582.158.521	23.691.700.944	70,55%
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.095.229.265	797.944.139	72,86%
	Cộng	833.015.486.340	727.365.672.700	87,32%

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

10.2.2. Tình hình sử dụng đất đai

Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất	Ghi chú
1	Lô đất CN 4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	20.000 m ²	Đến 30/06/2057	Xây dựng nhà máy hạt nhựa	Đất thuê trả tiền một lần
2	Lô đất tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	52.400 m ²	Đến 10/08/2037	Khai thác mỏ đá Thung Hung	Đất thuê trả tiền hàng năm
	Tổng cộng	72.400			

Nguồn: Nhựa Pha Lê

10.3. Thị trường hoạt động

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Về thị trường sản phẩm, Nhựa Pha Lê xác định sản phẩm Công ty chủ yếu được dành cho xuất khẩu với đích đến là các nước Trung Đông, EU, Mỹ, Ấn Độ và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các sản phẩm Filler MasterBatch của Công ty. Bên cạnh xuất khẩu, Công ty cũng sẽ dần chú trọng đến việc sản xuất các sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất bao bì, nhựa tự phân hủy.

Doanh thu và lợi nhuận hoạt động chính của từng thị trường

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khu vực	Năm 2019		Năm 2020		6T/2021		9T/2021	
		Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp
1	Trong nước	766.630	87.913	1.463.367	113.703	799.087	25.486	1.176.980	84.023
2	Nước ngoài	283.823	38.932	324.101	43.739	115.583	57.421	163.017	41.971
	Tổng	1.050.453	126.846	1.787.468	157.443	914.670	82.908	1.339.000	125.994

Nguồn: Nhựa Pha Lê

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1. Khoản đầu tư tài chính

Theo Báo cáo tài chính, Công ty hiện một số khoản đầu tư tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Danh mục	Giá gốc tại ngày 31/12/2020	Giá gốc tại ngày 30/09/2021
1	Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	8.700.000.000	22.346.280.000
2	Chứng khoán kinh doanh	-	127.385.108.061
3	Đầu tư vào công ty con	-	130.900.000.000
4	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	244.400.000.000	205.900.000.000
5	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.511.000.000	-
6	Đầu tư trái phiếu	3.000.000.000	3.000.000.000
	Tổng	275.611.000.000	489.531.388.061

Nguồn: BCTC năm 2020 được kiểm toán, BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

❖ Tiền gửi Ngân hàng đến 30/09/2021

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Stt	Ngân hàng	Số tiền (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.946.280.000	3,7%/năm	6 tháng
2	Ngân hàng TMCP TPBank	2.000.000.000	4,9%/năm	12 tháng
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.000.000.000	4,9%/năm	12 tháng
4	Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	2.400.000.000	4,8%/năm	12 tháng
5	Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hai Bà Trưng	10.000.000.000	4,7%/năm	12 tháng
	Tổng	22.346.280.000		

Từ ngày 30/09/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 22.346.280.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng.

❖ Đầu tư góp vốn vào công ty con đến 30/09/2021

Stt	Các đơn vị	Giá gốc (đồng)	Dự phòng (đồng)
1	CTCP Hoàng Gia Pha Lê	130.900.000.000	-
	Tổng	130.900.000.000	-

❖ Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh/liên kết đến 30/09/2021

Stt	Các đơn vị	Giá gốc (đồng)	Dự phòng (đồng)
1	CTCP Xây dựng Hạ Long	115.900.000.000	1.134.116.354
2	CTCP Khoáng sản Minh Cầm	20.000.000.000	413.271.513
3	CTCP Thương mại và Du lịch Tân Việt An	70.000.000.000	301.040.198
	Tổng	205.900.000.000	1.848.428.065

❖ Đầu tư trái phiếu

	Tên tổ chức phát hành trái phiếu	Số tiền (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.000.000.000	Quy định theo từng thời điểm	8 năm
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.000.000.000	Quy định theo từng thời điểm	7 năm

Từ ngày 30/09/2021, trái phiếu của Công ty có giá trị 3.000.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

10.4.2. Hoạt động đầu tư, thực hiện dự án

Nhựa Pha Lê đang là chủ sở hữu giấy phép khai thác số 3453/GP-UBND ngày 10/08/2015 do UBND tỉnh Nghệ An cấp tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Tổng diện tích khai thác là 5,24 ha (không bao gồm khu vực phụ trợ). Tổng trữ lượng khai thác bao gồm: 1.407.649 m³ đá hoa làm vật liệu xây dựng thông thường, 120.462 m³ đá hoa trắng làm ốp lát các loại và 168.536 m³ đá hoa trắng làm bột CaCO₃. Tổng công suất khai thác là 120.000 m³/năm với thời gian khai thác là 22 năm tính từ thời điểm cấp phép.

Nắm bắt ưu thế về việc sở hữu quyền khai thác mỏ cùng xu thế thị trường và công nghệ sản xuất, từ năm 2014, Nhựa Pha Lê đã triển khai đầu tư dự án xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại mỏ đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng. Chi tiết dự án như sau:

❖ Giới thiệu chung về dự án

- **Tên dự án:** Đầu tư dự án xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng.
- **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.
- **Địa điểm dự án**

Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An	Mỏ đá Thung Hung, Bản Hạt, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An.
-----------------------------------	---

Nhà máy bột siêu mịn CaCO ₃ & hạt Filler Masterbatch	Khu công nghiệp MP Đình Vũ - Phường Đông Hải 2 - Quận Hải An - Thuộc Khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải - Hải Phòng.
---	---

- Ưu thế của dự án

Xưởng nghiền tuyển đá được đặt ngay tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Mỏ đá Thung Hung cũng có vị trí khá gần với các cảng biển như cảng Cửa Lò, cảng Nghi Sơn. Vị trí của mỏ và xưởng nghiền tuyển đá giúp Công ty giảm thiểu được chi phí vận chuyển từ mỏ đá, xưởng đến cảng biển và từ cảng biển đến khách hàng.

Nhà máy sản xuất hạt Filler Masterbatch tại Hải Phòng có vị trí thuận lợi về: giao thông đường bộ (Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, nằm trên đường trục của Khu công nghiệp Đình Vũ, đường cao tốc Đình Vũ - Lạch Huyện); đường thủy (sông Bạch Đằng, sông Lạch Tray); đường biển (cảng Hải Phòng hiện tại, cảng Đình Vũ, cảng nước sâu Lạch Huyện và một số cảng khác); gần các khu đô thị của thành phố hiện tại và trong tương lai đang được quy hoạch xây dựng. Đồng thời, dự án có quỹ đất phát triển công nghiệp theo quy hoạch và trong khu vực đã và đang hình thành các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp. Địa hình khu đất dự án tương đối bằng phẳng. Đây là yếu tố thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện. Về kinh tế - xã hội tại khu vực dự án tương đối phát triển, đa dạng các ngành nghề, có giao thông thuận lợi, dân số đang trong độ tuổi lao động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Nhà máy.

Ngoài ra, do thực hiện tại KCN MP Đình Vũ nên Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê nhận được rất nhiều ưu đãi và tiện ích, cụ thể:

- ✓ Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013: Hoạt động của doanh nghiệp

được áp Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu (năm 2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo; Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (năm 2016);

- ✓ Giảm 50% cho thuế thu nhập cá nhân;
- ✓ Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Luật thuế xuất khẩu.
- ✓ Trung tâm thông tin liên lạc với diện tích 1000m², cung cấp đường truyền internet tốc độ cao ADSL đáp ứng cho thuê bao cách tổng đài 3,5km cũng như các dịch vụ thuê kênh riêng biệt: 64 Kb/s, 2Mb/s,...
- ✓ Trạm biến áp được trang bị 2 máy biến áp 2500KVA +2000 KVA, nguồn điện được cung cấp từ 2 nhà máy điện khác nhau của quốc gia, điều này đảm bảo ổn định nguồn điện. Ngoài ra KCN Đình Vũ có nhà máy điện chuyên dụng diesel cung cấp điện năng thông qua hệ thống phân phối 22kV để phục vụ khách hàng.
- ✓ Nhà máy xử lý nước thải với công nghệ cao đạt các tiêu chuẩn về môi trường Việt nam, nước thải có thể xả ra sông mà không cần xử lý gì thêm. Đây cũng là lợi thế rất lớn cho việc tiết kiệm chi phí sản xuất của Nhựa Pha Lê.
- ✓ Hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn quốc tế, dọc Khu công nghiệp có nhiều vòi cứu hỏa, hồ chứa nước đủ cung cấp cho chữa cháy liên tục trong 2 giờ.

Hoạt động đầu tư năm 2019

(1) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global

- Giao dịch mua 750.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global từ ông Vũ Đình Hoàng, tương đương tổng mệnh giá 7.500.000.000 đồng với giá phí 22.500.000.000 đồng.
- Góp vốn 2.450.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global, tương đương tổng mệnh giá 24.500.000.000 đồng với giá phí là 24.500.000.000 đồng.
- Sau giao dịch, tại ngày 31/12/2019, Nhựa Pha Lê sở hữu 3.200.000 cổ phần, tương ứng với 45,71% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư 47.000.000.000 đồng

(2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê:

- Giao dịch mua 560.000 cổ phần từ ông Cao Văn Thái, tương đương mệnh giá 5.600.000.000 đồng với giá phí 16.800.000.000 đồng.
- Góp vốn 2.520.000 cổ phần vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, tương đương tổng mệnh giá 25.200.000 đồng với giá phí là 25.200.000.000 đồng.
- Sau giao dịch, tại ngày 31/12/2019, Nhựa Pha Lê sở hữu 3.080.000 cổ phần, tương ứng với 46,81% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư 42.000.000.000 đồng

(3) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long:

- Giao dịch mua 5.400.000 cổ phần từ bà Phạm Thị Yên, tương đương mệnh giá

5.400.000.000 đồng với giá phí 80.400.000.000 đồng.

- Sau giao dịch, tại ngày 31/12/2019, Nhựa Pha Lê sở hữu 5.400.000 cổ phần, tương ứng với 30% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư 80.400.000.000 đồng.

(4) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm:

- Giao dịch mua 1.000.000 cổ phần từ ông Mai Thanh Phương, tương đương mệnh giá 10.000.000.000 đồng với giá phí 20.000.000.000 đồng.
- Sau giao dịch, tại ngày 31/12/2019, Nhựa Pha Lê sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương ứng với 33,9% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư 20.000.000.000 đồng.

Hoạt động đầu tư năm 2020

(1) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long:

- Góp vốn 10.200.000 cổ phần vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, tương đương tổng mệnh giá 102.000.000.000 đồng với giá phí là 102.000.000.000 đồng.
- Sau giao dịch, tại ngày 31/12/2020, Nhựa Pha Lê sở hữu 15.600.000 cổ phần, tương ứng với 30% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư 182.400.000.000 đồng.

Hoạt động đầu tư năm 2021

(1) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An:

- Giao dịch mua 3.300.000 cổ phần từ các cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An, tương đương mệnh giá 33.000.000.000 đồng với giá phí 70.000.000.000 đồng.
- Sau giao dịch, tại ngày 30/09/2021, Nhựa Pha Lê sở hữu 3.300.000 cổ phần, tương ứng với 50% vốn điều lệ với tổng giá trị đầu tư 70.000.000.000 đồng.

(2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê:

- Góp vốn 5.280.000 cổ phần vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, tương đương tổng mệnh giá 52.800.000 đồng với giá phí là 52.800.000.000 đồng.
- Sau giao dịch, tại ngày 30/09/2021, Nhựa Pha Lê sở hữu 8.360.000 cổ phần, tương ứng với 44% vốn điều lệ.
- Ngày 01/07/2021, Công ty Cổ phần Sản Xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã nhận chuyển nhượng cổ phần của 02 cổ đông Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê lần lượt là 1.140.000 cổ phần của ông Cao Văn Thái và 190.000 cổ phần của ông Vũ Đức Tiến (thời gian thanh toán tiền cho ông Cao Văn Thái và ông Vũ Đức Tiến: trước ngày 31/12/2021). Theo đó, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 01/07/2021 của Nhựa Pha Lê tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê: 9.690.000 cổ phần, tương ứng với 51% vốn điều lệ.

10.5.Các hợp đồng lớn

STT	Tên khách hàng	Tên Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian ký kết	Giá trị (tr.đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với
-----	----------------	--------------	----------	------------------	-------------------	---------------------	-----------------

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

							người nội bộ, cổ đông lớn của PLP
I	Mua hàng						
1	Vinomig Singapore Pte.Ltd	PLP-VSI/2021	Nhựa nguyên sinh, PE Wax	04/01/2021	8.000	2021	Không
2	GC Marketing Solutions Company Limited	PLP-GC/2021	Nhựa nguyên sinh	26/02/2021	10.000	2021	Không
3	MICHANG OIL IND.CO.,LTD	PLP-MIC/2021	Dầu Parafin	02/04/2021	5.000	2021	Không
5	Công ty TNHH Phát triển Thương mại Hà Hải	PLP-HHC/2020	Nhựa nguyên sinh	10/02/2020	50.000	2020	Không
6	Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	PLP-OPC/2019	Nhựa nguyên sinh	01/01/2019	Không giới hạn	Đang thực hiện	Không
7	Vinomig Singapore Pte.Ltd	PLP-VSI/2019	Nhựa nguyên sinh, PE Wax	10/05/2019	50.000	2019	Không
8	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÙNG LÂM	PLP-TLC/2020	Nhựa nguyên sinh	20/03/2020	80.000	2020	Không
II	Bán hàng						
1	TRADE PACK COMERCIAL LTDA	PLP-TPC/2021	Filler Masterbatc h	19/02/2021	23.000	6 tháng/2021	Không
2	RAKHA AL KHALEEJ INTERNATIONAL LLC	PLP-RAK/2021	Filler Masterbatc h	21/01/2021	14.000	6 tháng/2021	Không

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

3	SINGATE INTERNATIONAL PTE.,LTD	PLP-SIG/2021	Filler Masterbatch	16/01/2021	29.000	Đang thực hiện	Không
4	OOO "PROMA"	PLP-PRM/2021	Filler Masterbatch	24/02/2021	8.000	6 tháng/2021	Không
5	CÔNG TY CỔ PHẦN MARUNI QUỐC TẾ	PLP-MAR/2020	Filler Masterbatch	04/05/2020	50.000/năm	Đang thực hiện	Không
6	RAKHA AL KHALEEJ INTERNATIONAL LLC	PLP-RAK/2019	Filler Masterbatch	05/03/2019	50.000/năm	Đang thực hiện	Không
7	SINGATE INTERNATIONAL PTE.,LTD	PLP-SI/2020	Filler Masterbatch	05/02/2020	50.000	2020	Không
8	TRADE PACK COMERCIAL LTDA	PLP-TPC/2019	Filler Masterbatch	05/01/2019	30.000	2019	Không

Nguồn: Nhựa Pha Lê

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch			Sản phẩm	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		2019	2020	9T/2021		
I	Khách hàng lớn					
1	CÔNG TY CỔ PHẦN MARUNI QUỐC TẾ	7.945	131.057	10.364	Filler Masterbatch	Không
2	RAKHA AL KHALEEJ INTERNATIONAL LLC	76.918	78.286	24.997	Filler Masterbatch	Không
3	Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất	74.790	76.207	1.488	Filler Masterbatch	Không
4	SINGATE INTERNATIONAL PTE.,LTD	6.065	72.517	79.050	Filler Masterbatch	Không
5	TRADE PACK COMERCIAL LTDA	59.494	47.556	25.170	Filler Masterbatch	Không
6	CÔNG TY CỔ PHẦN OPL LOGISTICS	44.680	41.288	39.431	Filler Masterbatch	Không

II	Nhà cung cấp lớn					
1	Công ty TNHH Phát triển Thương mại Hà Hải	8.184	91.646	20.258	Nhựa nguyên sinh	Không
2	Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	531.046	1.069.612	438.992	Nhựa nguyên sinh	Không
3	Vinomig Singapre Pte.Ltd	63.436	48.654	56.508	Nhựa nguyên sinh, PE Wax	Không
4	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TÙNG LÂM	39.212	129.007	135.566	Nhựa nguyên sinh	Không
5	Công ty Cổ phần Than Quốc Tế	47.761	20.288	4.998	Nhựa nguyên sinh	Không

Nguồn: Nhựa Pha Lê

10.7.Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của công ty trong ngành



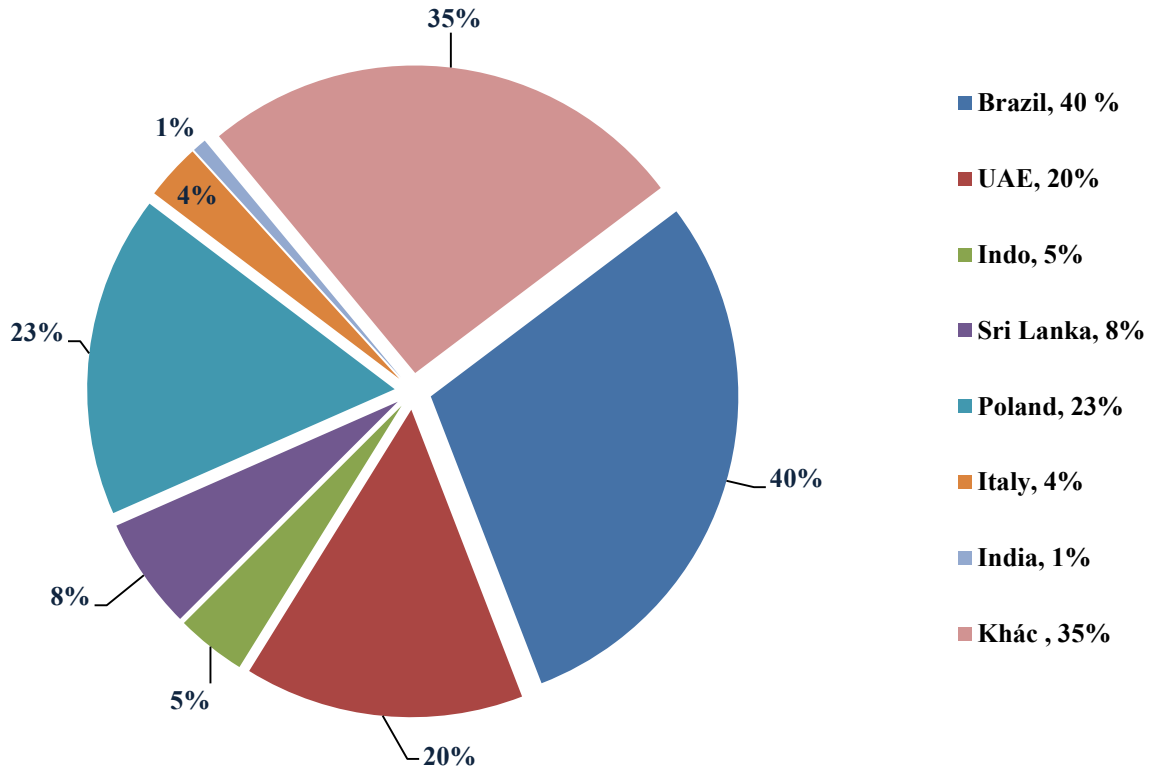
- Với lợi thế là người chủ sở hữu mỏ, Nhựa Pha Lê luôn có nguồn nguyên liệu chủ động và ổn định. Chất lượng bột đá nguyên liệu đầu vào tốt là yếu tố tiên quyết về mặt chất lượng sản phẩm đầu ra trong ngành bột đá CaCO3. Qua kiểm tra, mỏ đá của công ty tại Thung Hung – Nghệ An có chất lượng cao về độ trắng sáng và tính hóa lý của nguồn nguyên liệu sản xuất bột đá và đá ốp lát. Tính đến thời điểm hiện tại, Nhựa Pha Lê đang kiểm soát vận hành từ mỏ khai thác đá CaCO3 cho đến sản phẩm hoàn thiện – Filler Masterbatch. Thêm vào đó, quá trình khảo sát địa chất cho thấy trữ lượng mỏ Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An không những bao gồm đá hoa làm bột siêu mịn mà còn bao gồm đá hoa làm đá xẻ, đá ốp lát nằm ở các lớp sâu bên trong. Như vậy, dự án khai thác đá hoa làm bột siêu mịn của Nhựa Pha Lê hiện nay là một dự án đem lại mức lợi nhuận cao, đồng thời cũng là tiền đề để thực hiện các dự án tiềm năng khác. Đồng thời, việc tận dụng được hết lớp đá hoa làm bột siêu mịn để hướng tới việc khai

thác đá hoa làm đá xẻ, đá ốp lát nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh tế cho thấy tầm nhìn chiến lược dài hạn của ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê.

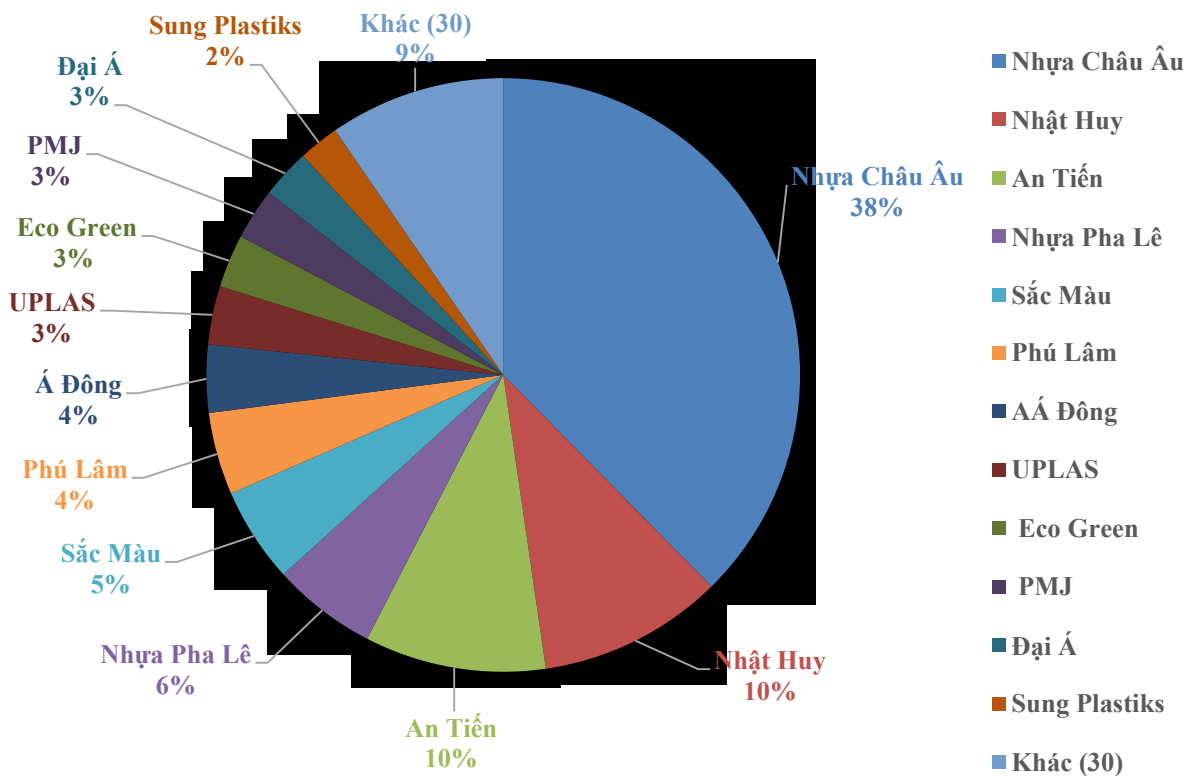
- Các cơ sở sản xuất của Công ty được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt dưới sự giám sát của Giám đốc kỹ thuật. Việc khai thác, sản xuất theo quy trình khép kín chặt chẽ, tùy theo yêu cầu, khách hàng có thể nhận được các sản phẩm mẫu trước khi đặt sản phẩm chính với số lượng lớn.
- Hiện nay, nhà máy sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng của Công ty đang hoạt động dựa **trên 8 dây** chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất thiết kế là 9.000 tấn/ tháng. Năng lực sản xuất lớn không chỉ giúp làm giảm giá thành sản xuất nhờ lợi thế dựa vào quy mô, mà còn hỗ trợ Nhựa Pha Lê trong việc chiếm lĩnh được thị phần, gia tăng vị thế trên thị trường.
- Nhựa Pha Lê đã hợp tác đầu tư Nhà máy SPC đầu tiên tại Đồng Nai với Tập đoàn Hoàng Gia, dự kiến sẽ đầu tư Nhà máy SPC thứ 2 tại Hải Phòng.
- Một trong những lợi thế cạnh tranh lớn nhất của Nhựa Pha Lê chính là vị trí của mình. Hệ thống logistic gần rất nhiều cảng, thuận lợi cho việc lưu chuyển hàng hóa từ nhà máy tới cảng và từ cảng tới khách hàng, đảm bảo thời gian và tiến độ giao hàng, giúp giảm tối đa chi phí và thời gian. Các công ty khác trong cùng lĩnh vực sản xuất thông thường sẽ bị ảnh hưởng bởi các quy định liên quan đến kiểm soát tải trọng xe và khoảng cách địa lý, điều đó sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.
- Bên cạnh những ưu thế về nguồn nguyên liệu và quy trình sản xuất, Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng của Nhựa Pha Lê đang được hưởng rất nhiều ưu đãi từ chính sách của Nhà nước, cụ thể:
 - + Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013: Thuế TNDN giảm còn 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới có doanh thu (2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo. Đồng thời, Công ty được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (2016) cho dự án tại Hải Phòng.
 - + Giảm 50% cho thuế thu nhập cá nhân. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, máy móc nhập khẩu của nhà máy theo quy định tại điều 16 Luật thuế xuất khẩu.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Thị phần Nhựa Pha Lê tại Top 20 Quốc gia



BÁO CÁO THEO THỊ PHẦN ĐƠN VỊ XUẤT KHẨU



Nguồn: Tổng hợp từ nguồn dữ liệu Hải quan năm 2020

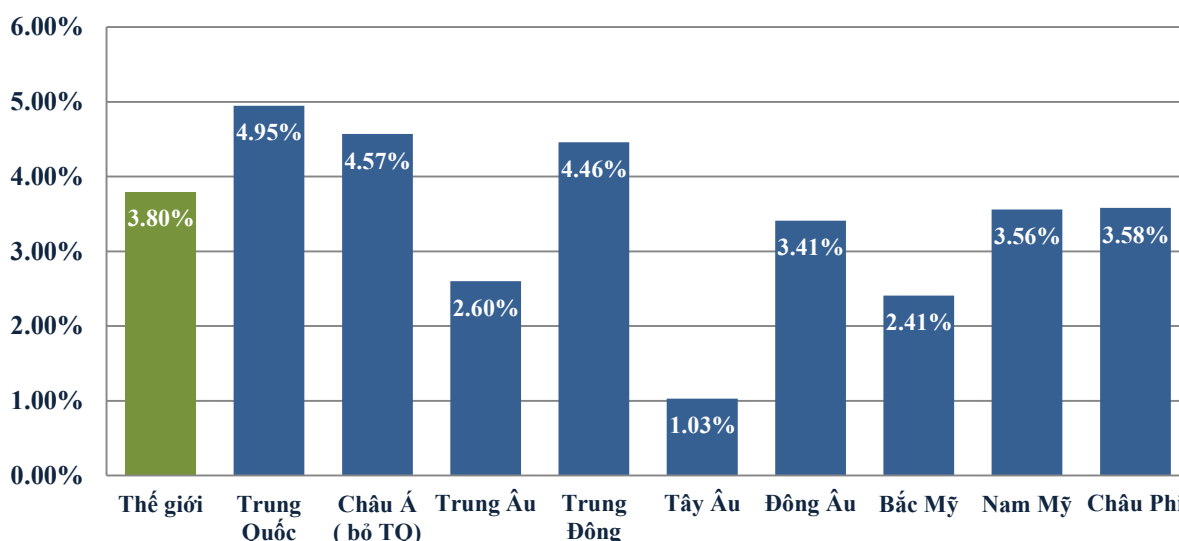
10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tổng quan ngành nhựa thế giới

Ngay từ khi bắt đầu, nguyên vật liệu nhựa ra đời như một giải pháp thay thế nguồn tài nguyên khan hiếm và không bền vững như rùa, ngà hoặc xương động vật. Kể từ đó, nhựa đã định hình một thế giới- nơi mang lại sự an toàn, vệ sinh, thoải mái và an sinh cho xã hội của chúng ta. Ngày nay, nhựa có mặt trong vô số các sản phẩm công nghiệp, hàng tiêu dùng và nhựa công nghệ dụng giúp chúng ta tiết kiệm năng lượng, khí thải CO₂, nước và thậm chí cả trong ngành thực phẩm.

Theo dự báo của Nexant, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa toàn thế giới chỉ tăng trưởng bình quân 3,8% / năm giai đoạn 2017 – 2025. Nguyên nhân do ngành nhựa thế giới đã ở trong giai đoạn bão hòa khi sản lượng nhựa sản xuất toàn cầu chỉ tăng trưởng với tốc độ trung bình ở mức 4% trong vòng 20 năm qua.

Tốc độ tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa 2017 - 2025



Nguồn: Nexant

Cung cầu các loại nguyên vật liệu nhựa trên thế giới

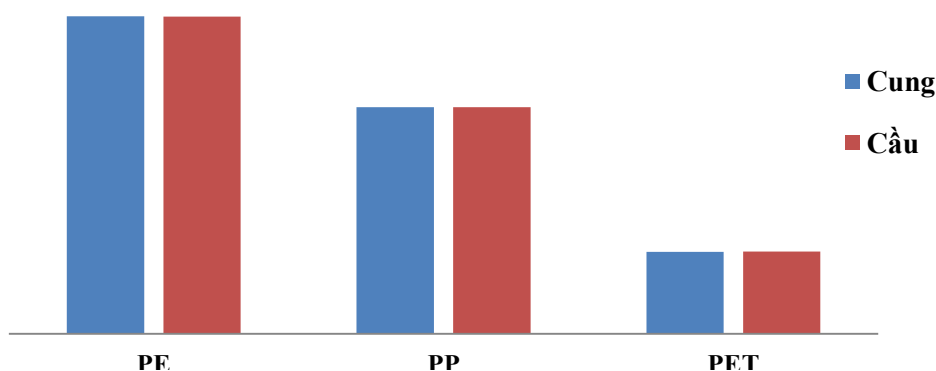
Ngành nhựa chịu ảnh hưởng bởi nguyên liệu đầu vào cho sản xuất chủ yếu là chế phẩm từ dầu mỏ, khí thiên nhiên và than đá. Biến động giá của các nguồn nguyên liệu hóa thạch này ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí sản xuất của ngành nhựa. Bắc Mỹ và Trung Đông là hai khu vực lựa chọn công nghệ sản xuất nguyên liệu nhựa chủ yếu từ khí thiên nhiên, Trung Quốc lựa chọn than đá làm đầu vào sản xuất, phần còn lại của thế giới lựa chọn công nghệ sản xuất từ dầu mỏ. Các loại nguyên vật liệu nhựa trên thế giới vô cùng phong phú và đa dạng về chủng loại.

- Nguyên liệu nhựa PolyEthylene (PE), PolyPropylene (PP) và PolyEthylene Terephthalate (PET) đều được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực nhựa bao bì và nhựa dân dụng. Đây là hai lĩnh vực có nhu cầu đầu sản phẩm đầu ra khá tương đồng với nhau và cùng phụ thuộc chủ yếu vào quy mô dân số, thu nhập cũng như chi tiêu hộ gia đình của các khu vực. Vì thế, nhu cầu tiêu thụ các loại nguyên liệu nhựa này cũng phụ thuộc vào quy mô dân số, thu nhập và chi tiêu của từng khu vực
- Nguyên liệu Poly VinyClorua (PVC) là một trong những loại nguyên liệu được sản xuất và tiêu thụ nhiều nhất trên thế giới. PVC được ứng dụng chủ yếu trong lĩnh vực nhựa xây dựng, cả xây dựng dân dụng cũng như xây dựng hạ tầng. Chính vì như vậy, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu PVC sẽ phụ thuộc chủ yếu vào nhu cầu và tăng trưởng xây dựng của từng

khu vực.

Nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa thế giới được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng, dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình 3%/năm giai đoạn 2018 – 2022. Trong đó, PET là nguyên liệu có tốc độ tăng trưởng nhu cầu cao nhất với 3,4% còn nhu cầu PE và PP sẽ tăng trưởng trung bình năm lần lượt là 2,9% và 3%.

Dự báo cung cầu thế giới 2022 (đvt: triệu tấn)



Nguồn: Dự báo của Nexant

Cung cầu nguyên liệu nhựa thế giới được dự báo sẽ duy trì ở mức cân bằng giai đoạn 2018 – 2022. Về nhu cầu PE, số liệu phân tích của ICIS dự kiến sẽ có sự phục hồi chậm nhưng liên tục trong năm 2021, kèm đó là sự cải thiện kinh tế ở Châu Âu và toàn cầu. Tuy nhiên, thị trường PE năm 2021 có thể phải đối mặt với việc gia tăng nguồn cung mạnh mẽ do công suất PE tăng cao trên phạm vi toàn cầu, dự kiến tăng 6,5% so với 2020. Điều này dẫn đến khả năng cân bằng lượng cung – cầu trong năm 2021.

Đặc biệt, công suất polyethylene mật độ cao (HDPE) tăng cao trên toàn thế giới, dự kiến tăng 8% so với năm trước, trong khi đó công suất polyethylene tuyến tính tỉ trọng thấp (LLDPE) và LDPE dự kiến tăng lần lượt 7% và 3% toàn cầu, trong cùng một khoảng thời gian.

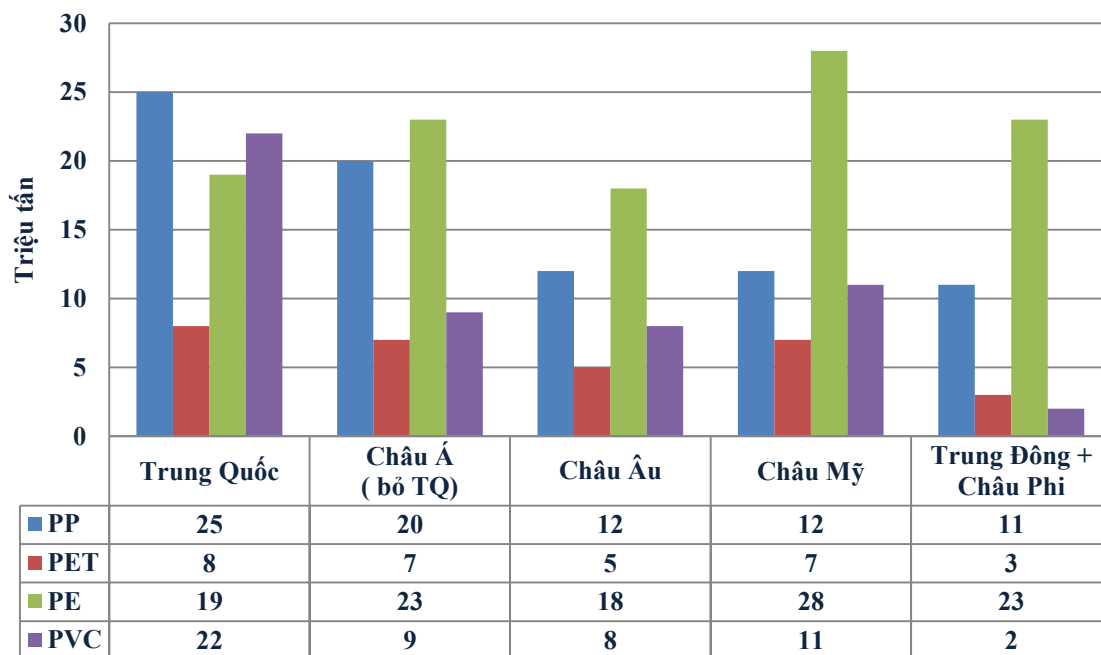
Nguồn cung PP cũng sẽ tăng trưởng đáng kể trong năm 2021, đặc biệt ở Châu Á, nơi sẽ có thêm 7,7 triệu tấn/ năm, tương ứng 10% sản lượng PP toàn cầu năm 2020. Sự ảnh hưởng của nguồn cung lên giá cả dự kiến sẽ bắt đầu xuất hiện trên thị trường, đặc biệt vào nửa cuối năm 2020.

Với thị trường toàn thế giới, nhu cầu propylene sẽ tăng với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm cao hơn GDP năm 2021, nhưng sẽ phụ thuộc phần lớn vào tốc độ phát triển của nền kinh tế toàn cầu.

Nguồn cung PP theo dự báo cũng sẽ tăng và không xảy ra tình trạng khan hàng, mặc dù cũng không đến mức dư thừa như PE. Nhu cầu thiết yếu ở Châu Á, và đặc biệt tại Trung Quốc sẽ có tác động đáng kể đến xu hướng thị trường của cả PP và PE ở Châu Âu.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Dự báo nguồn cung nguyên liệu nhựa 2018-2022



Nguồn: Dự báo của Nexant, Bloomberg

Tổng quan về ngành nhựa Việt Nam

Ngành nhựa Việt Nam hiện nay đang đứng trước cơ hội tăng trưởng rõ rệt sau khi EU gỡ bỏ thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm nhựa bao bì của Việt Nam trong khi các nước châu Á khác như Trung Quốc vẫn phải chịu mức thuế này với thuế suất từ 8 – 30%, giúp các sản phẩm nhựa bao bì Việt Nam rẻ hơn, cạnh tranh hơn trên thị trường EU, do vậy tiềm năng xuất khẩu ngành bao bì nhựa của Việt Nam trong tương lai là rất lớn. Bên cạnh đó, Trung Quốc – quốc gia sản xuất nhựa hàng đầu thế giới đang có nguyện vọng chuyển dịch bộ máy sản xuất sang Việt Nam để tránh các chính sách bảo vệ môi trường nội địa cũng như là chiến tranh thương mại khiến năng lực sản xuất trong nước tăng mạnh. Hiện tại 3 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Nhật, Mỹ và EU.

Tiêu thụ nhựa nội địa còn thấp so với trung bình tiêu thụ của toàn cầu và khu vực Đông Nam Á. Nhựa cũng là ngành phụ trợ cho vô số doanh nghiệp khác bởi tính ứng dụng cao của sản phẩm.

Ngoài ra, với hàng loạt Hiệp Định Thương Mại Mậu Dịch được kí kết, thuế nhập khẩu đối với EU, Nhật, Hàn Quốc - những nền kinh tế tiêu thụ sản phẩm nhựa rất lớn tại Việt Nam, sẽ giảm về 0-5%, qua đó duy trì mức tăng trưởng cao trong việc xuất khẩu ròng.

Đặc biệt là Việt Nam nổi tiếng với lợi thế nhân công giá rẻ, chính trị thống nhất và dòng tiền FDI từ các ngành khác đổ vào đều, cùng với ảnh hưởng của cuộc chiến thương mại, ngành nhựa trong nước được hứa hẹn thay Trung Quốc dẫn đầu thế giới.

Việt Nam là nước có lợi thế trong sản xuất hạt phụ gia Filler Masterbatch do những thuận lợi về nguồn nguyên liệu có độ trắng sáng cao ở Nghệ An & Yên Bái. Bột siêu mịn CaCO₃ là một trong những nguyên liệu chính trong cấu thành hạt nhựa phụ gia Filler Masterbatch, trong khi các nước khác như Ấn Độ, Trung Quốc, Malaysia... hiện bị dừng hoặc đã hết nguồn tài nguyên khai thác, do vậy đây là lợi thế lớn cho Việt Nam trong việc xuất khẩu hạt phụ gia Filler Masterbatch ra các châu lục.

Những năm gần đây, các doanh nghiệp trong nước đã nỗ lực hơn để tham gia vào lĩnh vực sản xuất đầy tiềm năng này. Một số doanh nghiệp lớn trong ngành có thể kể đến như CTCP Nhựa Châu Âu, CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê, CTCP Nhựa và Khoáng Sản An Phát Yên Bái, ...

Thực tế cho thấy, trong năm vừa qua các doanh nghiệp trong ngành đều đầu tư hàng loạt máy móc thiết bị để mở rộng năng lực sản xuất cho thấy thị trường hạt Filler Masterbatch đang rất triển vọng và còn nhiều dư địa phát triển.

Ngành nhựa Việt Nam với tốc độ phát triển nhanh chóng đang nhận được sự quan tâm lớn từ các tập đoàn nước ngoài. Mặc dù mới đánh dấu sự phát triển nhưng sản phẩm nhựa của Việt Nam hiện nay đã có mặt tại hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như: Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, EU, Mỹ...

Có thể nói, kỳ vọng lớn nhất của ngành Nhựa Việt Nam hiện nay là những hiệp định thương mại: Thương mại tự do Việt – Liên minh Châu Âu, Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực... Chính các hiệp định thương mại trên giúp các sản phẩm nhựa Việt Nam không bị áp thuế chống bán phá giá như các nước Châu Á khác (thuế trung bình từ 8 - 30%). Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia, đều bao gồm đối tác thương mại quan trọng của ngành nhựa Việt Nam cả về nguyên liệu nhập khẩu, cũng như sản phẩm nhựa xuất khẩu. Đối với nguyên liệu nhập khẩu, hầu hết nguồn gốc xuất xứ từ Hàn Quốc và thành viên khối ASEAN. Đây cũng là hai khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhập khẩu của ngành nhựa Việt Nam sẽ được hưởng 0% thuế quan.

Đối với xuất khẩu, Nhật Bản và Châu Âu là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành nhựa Việt Nam, sau khi EVFTA có hiệu lực, thuế quan của hầu hết các sản phẩm nhựa xuất khẩu vào thị trường EU sẽ được gỡ bỏ - một lợi thế lớn để gia tăng sản lượng sản phẩm nhựa xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam với một thị trường quan trọng là EU. Do đó, đây sẽ là những điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp nhựa Việt Nam tiếp tục tăng kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới, bức tranh ngành nhựa Việt Nam ra thế giới sẽ lớn hơn.

10.7.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngày 17/6/2011, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 2992/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch là phát triển ngành nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao.

Theo Bộ Công Thương, quy hoạch ngành nhựa còn nhằm chuyển dịch cơ cấu nhóm sản phẩm nhựa theo hướng giảm tỷ trọng các nhóm sản phẩm nhựa bao bì và nhựa gia dụng, tăng dần tỷ trọng nhóm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa kỹ thuật. Bên cạnh đó, một trong những định hướng phát triển của ngành Nhựa Việt Nam là khuyến khích đầu tư sản xuất khuôn mẫu, phụ tùng, thiết bị cho ngành, khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp xử lý phế liệu, phế thải ngành Nhựa. Theo Bộ Công Thương, các dự án đầu tư cho sản xuất khuôn mẫu, thiết bị ngành nhựa cần được ưu đãi đầu tư như đối với ngành cơ khí trọng điểm (cho vay vốn tín dụng đầu tư là 85% tổng mức

đầu tư). Đồng thời, cần khuyến khích sử dụng và sản xuất nhựa tái sinh, quy định những sản phẩm nào đã qua sử dụng phải được tái sinh, cập nhật những thành tựu của thế giới về các loại vật liệu mới có khả năng tự phân hủy, các loại nhựa sinh học, nhằm hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường như các loại bao bì trên cơ sở tinh bột hoạt màng từ polyninylalcol.

Để đạt được mục tiêu đề ra trong Quy hoạch, Bộ Công Thương đề xuất một số giải pháp chính sách như sau:

Về tài chính, thuế:

- Các dự án đầu tư cho sản xuất khuôn mẫu, thiết bị ngành nhựa cần được ưu đãi đầu tư như đối với ngành cơ khí trọng điểm (cho vay vốn tín dụng đầu tư là 85% tổng mức đầu tư).
- Có cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các cụm công nghiệp chuyên phân loại, tái chế phế liệu nhựa như hỗ trợ xây dựng công trình xử lý chất thải; hỗ trợ việc ứng dụng khoa học công nghệ sạch, ít tiêu tốn nhiên liệu và thân thiện với môi trường.
- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, khuyến khích người dân tự phân loại rác thải đầu nguồn đồng thời cần có biện pháp hành chính bắt buộc người dân phải tự phân loại rác nhằm giảm bớt lượng rác thải ra môi trường tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy tái chế phế liệu nhựa.
- Xây dựng chính sách khuyến khích thu gom phế liệu nhựa trong nước để hình thành hệ thống thu gom lớn mang tính hiện đại góp phần bảo vệ môi trường và cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp xử lý phế thải nhựa.
- Có chính sách khuyến khích về tài chính, thuế đối với các công tác đào tạo ngắn hạn về ngành nhựa cho các Trung tâm đào tạo.

Về nguồn vốn:

- Kinh phí đào tạo cán bộ kỹ thuật cho ngành cần được Nhà nước hỗ trợ một phần thông qua chương trình hỗ trợ hợp tác với nước ngoài.
- Khuyến khích các ngân hàng thương mại bảo lãnh ưu tiên cho các tổ chức, cá nhân vay để đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển ngành Nhựa.

Nắm bắt được xu thế phát triển của thị trường, nắm bắt chính sách khuyến khích của Nhà nước và kết hợp nguồn lực thực tế của Công ty, năm 2014 Nhựa Pha Lê đã quyết định đầu tư xây dựng dự án Xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch Hải Phòng. Công suất của nhà máy có thể đáp ứng được nhu cầu về Filler Masterbatch trên thị trường nội địa, bên cạnh việc đóng góp phần lớn cho hoạt động xuất khẩu Filler Masterbatch ra thị trường quốc tế của Công ty. Với việc xây dựng Nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch Hải Phòng, Nhựa Pha Lê đang được hưởng rất nhiều ưu đãi từ chính sách của Nhà nước như miễn Thuế TNDN, giảm 50% thuế TNCN, miễn thuế xuất nhập khẩu, ...

Như vậy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, với xu thế phát triển của đất nước cũng như của toàn bộ nền kinh tế thế giới, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

10.8. Hoạt động Marketing

BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường cả nước và quốc tế. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định như Công ty Cổ Phần Hóa Chất Tp. Hồ Chí Minh, Global New Material Ltd, Orientlink Ltd., Hindusthan National Glass & Industries Ltd.,

Chiến lược hoạt động Marketing của Công ty được triển khai đồng bộ từ Sản phẩm (Product), Giá cả (Price), Phân phối (Distribution) đến Xúc tiến (Promotion). Cụ thể:

➤ Sản phẩm

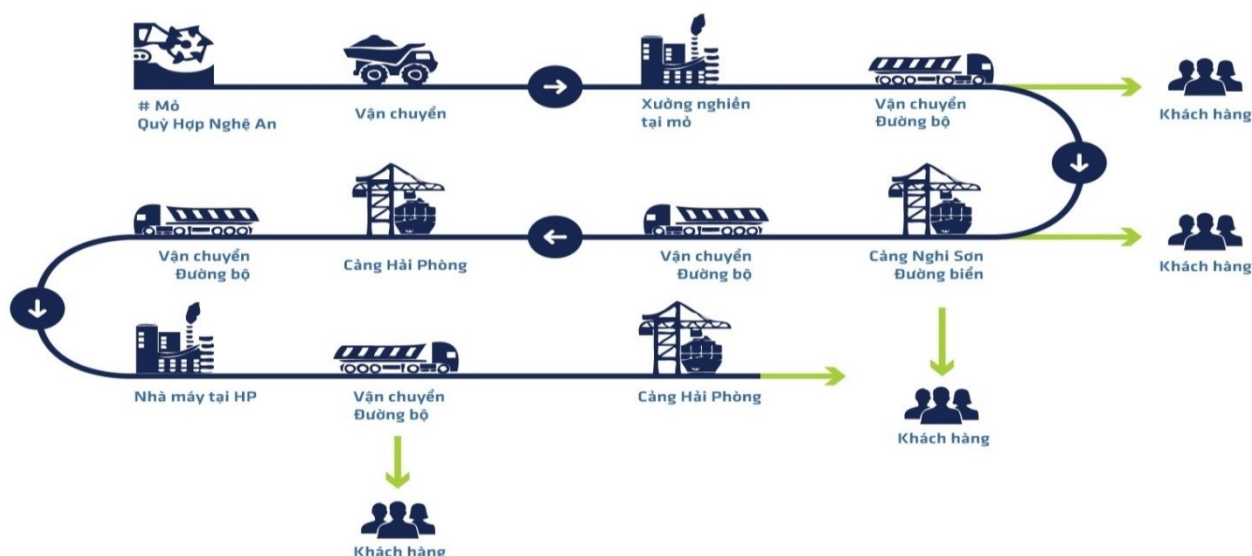
Hiện nay, Nhựa Pha Lê chủ yếu sản xuất các sản phẩm có gốc CaCO₃ như: đá vôi trắng, bột đá và hạt độn phụ gia ngành nhựa,... trong đó sản phẩm của Công ty vừa mang tính chuyên môn hóa, vừa mang tính đa dạng hóa nhằm từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Sản phẩm đá CaCO₃ được cung ứng cho khách hàng trong nước như: và CTCP Hóa chất Tp. Hồ Chí Minh, CTCP Bột đá trắng Thọ Hợp, Công ty TNHH Oriental Commercial Vina, Công ty TNHH Vật liệu mới Lợi Đạt, Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Quốc Tế Minh Khuê. ...

➤ Giá cả

Công ty áp dụng chính sách giá bán linh hoạt căn cứ theo điều kiện kinh doanh và tình hình nhu cầu của thị trường, đồng thời phù hợp với đối tượng khách hàng của Công ty. Giá cả được hình thành dựa trên cơ sở phân tích biến phí và định phí, kết hợp với tỷ suất lợi nhuận phù hợp và được điều chỉnh lại dựa vào các biến số thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh và mang lại lợi ích tối đa.

Được đầu tư dây chuyền máy móc tiên tiến và hiện đại, mức giá đối với sản phẩm hạt nhựa của Công ty luôn được coi là mức giá mang tính cạnh tranh cao đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, không vì đề xuất những mức giá cạnh tranh mà các sản phẩm dịch vụ của Công ty mất đi tính chất lượng và hiệu quả.

➤ Phân phối



Các sản phẩm dịch vụ đang được cung ứng của Công ty hiện nay phục vụ cho cả thị trường nội địa và quốc tế. Việc vận chuyển hàng được áp dụng cả phương thức vận chuyển đường bộ và đường

biển, trong đó vận chuyển đường biển đóng vai trò chủ đạo. Phương thức giao hàng đường biển của Nhựa Pha Lê thường áp dụng và FOB (FOB Nghi Sơn) đối với các sản phẩm trong nước và CIF đối với các sản phẩm xuất khẩu. Phương thức giao hàng trong vận tải đường bộ thường chỉ được áp dụng trong nội bộ các chi nhánh.

➤ **Xúc tiến bán hàng**

Với định hướng phát triển chính là nhắm vào thị trường quốc tế, Nhựa Pha Lê xác định hoạt động bán hàng của mình sẽ gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trên thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến hoạt động xúc tiến bán hàng và chăm sóc khách hàng của mình. Khi làm việc với Công ty, khách hàng sẽ không phải liên lạc với một địa chỉ email chung chung và một nhân viên vô danh, mà thay vào đó là một người hiểu vấn đề của mình, quan tâm đến nhu cầu và chịu trách nhiệm cho sự thành công của khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty liên tục tuyển dụng các nhân sự bán hàng cao cấp. Hiện nay, hoạt động bán hàng của Công ty đang được phụ trách bởi 04 nhân sự người nước ngoài và 06 nhân sự người Việt Nam. Bên cạnh đó, nắm bắt xu thế kinh doanh và tiếp thị mới của thị trường, Công ty cũng thực hiện những hình thức giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của Công ty, các trang web quảng cáo bán hàng, xúc tiến thương mại,...

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và nhãn hiệu Công ty:



10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong những năm qua, Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (QA) của Công ty đã thực hiện việc nghiên cứu, phân tích đặc thù của mỗi nguyên liệu hạt nhựa cho các sản phẩm ứng dụng khác nhau để đề xuất với lãnh đạo hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm mới. Công ty vẫn tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm đã và đang khai thác bao gồm nhóm sản phẩm từ đá CaCO₃ và nhóm sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch. Công ty cũng thường xuyên cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư công nghệ nhằm khắc phục sự một số yếu điểm trong quá trình sản xuất hiện tại, đồng thời giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đội ngũ nhân viên R&D của Công ty cũng đang hợp tác với Trung tâm công nghệ Polyme Bách Khoa và Viện Khoa học Vật liệu – Viện kỹ thuật nhiệt đới thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để nghiên cứu thành phần và ứng dụng các loại hạt nhựa nguyên liệu đối với mỗi sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

Trong những năm tới đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch theo nhu cầu của các khách hàng quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang có những chiến lược phát triển các sản phẩm mới để mở rộng, tiếp cận nhu cầu của những thị trường tiềm năng khác.

Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ SPC là dự án trọng điểm mà Nhựa Pha Lê hướng đến trong giai đoạn 2020 - 2025. Dự án không chỉ giúp Nhựa Pha Lê tận dụng nguồn nguyên liệu dư thừa là

lượng đá B,C tại mỏ Nghệ An, đồng thời tận dụng năng lực sản xuất còn dư của hệ thống dây chuyền nghiền và tuyển đá tại nhà máy, giúp Công ty đảm bảo được đầu ra cho giai đoạn đầu hoạt động từ đó tạo sự ổn định cho giai đoạn phát triển về sau.

10.11. Chiến lược kinh doanh

❖ Tái cấu trúc toàn bộ hệ thống

Từ một mỏ đá tại Nghệ An với sản lượng vài ngàn tấn/năm, Nhựa Pha Lê đã phát triển không ngừng nghỉ và phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực Filler Masterbatch. Với những thành tựu trong ứng dụng công nghệ cũng như định hướng phát triển đúng đắn, tổng tài sản của Nhựa Pha Lê đã tăng gấp 6 lần, từ 209 tỷ đồng năm 2015 lên 1.281 tỷ đồng năm 2020. Quy mô doanh nghiệp tăng nhanh cùng lĩnh vực hoạt động không ngừng mở rộng đặt ra các vấn đề về quản trị hệ thống, trong đó cơ cấu tổ chức và hoạt động cũ dần không đáp ứng kịp nhu cầu phát triển. Vì vậy trong giai đoạn tới Công ty có kế hoạch tái cấu trúc toàn bộ hệ thống, tái định vị thương hiệu Nhựa Pha Lê với định hướng chuyển dịch hoạt động kinh doanh cốt lõi từ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và các sản phẩm trung gian sang tập trung sản xuất các sản phẩm chế biến sâu, các sản phẩm tiêu dùng có thể bán đến tận tay người tiêu dùng.

❖ “CHUỖI PHA LÊ”: Sự mạnh mẽ hình thành của một tập đoàn kinh tế trong lĩnh vực công nghệ nhựa

Mục tiêu lọt vào nhóm các doanh nghiệp sản xuất hạt Filler Masterbatch lớn nhất đã thúc đẩy Nhựa Pha Lê sớm bước sang giai đoạn tiếp theo của định hướng phát triển 2021-2025: tham gia vào lĩnh vực vật liệu xây dựng ứng dụng từ công nghệ. Với việc các sản phẩm sàn đá công nghệ hèm khóa của nhà máy SPC số 1 tại trụ sở Công ty cổ phần Hoàng Gia Pha Lê (liên doanh do Nhựa Pha Lê và tập đoàn Hoàng Gia thành lập) xuất khẩu lô hàng đầu tiên đi Mỹ vào tháng 11/2020, Công ty đã đặt chân đầu tiên lên thị trường vật liệu xây dựng với quy mô hơn 30 tỷ USD/năm. Các sản phẩm sàn đá công nghệ SPC Hoàng Gia, với nền tảng công nghệ vật liệu sẵn có đến từ nhà máy bột đá và hạt Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê kết hợp với nhựa PVC, đang được Công ty tích cực nghiên cứu và tìm ra các ứng dụng mới, từ đó củng cố định hướng mở rộng thêm các nhà máy SPC số 2, SPC số 3... Sản phẩm SPC mới, cao cấp hơn được kỳ vọng sẽ được phát triển trong vài năm tới có thể kể đến như: sản phẩm SPC multi layer, sản phẩm ván ốp tường, trần, và các sản phẩm thay thế khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Cùng với các đặc tính nổi trội của sàn đá công nghệ SPC vốn được coi là “làn sóng mới” tại thị trường vật liệu xây dựng Bắc Mỹ, Nhựa Pha Lê kỳ vọng sản phẩm sàn đá công nghệ SPC Hoàng gia sẽ giúp công ty trở thành một phần của thị trường vật liệu xây dựng tại Mỹ, đồng thời có thể mang lại doanh thu xuất khẩu trên 10.000 tỷ đồng/năm trong vòng 3-5 năm tới. Như vậy, từ một doanh nghiệp khoáng sản chỉ biết đến khai thác và bán các sản phẩm thô, Nhựa Pha Lê đang dần cho thấy hình hài của một tập đoàn kinh tế mới với giá trị cốt lõi là dẫn đầu trong công nghệ vật liệu, biến tài nguyên khoáng sản Việt Nam trở thành những sản phẩm tiêu dùng có tuổi thọ trên 20 năm.

❖ Hợp tác cùng phát triển: Đòn bẩy kinh tế đến từ mô hình liên doanh, liên kết với các tổ chức tài chính/ tập đoàn kinh tế lớn.

Mặt trái tất yếu của một doanh nghiệp tăng trưởng nóng với tốc độ phát triển từ 50-100% hàng năm đó chính là sự thiếu hụt về nguồn vốn và hệ thống quản trị. Đây cũng chính là vấn đề mà

Nhựa Pha Lê gặp phải. Để khắc phục điểm yếu này, Nhựa Pha Lê đã chủ động hợp tác với các tổ chức tài chính/ tổ chức kinh tế có nguồn lực, có hệ thống quản trị tốt trên thị trường. Mô hình hợp tác được hiện thực hóa tại các lĩnh vực có khả năng tạo đòn bẩy cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của Nhựa Pha Lê như:

- Lĩnh vực khoáng sản tại CTCP Khoáng sản Minh Cẩm;
- Lĩnh vực logistics tại CTCP Cảng Mipec;
- Lĩnh vực bất động sản tại CTCP Xây dựng Hạ Long và CTCP Thương mại và Du lịch Tân Việt An.

Các dự án đầu tư tại các lĩnh vực khác không chỉ đảm bảo tính đa dạng của ngành nghề kinh doanh – xu thế quản trị rủi ro vốn được xem là tất yếu của các tập đoàn kinh tế trên thế giới – mà còn mang lại các giá trị thặng dư mang tính đòn bẩy cho hoạt động cốt lõi của Nhựa Pha Lê, từ đó hình thành một hệ sinh thái tài chính rộng lớn, nhưng không tách rời khỏi mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp là phát triển theo sâu doanh nghiệp: tập trung vào lĩnh vực cốt lõi, ứng dụng công nghệ vật liệu, cải tiến quy trình sản xuất từ đó mang lại giá trị thặng dư lớn và bền vững.

Trong tương lai, Nhựa Pha Lê vẫn sẽ tiếp tục duy trì định hướng phát triển vừa tập trung mảng hoạt động chính, vừa kết hợp đầu tư đa ngành với tỷ trọng hợp lý để đảm bảo thu được lợi ích tối đa cho các cổ đông.

❖ Một số mục tiêu chiến lược cụ thể

- Doanh thu xuất khẩu các sản phẩm SPC đạt 10.000 tỷ đồng/năm trong 5 năm tới;
- Trở thành doanh nghiệp tiên phong, đi đầu trong ứng dụng khoa học công nghệ vật liệu để chuyển hóa tài nguyên khoáng sản Việt Nam thành các sản phẩm tiêu dùng có tuổi thọ trên 20 năm;
- Đa dạng hóa ngành nghề, tập trung đầu tư vào các lĩnh vực liên quan, mang lại giá trị thặng dư cho hoạt động kinh doanh cốt lõi;

11. Chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Nhựa Pha Lê tại ngày 30/09/2021 là 254 người, tại ngày 31/12/2020 là 256 người và tại ngày 31/12/2019 là 237 người.

Cơ cấu lao động của công ty

(Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại và số người lao động bình quân trong 02 năm Liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)

STT	Trình độ	Năm 2019	Năm 2020	30/09/2021
I	Phân theo trình độ lao động	237	237	254
1	Trên đại học	4	4	4
2	Trình độ đại học và tương đương	80	79	128
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	33	48	58

STT	Trình độ	Năm 2019	Năm 2020	30/09/2021
4	Trình độ khác	120	106	64
II	Phân theo tính chất hợp đồng lao động	237	237	254
1	Lao động không xác định thời hạn	33	40	58
2	Lao động hợp đồng thời hạn từ 06 tháng – 36 tháng	193	180	189
3	Lao động thử việc, học việc	11	17	7

Nguồn: Nhựa Pha Lê

➤ **Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ lễ 02/09 01 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định pháp luật.

➤ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

➤ **Chính sách lương và thưởng**

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc

gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

12. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhựa Pha Lê cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Hiện tại công ty vẫn đang trong giai đoạn phát triển nên trong các năm vừa qua Công ty không chi trả, lợi nhuận giữ lại được dùng để tái đầu tư. Tình hình chi trả cổ tức những năm qua như sau:

	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 06/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 23/01/2019

Kế hoạch sử dụng vốn của đợt phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 21/04/2018:

- Số cổ phần dự kiến chào bán: 15.000.000 cổ phần.
- Giá chào bán: 12.000 đồng/ cổ phần.
- Tổng số vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành: 180.000.000.000 đồng.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành:
 - ✓ Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của Chi nhánh Nghệ An và Nhà máy Hải Phòng: 50.000.000.000 đồng
 - ✓ Đầu tư dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo: 60.000.000.000 đồng
 - ✓ Bổ sung vốn lưu động: 70.000.000.000 đồng

Phương án sử dụng vốn thay đổi theo Nghị quyết HĐQT số 08.05/2019/NQ-HĐQT ngày 08/05/2019:

- Số cổ phần chào bán thành công: 8.500.000 cổ phần

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

- Giá chào bán: 12.000.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số vốn thu được từ đợt phát hành: 102.000.000.000 đồng
- Thực tế sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành:
 - ✓ Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của Chi nhánh Nghệ An và Nhà máy Hải Phòng: 7.500.000.000 đồng
 - ✓ Góp vốn thành lập doanh nghiệp sản xuất các loại vật liệu xây dựng 24.500.000.000 đồng
 - ✓ Đầu tư sở hữu vốn tại các doanh nghiệp 70.000.000.000 đồng

Theo Báo cáo tình hình sử dụng vốn Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng (đã được kiểm toán) được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ban hành ngày 25/06/2020, Công ty đã sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành theo đúng Phương án sử dụng vốn thay đổi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08.05/2019/NQ-HĐQT ngày 08/05/2019.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của Tổ chức phát hành

Thông tin về các Hợp đồng thuê, sử dụng đất

Diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng	Thời hạn thuê	Phương án sử dụng đất	Ghi chú
1	Lô đất CN 4.3 KCN MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	20.000 m ²	Đến 30/06/2057	Xây dựng nhà máy hạt nhựa	Đất thuê trả tiền một lần
2	Lô đất tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An	52.400 m ²	Đến 10/08/2037	Khai thác mỏ đá Thung Hung	Đất thuê trả tiền hàng năm
Tổng cộng		72.400			

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Trái phiếu chưa đáo hạn đến 30/09/2021

Số dư trái vay nợ trái phiếu 30/09/2021

Loại vay nợ	Lãi suất	Số dư 30/09/2021 (đồng)
Nợ ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn	12%	100.000.000.000

Số dư phản ánh các trái phiếu đã bán cho các tổ chức, cá nhân theo các đợt phát hành của Công ty, với các thông tin chi tiết như sau:

- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu (với số lượng 100.000 trái phiếu).
- Kỳ hạn: 18 tháng.
- Kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 15/10/2021 và ngày 15/04/2022.
- Phương thức phát hành: Đại lý phát hành.
- Tài sản đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng cổ phần thế chấp giá trị 144.837.000.000 đồng.
- Mục đích phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Các thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê cam kết: “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020		6T/2021	9T/2021
		Giá trị	% thay đổi		
Tổng giá trị tài sản	1.001.926	1.281.226	27,88%	1.437.903	1.571.307
Vốn chủ sở hữu	409.453	443.694	8,36%	463.210	467.982
Doanh thu thuần	1.050.052	1.786.074	70,09%	914.616	1.339.000

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020		6T/2021	9T/2021
		Giá trị	% thay đổi		
Lợi nhuận từ hoạt động KD	51.053	44.034	-13,75%	23.887	29.805
Lợi nhuận khác	-1.077	-1.353	-	-160	-1.056
Lợi nhuận trước thuế	49.975	42.680	-14,60%	23.726	28.749
Lợi nhuận sau thuế	49.975	39.798	-20,37%	21.966	26.738
Giá trị sổ sách/Cổ phiếu	16.378	11.092	-32,27%	11.580	11.700

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	9T/2021
Tổng giá trị tài sản	2.377.905
Vốn chủ sở hữu	754.537
Doanh thu thuần	1.642.665
Lợi nhuận từ hoạt động KD	118.326
Lợi nhuận khác	-913
Lợi nhuận trước thuế	117.413
Lợi nhuận sau thuế	115.404

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

Doanh thu thuần năm 2020 tiếp tục tăng trưởng mạnh đạt 1.786 tỷ đồng, tăng 70% so với doanh thu năm 2019 và hoàn thành 94% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 39 tỷ đồng, hoàn thành 80% kế hoạch năm và giảm so với năm 2019.

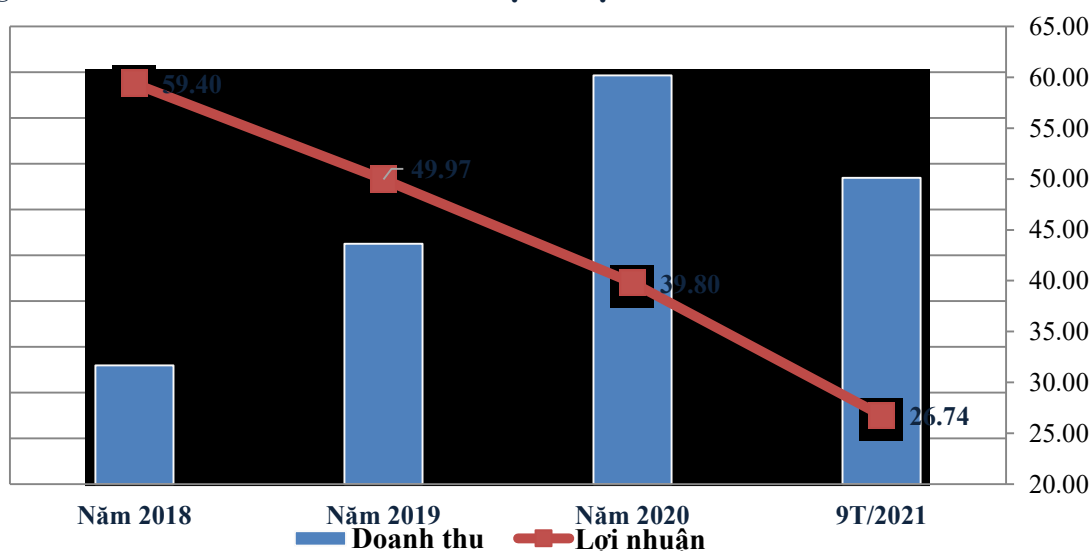
Năm 2020, Nhựa Pha Lê duy trì sản xuất 08 dây chuyền hiện có và nâng cao chất lượng sản phẩm bằng việc cải tiến công nghệ, hướng tới sự ổn định về chất lượng các mặt hàng hiện có và đầu tư

nghiên cứu phát triển sản xuất, thử nghiệm các sản phẩm mới như Talc, PS... Với việc hoàn thành dự án đầu tư mở rộng nhà máy Nghệ An và Hải Phòng, doanh thu sản xuất năm 2020 tăng hơn 70% so với năm 2019.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2020 tiếp tục tập trung vào định hướng chuyển dịch từ khai thác và bán nguyên liệu thô là đá CaCO₃ sang sản xuất sản phẩm tiếp sau là hạt nhựa Filler Masterbatch. Hạt nhựa Filler Masterbatch có giá bán cao gấp 6 lần giá sản phẩm bột đá và thậm chí cao gấp 20 lần sản phẩm đá CaCO₃ truyền thống, nhờ đó mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty. Hoạt động thương mại được duy trì với mục đích chính là ổn định giá nguyên vật liệu đầu vào, giúp hạn chế rủi ro cho hoạt động chính.

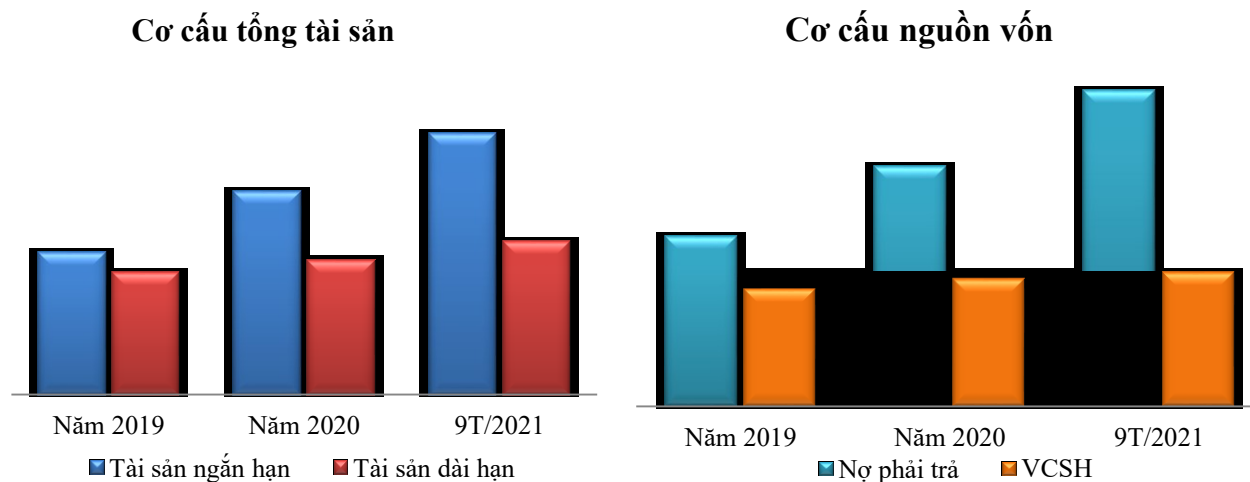
Biên lợi nhuận gộp của mảng thương mại được duy trì, tuy nhiên biên lợi nhuận gộp của mảng sản xuất của công ty tiếp tục giảm. Đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán của đối tác, buộc công ty phải tăng vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động, đẩy chi phí tài chính lên cao gần gấp 2 lần, bào mòn lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, giá nhựa nguyên sinh năm 2020 diễn biến thất thường và tăng mạnh vào cuối năm là một trong số những nguyên nhân đẩy giá vốn của công ty tăng cao.

Tỷ đồng

Doanh thu & Lợi nhuận

Nhìn chung, hoạt động sản xuất chính của Công ty tuy tăng trưởng lớn so với năm 2019 nhưng hiệu quả mang lại không đạt được đúng như kỳ vọng ban đầu. Bên cạnh các yếu tố khách quan như dịch bệnh, sự đứt gãy của chuỗi logistics, sự sụt giảm hiệu quả kinh doanh năm 2020 một phần lý do bởi tính cạnh tranh trong ngành sản xuất Filler Masterbatch đang tăng rất cao khi các đối thủ liên tục đầu tư mở rộng nhà máy, từ đó khiến nguồn cung tăng gây áp lực cho giá bán sản phẩm. Bên cạnh đó, xu thế giảm dần của biên lợi nhuận được xem là tất yếu đối với các ngành sản xuất hàng tiêu dùng trên thế giới. Đây cũng được xem là động lực và lý do chính thúc đẩy quá trình đầu tư các dự án mới nhằm phát triển các sản phẩm với biên lợi nhuận cao hơn, từ đó duy trì tỷ suất lợi nhuận trên đồng vốn đầu tư, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Nhờ doanh thu, tổng tài sản của Công ty tăng trưởng mạnh qua các năm, trong đó sự gia tăng của tài sản dài hạn do Công ty đầu tư dây chuyền máy móc và thiết bị mới để khai thác đá và sản xuất chất độn phụ gia ngành nhựa Filler Masterbatch. Tài sản ngắn hạn của Công ty cũng tăng từ 406 tỷ đồng năm 2018 lên 538 tỷ đồng năm 2019 và đạt 771 tỷ đồng trong năm 2020. Bên cạnh đó, do yếu tố tác động của dịch bệnh Covid-19, thời hạn công nợ và tồn kho của Công ty tăng lên để đảm bảo tính ổn định của sản xuất, từ đó làm tăng nhu cầu vốn lưu động. Năm 2020 không diễn ra các thương vụ M&A lớn, nhưng công ty cũng đang tăng sở hữu tại các doanh nghiệp mục tiêu tiềm năng, đồng thời giảm tỷ lệ sở hữu tại các dự án ít ưu tiên hơn, do đó biến động tài sản dài hạn không đáng kể.

Về phía nguồn vốn, cơ cấu tổng nguồn vốn của Công ty chủ yếu bao gồm nợ phải trả, cụ thể, Công ty đang huy động vốn vay từ ngân hàng để thực hiện dự án đầu tư, trong đó tập trung vay ngắn hạn. Với định hướng phát triển mảng thương mại hạt nhựa nguyên sinh đi kèm hỗ trợ hạt phụ gia Filler Masterbatch, việc mở rộng thị phần tới các nhà sản xuất hàng tiêu dùng ngành nhựa trong nước đã được chuyển biến rõ rệt. Doanh thu tăng cao, nhưng nhu cầu về dòng tiền để thanh toán cho nhà cung cấp cũng tăng theo, dẫn tới phát sinh tăng nhu cầu vay ngân hàng để bù đắp vốn lưu động thiếu hụt. Dự kiến trong những năm tới, khi hoạt động kinh doanh đi vào ổn định, Công ty sẽ giảm vay ngân hàng và từ đó giảm bớt gánh nặng tài chính.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

1.2.1. Thuận lợi

❖ Nhân tố từ môi trường kinh doanh

- Nền kinh tế thế giới và trong nước đang trong xu thế tăng trưởng ổn định, lãi suất ngân hàng giảm hỗ trợ quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp.
- Nhu cầu thị trường trong nước cũng như thế giới đối với các sản phẩm Filler Masterbatch ngày càng tăng cao.
- Bên cạnh đó, Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của Nhà nước và Tp. Hải Phòng (giá thuê đất, giải phóng mặt bằng, ưu đãi thuế...) và thuận lợi từ vị trí địa lý khi nhà máy Hải

Phòng đặt ở gần Cảng Đình Vũ, giúp Công ty có thể dễ dàng vận chuyển hàng hóa đến khách hàng với chi phí rẻ.

❖ **Nhân tố nội tại của Công ty**

- Công ty đang dần khẳng định thương hiệu và uy tín trên thị trường. Sản phẩm Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê đang ngày càng được biết đến và xâm nhập được vào những thị trường khó tính nhất như Trung Đông, Châu Âu, ...
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, chuyên nghiệp, trong đó đặc biệt là đội ngũ cán bộ kinh doanh đã giúp cho thị trường ngày càng mở rộng, doanh thu tăng trưởng.
- Chất lượng mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hưng, Quý Hợp, Nghệ An tốt, đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường, qua đó hỗ trợ quá trình sản xuất, giảm tỷ lệ hàng lỗi.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã vạch ra lộ trình phát triển trung hạn của Công ty, với các định hướng và mục tiêu rõ ràng. Chiến lược phát triển nhất quán giúp Công ty tập trung nguồn lực, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

1.2.2. Khó khăn

❖ **Nguyên vật liệu phụ thuộc thị trường nhập khẩu**

Tuy đá CaCO₃ chiếm 70-80% trong tỷ trọng Filler, giá thành sản phẩm lại phụ thuộc nhiều vào giá nguyên vật liệu nhập khẩu (nhựa nguyên sinh, dầu parafin, phụ gia) do giá bán nhựa nguyên sinh có giá cao hơn bột đá từ 20-30 lần. Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam, mỗi năm Việt Nam phải nhập khẩu 3,5 triệu tấn nguyên vật liệu cho ngành nhựa, chưa kể các chất phụ gia cho ngành nhựa, trong khi các doanh nghiệp trong nước chỉ đáp ứng được 900 nghìn tấn/năm. Công ty nhựa có thị phần lớn nhất tại Việt Nam là nhựa OPEC, chiếm khoảng 10% thị phần thương mại hạt nhựa ở Việt Nam. Theo dự báo, thương mại hạt nhựa tại Việt Nam sẽ lên tới 5 triệu tấn nhựa nguyên liệu/năm vào năm 2020. Nhựa nguyên sinh là sản phẩm từ dầu mỏ, do đó giá bán cũng thay đổi theo những biến động của giá dầu. Trong giai đoạn giá dầu đang có xu hướng tăng từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2020, chi phí nguyên vật liệu của Công ty cũng gia tăng đáng kể. Chi phí tăng, trong khi giá bán hạt nhựa Filler chưa thay đổi kịp khiến cho lợi nhuận Công ty chịu ảnh hưởng.

Giá nhựa đầu vào năm 2020 biến động rất bất thường và khó dự đoán cùng với tình hình giá cước biển tăng cao vào cuối năm.

❖ **Cạnh tranh thị trường ngày càng gay gắt**

Tuy thị trường Filler Masterbatch được đánh giá là hứa hẹn và còn nhiều tiềm năng phát triển, mức độ cạnh tranh trong thị trường cũng gia tăng tương ứng. Nhìn chung, rào cản gia nhập thị trường sản xuất Filler Masterbatch tương đối thấp, do đó, khi nhu cầu thị trường tăng mạnh, số lượng doanh nghiệp mới gia nhập thị trường cũng tăng theo. Hiện nay trên thị trường miền Bắc đang có khoảng 30 nhà sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch hoạt động chủ yếu tại Hà Nam, Hà Nội, Yên Bái, trong đó nhiều doanh nghiệp đang đầu tư mở rộng quy mô sản xuất những năm qua. Việc các đối thủ cạnh tranh liên tục nâng lực sản xuất đã tạo ra áp lực cạnh tranh đối với Nhựa Pha Lê, khiến công ty gặp một vài khó khăn trong việc nâng giá bán và mở rộng thị trường.

Hạt phụ gia nhựa đang gặp áp lực mạnh mẽ đến từ đầu ra khi thị hiếu người tiêu dùng đòi hỏi các sản phẩm chất lượng cao và bảo vệ môi trường. Tiêu chuẩn này khiến các doanh nghiệp nhỏ mới tham gia thị trường khó bắt kịp bởi biên độ lợi nhuận, thường âm trong ngắn hạn và họ không có đủ nguồn vốn duy trì hoạt động kinh doanh của mình.

Ngoài những khó khăn về logistic, thị trường Filler toàn cầu còn phải đối mặt với tình trạng khan hiếm nguồn cung Polymer kể từ cuối quý III, đầu quý IV/2020. Việc ngừng hoạt động theo kế hoạch và ngoài kế hoạch cùng với cuộc khủng hoảng logistic ngày càng sâu sắc sau khi nhu cầu tăng đột biến đã góp phần làm tăng giá nhanh chóng ở các khu vực có nhu cầu cao. Giá PP, PE và PVC trong nửa năm sau đã tăng gần gấp đôi so với quý I/2020.

1.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 2020

Không có

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Cơ cấu vốn chủ sở hữu – Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Vốn điều lệ	250.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	17.000.000.000	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	(1.530.000)	(1.530.000)	-1.530.000
Quỹ đầu tư phát triển	5.556.759.663	3.895.936.945	5.885.826.969	5.885.826.969
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	136.896.725.419	39.799.330.470	57.325.791.799	62.097.233.434
Vốn chủ sở hữu	409.453.485.082	443.693.737.415	463.210.008.768	467.981.530.403

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Cơ cấu vốn chủ sở hữu – Hợp nhất

Đơn vị: đồng

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Nguồn vốn	30/09/2021
Vốn điều lệ	400.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	0
Cổ phiếu quỹ	-1.530.000
Quỹ đầu tư phát triển	5.885.826.969
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	147.859.303.230
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	200.793.388.485
Vốn chủ sở hữu	754.536.988.684

*Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê
 Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020*

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh – Công ty mẹ

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Tài sản ngắn hạn	537.949.007.923	771.407.396.477	827.321.710.458	990.375.603.751
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.889.239.943	36.473.597.664	8.928.303.110	8.039.743.502
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.300.000.000	8.700.000.000	10.346.280.000	149.731.388.061
Các khoản phải thu ngắn hạn	262.544.643.865	437.994.454.997	523.711.176.883	517.151.017.436
Hàng tồn kho	207.038.800.400	277.861.758.111	274.333.448.752	304.710.946.195
Tài sản ngắn hạn khác	18.176.323.715	10.377.585.705	10.002.501.713	10.742.508.557
Tài sản dài hạn	463.977.203.557	509.818.776.390	610.581.390.332	580.931.214.595
Các khoản phải thu dài hạn	726.499.496	2.419.893.187	2.528.780.532	2.528.780.532
Tài sản cố định	229.234.153.042	209.603.119.221	201.617.328.863	196.615.753.483
Tài sản dở dang dài hạn	-	1.864.349.092	4.414.195.683	10.657.504.093
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	191.930.000.000	260.032.013.925	368.351.571.935	337.951.571.935

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Tài sản dài hạn khác	42.086.551.019	35.899.400.965	33.669.513.319	33.177.604.552
Tổng cộng	1.001.926.211.480	1.281.226.172.867	1.437.903.100.790	1.571.306.818.346

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh – Hợp nhất

Khoản mục	30/09/2021
Tài sản ngắn hạn	1.376.174.219.098
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.948.948.899
Đầu tư tài chính ngắn hạn	164.731.388.061
Các khoản phải thu ngắn hạn	689.257.483.232
Hàng tồn kho	449.100.160.769
Tài sản ngắn hạn khác	48.136.238.137
Tài sản dài hạn	1.001.731.227.523
Các khoản phải thu dài hạn	2.528.780.532
Tài sản cố định	727.635.672.700
Tài sản dở dang dài hạn	11.249.685.674
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	207.051.571.935
Tài sản dài hạn khác	53.265.516.682
Tổng cộng	2.377.905.446.621

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

b) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty luôn tuân thủ trích khấu hao theo quy định.

Khấu hao tài cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 10 – 22 năm
- Máy móc, thiết bị : 05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất : 20 – 50 năm

c) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động Công ty và một số Doanh nghiệp cùng ngành

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	Năm 2019	Năm 2020	6T/2021
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	10.791.656	10.966.311	11.444.541
Công ty Cổ phần An Tiến Industries (HII)	16.835.210	16.804.836	11.178.756
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (AAA)	10.798.898	11.124.023	6.103.849

(Nguồn: Nhựa Pha Lê và tính toán dựa trên Báo tài chính năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC 6 tháng được soát xét của HII và AAA)

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2020 là 10.966.311 đồng/ người/ tháng. Tuy thấp hơn một số doanh nghiệp cùng ngành nhưng phù hợp với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước.

d) Tình hình công nợ hiện nay

Tổng số nợ phải thu và Tổng số nợ phải trả – Công ty mẹ

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Tổng số nợ phải thu	263.271.143.361	440.414.348.184	526.239.957.415	519.679.797.968
Tổng số nợ phải trả	592.472.726.398	837.532.435.452	974.693.012.022	1.103.325.287.943

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Tổng số nợ phải thu và Tổng số nợ phải trả – Hợp nhất

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	30/09/2021
Tổng số nợ phải thu	691.786.263.764
Tổng số nợ phải trả	1.623.368.457.936

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

d.1) Các khoản phải thu

❖ Tổng số nợ phải thu

Số dư các khoản phải thu – Công ty mẹ

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Phải thu ngắn hạn	262.544.643.865	437.994.454.997	523.711.176.883	517.151.017.436
Phải thu khách hàng	183.948.906.278	313.256.587.265	462.863.763.034	461.837.774.323
Trả trước cho người bán	9.067.844.427	7.662.875.084	16.386.523.904	13.108.667.244
Phải thu khác	70.146.687.616	117.864.924.178	46.014.345.542	43.758.031.466
Dự phòng phải thu khó đòi	-618.794.456	-789.931.530	-1.553.455.597	-1.553.455.597
Phải thu dài hạn	726.499.496	2.419.893.187	2.528.780.532	2.528.780.532
Phải thu khác	726.499.496	2.419.893.187	2.528.780.532	2.528.780.532
Tổng cộng	263.271.143.361	440.414.348.184	526.239.957.415	519.679.797.968

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Với đặc thù chu kỳ vòng tiền mất từ 6-8 tháng, khi doanh thu tăng trưởng, vốn lưu động đặc biệt là khoản phải thu và tồn kho cũng tăng tương ứng. Do thực hiện chính sách tài trợ thương mại cho khách hàng, công ty phải tự bỏ tiền ra để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đảm bảo giao hàng đúng hạn giúp tăng cường uy tín, khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên nếu so với tốc độ tăng trưởng doanh thu, giá trị các khoản phải thu của Nhựa Pha Lê tăng không quá nhiều (phải thu năm 2020 tăng 67% so với tốc độ tăng trưởng 70%/năm của doanh thu).

Số dư các khoản phải thu – Hợp nhất

KHOẢN MỤC	30/09/2021
Phải thu ngắn hạn	689.257.483.232
Phải thu khách hàng	575.879.856.916
Trả trước cho người bán	33.180.453.917
Phải thu nội bộ ngắn hạn	25.121.482.863
Phải thu khác	56.629.145.133
Dự phòng phải thu khó đòi	-1.553.455.597
Phải thu dài hạn	2.528.780.532
Phải thu khác	2.528.780.532
Tổng cộng	691.786.263.764

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

❖ **Các khoản phải thu quá hạn**

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Giá trị 30/09/2021 (đồng)	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng 30/09/2021 (đồng)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Bao bì Duy Anh	Trên 4 năm	Nợ khó đòi	188.760.000	-	188.760.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	Trên 3 năm	Nợ khó đòi	444.125.900	-	444.125.900
CTCP Khoáng sản, Bao bì và Nhựa VINA VICO	Dưới 1 năm	Khó quyết toán	454.082.750	227.041.375	227.041.375
Công ty TNHH MTV Đức Linh	Dưới 1 năm	Khó quyết toán	333.624.467	166.812.333	166.812.134
Công ty TNHH Sản xuất – Xuất khẩu – Thương mại Vạn Trường Sinh	Dưới 1 năm	Khó quyết toán	157.010.000	78.505.000	78.505.000

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Giá trị 30/09/2021 (đồng)	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng 30/09/2021 (đồng)
PT.GUNAWANFAJAR	Dưới 1 năm	Khó quyết toán	434.889.000	217.444.500	217.444.500
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	Nợ khó đòi	280.453.088	49.686.500	230.766.588
Tổng			2.292.945.205	739.486.608	1.553.458.597

Nguồn: Nhựa Pha Lê

❖ **Tình hình vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/ cam kết**

Không có.

d.2) Các khoản phải trả

❖ **Tổng số nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả – Công ty mẹ

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Tổng nợ ngắn hạn	558.190.193.885	717.649.902.939	935.010.479.509	1.063.642.755.430
Phải trả người bán	22.173.237.987	68.537.117.902	148.604.310.806	183.239.758.983
Người mua trả tiền trước	386.634.341	193.410.253	810.865.496	2.909.504.230
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.345.608.905	2.540.592.287	3.637.890.747	2.332.361.785
Phải trả người lao động	2.382.479.902	2.102.480.000	2.240.454.000	2.204.798.000
Chi phí phải trả	1.642.896.217	5.910.335.492	13.662.786.071	14.510.844.899
Phải trả phải nộp khác	1.835.823.543	3.663.800.804	4.143.711.895	77.024.080.927
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	523.137.213.370	625.601.758.044	752.535.309.813	772.046.255.925
Dự phòng phải trả	441.895.411	441.895.411	441.895.411	441.895.411
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.844.404.209	8.658.512.746	8.933.255.270	8.933.255.270
Tổng nợ dài hạn	34.282.532.513	119.882.532.513	39.682.532.513	39.682.532.513
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	34.282.532.513	119.882.532.513	39.682.532.513	39.682.532.513

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Tổng cộng	592.472.726.398	837.532.435.452	974.693.012.022	1.103.325.287.943

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Tổng nợ phải trả của công ty tăng lên từ 592 tỷ đồng cuối năm 2019 lên hơn 837 tỷ đồng năm 2020, tương ứng tốc độ tăng 41%. Tốc độ tăng của nợ tuy cao nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, vốn là đặc thù của những doanh nghiệp trong giai đoạn tăng trưởng nóng đang cần vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh và mua nguyên vật liệu.

Số dư các khoản phải trả – Hợp nhất

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	30/09/2021
Tổng nợ ngắn hạn	1.416.575.595.058
Phải trả người bán	276.856.461.084
Người mua trả tiền trước	9.984.970.780
Thuế và các khoản phải nộp NN	3.194.584.131
Phải trả người lao động	3.885.501.000
Chi phí phải trả	14.917.975.975
Phải trả phải nộp khác	87.696.860.842
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.010.664.090.565
Dự phòng phải trả	441.895.411
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.933.255.270
Tổng nợ dài hạn	206.792.862.878
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	206.792.862.878
Tổng cộng	1.623.368.457.936

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

❖ Tình hình thanh toán các khoản nợ

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

❖ **Tình hình vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/ cam kết**

Không có.

e) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc tính và nộp các khoản thuế phải nộp theo đúng quy định của pháp luật. Số dư các khoản thuế phải nộp qua các năm như sau:

Số dư các loại thuế phải nộp của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Thuế giá trị gia tăng	-	2.791.789	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.182.456.394	3.442.642.204	2.084.283.888
Thuế thu nhập cá nhân	68.261.527	116.343.000	97.967.576	92.628.599
Thuế tài nguyên	983.509.750	216.767.968	70.341.157	32.566.657
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	293.837.628	22.233.136	26.939.810	122.882.641
Tổng cộng	1.345.608.905	2.540.592.287	3.637.890.747	2.332.361.758

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Số dư các loại thuế phải nộp của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	30/09/2021
Thuế giá trị gia tăng	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.965.130.044
Thuế thu nhập cá nhân	100.944.599
Thuế tài nguyên	32.566.657
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	95.942.831
Tổng cộng	3.194.584.131

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

f) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ – Công ty mẹ

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.844.404.209	8.658.512.746	8.933.255.270	8.933.255.270
Quỹ đầu tư phát triển	5.556.759.663	3.895.936.945	5.885.826.969	5.885.826.969
Tổng cộng	10.401.163.872	12.554.449.691	14.819.082.239	14.819.082.239

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Số dư các quỹ – Hợp nhất

KHOẢN MỤC	30/09/2021
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.933.255.270
Quỹ đầu tư phát triển	5.885.826.969
Tổng cộng	14.819.082.239

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

g) Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay của Công ty – Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	523.137.213.370	625.601.758.044	8.933.255.270	772.046.255.925
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	34.282.532.513	119.882.532.513	5.885.826.969	39.682.532.513

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Tổng Cộng	557.419.745.883	745.484.290.557	14.819.082.239	811.728.788.438

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Tổng dư nợ vay của Công ty – Hợp nhất

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	30/09/2021
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.010.664.090.565
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	206.792.862.878
Tổng Cộng	1.217.456.953.443

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

Vay ngắn hạn chủ yếu là khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô, với tổng hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, vay Ngân hàng BIDV – chi nhánh Đồng Đa – với hạn mức tín dụng là 430 tỷ đồng, vay Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam Chi nhánh Hà Nội với hạn mức tín dụng là 2.000.000 USD và vay Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Hồng Bàng với hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được tính cụ thể tại mỗi lần nhận nợ. Mục đích của khoản vay này là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tính đến ngày 30/09/2021, tổng dư nợ vay ngắn hạn của Công ty là hơn 750 tỷ đồng với lãi suất vay dao động từ 3%/năm đến 8,5%/năm.

Vay dài hạn của Công ty cũng chủ yếu đến từ khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Đa. Mục đích của các khoản vay dài hạn chủ yếu Đầu tư mở rộng dự án cải tạo, mở rộng xưởng nghiền tuyển đá và nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ Nghệ An và Nhà máy sản xuất phụ gia ngành nhựa – CaCO₃ Filler Masterbatch. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay được điều chỉnh định kỳ từ 3-6 tháng một lần và đang dao động ở mức từ 9%/năm đến 11%/năm.

h) Tài sản khác

Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác – Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Tài sản ngắn hạn khác	18.176.323.715	10.377.585.705	10.002.501.713	10.742.508.557

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

KHOẢN MỤC	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	30/09/2021
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.258.357.432	1.102.092.370	1.386.550.001	1.504.584.295
Thuế GTGT được khấu trừ	16.917.966.283	9.275.493.335	8.614.270.907	9.236.243.457
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	1.680.805	1.680.805
Tài sản dài hạn khác	42.086.551.019	35.899.400.965	33.669.513.319	33.177.604.552
Chi phí trả trước dài hạn	42.086.551.019	35.899.400.965	33.669.513.319	33.177.604.552
Tổng cộng	60.262.874.734	46.276.986.670	43.672.015.032	43.920.113.109

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Tài sản ngắn hạn và dài hạn khác – Hợp nhất

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	30/09/2021
Tài sản ngắn hạn khác	48.136.238.137
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.298.951.205
Thuế GTGT được khấu trừ	40.797.789.533
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	39.497.399
Tài sản dài hạn khác	45.592.483.880
Chi phí trả trước dài hạn	45.592.483.880
Tổng cộng	93.728.722.017

Nguồn: BCTC Hợp nhất từ 9T/2021 Công ty tự lập của Nhựa Pha Lê

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy, không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

Tài sản ngắn hạn khác của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ các khoản thuế GTGT được khấu trừ. Đây là những khoản thuế đầu vào phát sinh khi Công ty mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động xuất khẩu.

Chi phí trả trước dài hạn của Nhựa Pha Lê chủ yếu bao gồm chi phí liên quan đến cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản, Chi phí đầu tư khai thác mỏ khoáng sản ở Nghệ An phân bổ, Chi phí thuế GTGT đầu vào không được hoàn phải phân bổ của tài sản cố định trong dự án “Nhà máy sản

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

xuất bộ đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa” và Chi phí san lấp mặt bằng khu mỏ để phục vụ cho hoạt động khai thác và sản xuất kinh doanh chung tại chi nhánh Nghệ An. Công ty đánh giá các chi phí này phục vụ cho hoạt động kinh doanh lâu dài và phân bổ vào chi phí hoạt động trong 10 năm.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty – Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,96	1,07
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	0,59	0,69
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	59,13	65,37
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	144,70	188,76
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản (= Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	lần	1,30	1,56
Vòng quay vốn lưu động (= Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	lần	2,22	2,73
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	4,73	6,72
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS)	%	4,76	2,23
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bq (ROE)	%	14,92	9,33
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq (ROA)	%	6,19	3,49

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đ/cp	1.327	995

Nguồn: tính toán từ BCTC năm 2019, 2020 được kiểm toán

Nhựa Pha Lê thực hiện hợp nhất số liệu tài chính từ Quý III/2021, do vậy không có số liệu hợp nhất của năm 2019, 2020

Về khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán của năm 2020 tăng so với năm 2019: hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ từ 0,96 lên 1,07 và hệ số thanh toán cũng tăng nhẹ từ 0,59 lên 0,69. Điều này được lý giải do năm 2020 là năm bản lề cho các hoạt động đầu tư của Nhựa Pha Lê, khi Công ty sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi có được từ lợi nhuận để lại giai đoạn trước đó để sử dụng cho hoạt động đầu tư, từ đó dịch chuyển cơ cấu tài sản từ ngắn hạn sang dài hạn.

Về cơ cấu vốn: Năm 2020 Công ty tăng vốn thành công từ 250 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng, tuy nhiên Tổng tài sản cũng tăng thêm gần 300 tỷ đồng chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, do đó cơ cấu vốn và tỷ lệ nợ/ vốn chủ sở hữu của Công ty được có xu hướng tăng so với năm 2019.

Về năng lực hoạt động: Với việc đẩy mạnh hoạt động thương mại, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động của Nhựa Pha Lê được cải thiện rõ rệt. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 4,73 vòng năm 2019 lên 6,72 vòng năm 2020 chứng tỏ công tác quản trị hàng tồn kho ngày càng hiệu quả. Khả năng quay vòng vốn tăng lên từng bước chứng tỏ chất lượng cũng như sản lượng, thời gian giao hàng của công ty khá nhanh chóng. Doanh thu tăng trưởng mạnh giúp hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty cũng được cải thiện đáng kể, khi vòng qua tổng tài sản tăng từ 1,3 năm 2019 lên 1,56 năm 2020.

Về khả năng sinh lời: Các chỉ số về tỷ suất lợi nhuận của Công ty đều giảm do chi phí nguyên vật liệu tăng mạnh dẫn tới giá vốn hàng hóa tăng mạnh theo. Hoạt động thương mại tuy mang lại doanh thu, giúp tăng trưởng quy mô của Công ty tuy nhiên có biên lợi nhuận thấp nếu so sánh với hoạt động sản xuất khác, do đó tỷ trọng hoạt động thương mại tăng sẽ kéo giảm tỷ suất sinh lời bình quân của cả Công ty xuống. Nhìn chung, tuy giảm trong năm 2020 nhưng các hệ số về khả năng sinh lời của Nhựa Pha Lê vẫn duy trì ở mức hợp lý nếu so với trung bình các doanh nghiệp trên thị trường.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

❖ Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính kiểm toán (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019) - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

❖ Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính kiểm toán (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020) - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long số tiền 182,4 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra được ý kiến kiểm toán đối với khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

❖ Giải trình của Công ty về ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm 2020 liên quan đến công ty liên kết của Nhựa Pha Lê là Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long.

- ✓ Tại thời điểm 31/12/2020, Nhựa Pha Lê đang theo dõi các khoản đầu tư liên kết tại một số doanh nghiệp, bao gồm Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long. CTCP Xây dựng Hạ Long là doanh nghiệp sở hữu tài sản lớn, bao gồm việc sở hữu các quyền sử dụng đất gần 5.000 m² tại thành phố Hạ Long và là chủ đầu của dự án “Khu chung cư, dịch vụ thương mại tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long”. Tại thời điểm 31/12/2020 dự án của CTCP Xây dựng Hạ Long gần như không có bất cứ nghĩa vụ nợ nào với bên thứ 3, các tài sản đều là tài sản sở hữu trực tiếp và có giá trị lớn, không cầm cố/ thế chấp tại bất cứ tổ chức/ cá nhân nào.
- ✓ Báo cáo tài chính của CTCP Xây dựng Hạ Long được đánh giá là trung thực, hợp lý, tuân thủ theo các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, căn cứ theo Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 được phát hành bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá AGT. Tuy nhiên do đang trong quá trình triển khai dự án và không chịu ràng buộc bởi các quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp đại chúng, tại thời điểm AASC ban hành báo cáo kiểm toán của Nhựa Pha Lê, Công ty Hạ Long vẫn chưa cung cấp đủ hồ sơ theo yêu cầu. Do vậy, tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, AASC đã đưa ra ý kiến ngoại trừ do chưa thu thập được đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra được ý kiến kiểm toán đối với khoản đầu tư của Nhựa Pha Lê tại CTCP Xây dựng Hạ Long.
- ✓ Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã thực hiện chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long. Sau giao dịch, Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long không còn là Công ty liên kết của Nhựa Pha Lê. Việc chuyển nhượng cổ phần và ghi nhận kết quả của hoạt động đầu tư này được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh của Nhựa Pha Lê trong năm 2021.

Tại Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Nhựa Pha Lê đã không còn ý kiến ngoại trừ của Tổ chức kiểm toán - Công ty TNHH

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Hãng Kiểm toán AASC. Do đó, có thể thấy ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán trong Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty không gây ảnh hưởng gì đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, đồng thời không làm ảnh hưởng đến các điều kiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hồ sơ đã nộp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Xác nhận của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

“Chúng tôi xác nhận đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, chúng tôi đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Đối với vấn đề nêu tại Cơ sở ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2020 của Nhựa Pha Lê liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long, tại thời điểm thực hiện soát xét, chúng tôi đã thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với giá trị và thông tin thuyết minh liên quan của khoản đầu tư này tại thời điểm 01/01/2021 và 30/09/2021. Do đó, vấn đề này không còn ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2020 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.”

❖ Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/09/2021) - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại ngày 30/09/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 – Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021	
		Giá trị	% tăng giảm so với thực hiện năm 2020
Vốn điều lệ	400.000	600.000	50%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.786.074	1.900.000	6,38%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	42.680	45.000	5,44%

Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	39.798	42.000	5,53%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,23%	2,21%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	9,95%	7%	-
Cổ tức.	0%	10%	10%

Nguồn: Nhựa Pha Lê

() Kế hoạch Doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021 là kế hoạch Nhựa Pha Lê đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty thông qua.*

Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Hội đồng quản trị Công ty đã cùng thảo luận và đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, sau khi phân tích và đánh giá các năng lực nội tại của công ty và tác động của các điều kiện thuận lợi, bất lợi từ bên ngoài. Cụ thể như sau:

✓ Năng lực sản xuất của các nhà máy:

Hiện nay, nhà máy sản xuất hạt nhựa tại Hải Phòng của Công ty đang hoạt động dựa trên 08 dây chuyền sản xuất hạt nhựa với công suất thiết kế là 9.000 tấn/ tháng. Năng lực Nhà máy Hải Phòng là hơn 60.000 tấn chất độn thông thường và 30.000 tấn hạt Filler Masterbatch cao cấp để cung cấp cho các thị trường khó tính như EU, Nhật và Châu Mỹ. Đây được xem là một trong những yếu tố quan trọng để HĐQT đưa ra kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên.

✓ Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty

Với những ứng dụng rộng rãi của sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch, nhu cầu về sản phẩm của Công ty đang tăng trưởng mạnh, không chỉ trong nước mà cả trên thị trường quốc tế.

Lĩnh vực bao bì nhựa tại Việt Nam được đánh giá là một ngành khá hấp dẫn với mức tăng trưởng trung bình 15% – 20% mỗi năm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa đang đứng trước một mối lo rất lớn về nguyên liệu đầu vào. Đó là hạt nhựa PP phải chịu mức thuế nhập khẩu mới lên tới 3%. Hạt nhựa PP là nguyên liệu chính của cả ngàn doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa hiện nay. Mặt hàng này phải nhập khẩu tới 80%, vì vậy việc áp dụng biểu thuế nhập khẩu mới đã tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm, và gián tiếp đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong mối tương quan với các doanh nghiệp nước ngoài. Bên cạnh đó, ngành bao bì trong nước được dự đoán sẽ phải đối đầu với nhiều thách thức lớn về mặt công nghệ khi yêu cầu của các khách hàng đối với nhà sản xuất ngày càng khắt khe, đòi hỏi bao bì phải mỏng, nhẹ, thân thiện với môi trường, phải thiết kế và in ấn đẹp mắt, ấn tượng. Theo giới phân tích, để giữ vững thị phần cũng như nâng cao khả năng xuất khẩu đến những thị trường mới, các doanh nghiệp sản xuất cần phải không ngừng phát triển quy mô theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu bằng việc cải tiến công nghệ, đổi mới máy móc thiết bị. Thêm nữa, yếu tố nguyên liệu thay thế một phần nào đó hạt nhựa PP cũng là một hướng mà các doanh nghiệp đang tìm kiếm. Trong ngành nhựa hiện nay, hạt độn nhựa Filler Masterbatch (hạt Taical) đang được xem là chất phụ gia duy nhất có thể giúp doanh nghiệp sản xuất sản

phẩm nhựa đặc biệt là lĩnh vực bao bì thay thế cho một phần nguyên liệu PP nhập khẩu. Với những ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm nhựa truyền thống như khả năng phân tán tốt, giúp cải thiện khả năng chống ma sát bề mặt, ổn định nhiệt, độ dai, độ cứng, tăng trọng lượng riêng của sản phẩm, giúp hạ giá thành cho các sản phẩm từ nhựa và đặc biệt là thân thiện với môi trường (phân hủy hoàn toàn trong khoảng từ 10-20 năm), nhu cầu về sản phẩm Filler Masterbatch dự kiến ngày càng tăng cao.

Hiện nay, phần lớn sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch do Nhựa Pha Lê sản xuất đều được xuất khẩu. Những năm tiếp theo, Công ty sẽ đầu tư thêm dây chuyền máy móc để tăng sản lượng, nhằm đáp ứng đủ nhu cầu xuất khẩu và tiến tới bán hàng cho các doanh nghiệp nội địa để hỗ trợ sự phát triển chung của ngành nhựa tại Việt Nam.

Ngoài ra, nhu cầu của sản phẩm SPC hiện nay tại Việt Nam đang rất lớn, do nhiều doanh nghiệp cùng lúc mở các nhà máy tại miền Bắc, miền Nam và miền Trung, từ đó khiến cho thị trường của sản phẩm bột SPC trở nên rất hứa hẹn trong giai đoạn tới. Năm 2020, Nhựa Pha Lê đã phát triển thêm sản phẩm mới là sàn đá công nghệ SPC. Tổng sản lượng bột đá dự kiến sử dụng cho sản phẩm SPC là khoảng 60.000-70.000 tấn năm 2021 và sẽ tiếp tục tăng, mang lại doanh thu hơn 50 tỷ đồng/năm.

✓ **Sự ổn định của thị trường nguyên vật liệu đầu vào**

Với lợi thế là người chủ sở hữu mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hưng – Quý Hợp – Nghệ An, Nhựa Pha Lê luôn có nguồn nguyên liệu chủ động. Đây là yếu tố tiên quyết để đảm bảo sự ổn định về giá thành cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra của Công ty.

✓ **Ưu thế của Nhựa Pha Lê**

Nhựa Pha Lê là chủ sở hữu mỏ Thung Hưng, là một trong những mỏ đá có chất lượng tốt nhất Việt Nam, có tính cạnh tranh, có trữ lượng lớn, do đó Công ty luôn chủ động trong nguồn nguyên liệu đầu vào.

Nhà máy được xây dựng với công nghệ sản xuất hiện đại, đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm chi phí giá thành sản phẩm.

Phương án logistic tối ưu nhất, có sức cạnh tranh nhất tại thời điểm hiện tại, tiết kiệm hơn rất nhiều so với phương thức vận tải thông thường.

Chiến lược có tầm nhìn bền vững, lâu dài, không chỉ sản xuất hạt CaCO₃/Filler mà còn có thể sản xuất đá ốp lát, đá xẻ... là một thị trường rất tiềm năng, đem lại lợi nhuận cao.

Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Công ty, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2019 - 2020; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm dịch vụ của Công ty năm 2021, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của

Công ty được xây dựng một cách hợp lý.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm khi quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18/11/2008. Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan

Tên cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Dự kiến sau đợt phát hành		
					Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
Mai Thanh Phương (ngày trở thành cổ đông lớn 18/11/2008)		6.500.000	6.500.000	65	9.840.000	9.840.000	24,60	14.760.000	14.760.000	24,60
Mai Huy Thuật	Bố	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vũ Thị Hương	Mẹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mai Lâm Vũ	Con trai	0	0	0	1.680.000	1.680.000	4,2	2.520.000	2.520.000	4,2
Mai Như Phương	Con gái	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mai Phương Nhi	Con gái	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mai Hồ Điệp	Em gái	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huỳnh Anh Tú	Em rể	0	0	0	0	0	0	0	0	0
CTCP CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Tổ chức liên quan	0	0	0	0	0	0	0	0	0
CTCP Xây dựng Hạ Long	Tổ chức liên quan	0	0	0	0	0	0	0	0	0
CTCP Khoáng sản Minh Cẩm	Tổ chức liên quan	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	Tổ chức liên quan	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huỳnh Cảnh Phúc (ngày trở thành cổ đông lớn 15/05/2020)		1.980.006	1.980.006	7,92	3.168.009	3.168.009	7,92	4.752.013	4.752.013	7,92

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Tên cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Tại ngày 13/10/2021			Dự kiến sau đợt phát hành		
Huỳnh Anh Tú	Bố	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mai Hồ Điệp	Mẹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huỳnh Mai Thanh Trúc	Em gái	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Huỳnh Cảnh Đức	Em trai	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(*) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt chào bán được tính trong trường hợp tỷ lệ chào bán thành công là 100%; cổ đông lớn, người có liên quan đến cổ đông lớn thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

2.1. Cổ đông Mai Thanh Phương

- Năm sinh: 1971.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP: Không có.
- Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
Hợp đồng mượn tiền số 2402/HĐMT/MTP-PL ngày 24/02/2021.
Giá trị Hợp đồng: 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2022.
Các điều khoản quan trọng khác của Hợp đồng: Không có.
Cấp có thẩm quyền chấp thuận: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với PLP: Lương và Thù lao thành viên HĐQT.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh trong cùng lĩnh vực với PLP hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

2.2. Cổ đông Huỳnh Cảnh Phúc

- Năm sinh: 1998.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Lợi ích liên quan đối với PLP: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh trong cùng lĩnh vực với PLP hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
2	Nguyễn Hồ Hưng (*)	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
3	Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập

(*) Ngày 20/09/2021, ông Nguyễn Hồ Hưng đã có đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị gửi Hội đồng quản trị Nhựa Pha Lê, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc từ nhiệm của ông Nguyễn Hồ Hưng tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Mai Thanh Phương – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Mai Thanh Phương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/07/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: 17 ngõ 117 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.
- CMND số: 030071000108 Ngày cấp: 31/03/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
- Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư ngành Địa chất trường Đại học Mỏ- Địa chất.
- Cử nhân Kinh tế ngành Kinh doanh thương mại trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thành viên HĐQT- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (Long Giang Land).

Thành viên HĐQT – Công ty CP Cảng Mipec.

Phó chủ tịch HĐQT– Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt (RCC).

Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm.

Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long.

- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 - 1999	Công ty Seaprodex Quảng Ninh	Quản lý bán hàng thị trường tại khu vực phía Bắc
2000 - 2004	Công ty TNHH Thương mại vận tải du lịch	Giám đốc
2005 - 2007	Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	.Giám đốc
2007 – 2012	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2012 - 2013	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

		Giám đốc
	Công ty CP Khoáng sản & Xây dựng 30/4 – Cao Bằng	Giám đốc Điều hành Mỏ
2013 – 02/2014	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
02/2014 - 03/2014	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
03/2014 – 03/2017	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
04/2017 – 08/2020	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Thành viên HĐQT
	Công ty CP Cảng Mipec	Thành viên HĐQT
	Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt (RCC)	Phó chủ tịch HĐQT
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm	Chủ tịch HĐQT
	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long	Thành viên HĐQT
08/2020 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Thành viên HĐQT
	Công ty CP Cảng Mipec	Thành viên HĐQT
	Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt (RCC)	Phó chủ tịch HĐQT
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm	Chủ tịch HĐQT

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long	Thành viên HĐQT
--	----------------------------------	-----------------

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 9.840.000 cổ phần, tương ứng 24,6% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Mai Lâm Vũ	Con trai	1.680.000	4,2%

14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.

15. Lợi ích liên quan đối với PLP:

+ Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:

Hợp đồng mượn tiền số 2402/HĐMT/MTP-PL ngày 24/02/2021.

Giá trị Hợp đồng: 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2022.

Các điều khoản quan trọng khác của Hợp đồng: Không có.

Cấp có thẩm quyền chấp thuận: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Lương và Thù lao Thành viên HĐQT.

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Lương và Thù lao Thành viên HĐQT	518.520.000	660.000.000	476.100.000

.Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.

17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

18. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

b. Nguyễn Hồ Hưng - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Nguyễn Hồ Hưng.
2. Giới tính: Nam.
3. Ngày sinh: 16/08/1970.
4. Nơi sinh: Hà Nội.
5. Quốc tịch: Việt Nam.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

6. Hộ khẩu thường trú: Tổ 17, cụm 3, Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội.
7. CMND số: 00107000022 Ngày cấp: 25/03/2013 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
9. Trình độ chuyên môn: Đại học.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng, Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán An Phát.
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2013	Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Á	Tổng giám đốc
2008 - 2011	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang	Thành viên HĐQT
2009 - 2011	Công ty TNHH CKC	Chủ tịch thành viên
09/2012 - nay	Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng	Chủ tịch HĐQT
05/2013 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	Chủ tịch HĐQT
04/2017 – 9/2021	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT độc lập

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.
14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.
15. Lợi ích liên quan đối với PLP:
 - + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT.

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Thù lao Thành viên HĐQT	100.000.000	100.000.000	75.000.000

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.
17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

c. Lê Thạc Tuấn - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Lê Thạc Tuấn.
2. Giới tính: Nam.
3. Ngày sinh: 28/10/1971.
4. Nơi sinh: Hà Nội.
5. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Hộ khẩu thường trú: Số 240 phố Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
7. CMND số: 040071000162 Ngày cấp: 14/10/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
9. Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư mỏ - Trường ĐH Mỏ địa chất.
- Cử nhân kinh tế - Trường ĐH Kinh tế quốc dân.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa.
12. Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 - 12/1996	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công nghiệp	Kỹ sư
Từ 01/1997 - 11/1997	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Trưởng phòng kế hoạch
Từ 12/1997 - 07/1999	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Phó giám đốc
Từ 08/1999 - 07/2001	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- thuộc công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Giám đốc
Từ 08/2001 -	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công	Trưởng phòng kỹ thuật

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

03/2003	ngành	
Từ 04/2003 - 02/2005	Tổng hội đồng địa chất	Phó Giám đốc Trung tâm đá thiên nhiên
Từ 03/2005 – 01/2008	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Phó Giám đốc
Từ 01/2005 - nay	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Giám đốc
Từ 04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.

15. Lợi ích liên quan đối với PLP:

+ Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao Thành viên HĐQT.

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Thù lao Thành viên HĐQT	100.000.000	100.000.000	75.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.

17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

3.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đình Đức Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Ngọc Thúy	Thành viên Ban kiểm soát
3	Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

a. Đinh Đức Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Đinh Đức Tuấn.
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 14-01-1972.
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Hộ khẩu thường trú: 140 tổ 4, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- CMND/ Hộ chiếu số: 001072014182 cấp ngày 28/08/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng mỏ (Đại học Mỏ Địa chất – Hà nội), Cử nhân tài chính – ngân hàng (Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội), Cử nhân ngoại ngữ - Chuyên ngành kinh tế đối ngoại (Đại học Ngoại ngữ - Đại học Ngoại thương Hà Nội).
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1996	Viện khoa học Vật liệu – Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia	Cán bộ
1996-2018	Công ty Đầu tư và phát triển công nghệ Mefrimex	Phó tổng giám đốc
2005-2018	Công ty CP đầu tư và phát triển khu đô thị Bắc Thăng Long	Phó Tổng giám đốc
2009-2012	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	Thành viên ban kiểm soát
4/2018 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Trưởng ban kiểm soát

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với PLP:

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

+ Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao Thành viên Ban kiểm soát.

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Thù lao Thành viên Ban kiểm soát	20.000.000	20.000.000	15.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.

17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

b. Vũ Ngọc Thúy - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Vũ Ngọc Thúy.

2. Giới tính: Nữ.

3. Ngày sinh: 11/11/1991.

4. Nơi sinh: Hải Dương.

5. Quốc tịch: Việt Nam.

6. Hộ khẩu thường trú: 19 -12A – T4 Times City, Minh Khai, Hà Nội.

7. CMND/ Hộ chiếu số: B5370447. Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Ngày cấp: 01/06/2011.

8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kiểm toán viên Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2013 - nay	Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội	Kiểm toán viên
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.
14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.
15. Lợi ích liên quan đối với PLP:
- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao Thành viên Ban kiểm soát:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Thù lao Thành viên Ban kiểm soát	20.000.000	20.000.000	15.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.
17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

c. Mai Thị Thanh Hoa - Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Mai Thị Thanh Hoa.
2. Giới tính: Nữ.
3. Ngày sinh: 31 -05 -1981.
4. Nơi sinh: Hải Phòng.
5. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Hộ khẩu thường trú: 34 Cầu Cáp – P.Lam Sơn – Quận Lê Chân – Hải Phòng.
7. CMND/ Hộ chiếu số: 031181005380 Ngày cấp: 19/5/2017 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Thương mại- Ngoại thương.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002 – 2006	Công ty Liên doanh Quốc Tế Unilever Việt Nam	Nhân viên quản lý sản phẩm công ty tại siêu thị

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

2006 - 2008	Công ty TNHH TM & DV Long Anh	Quản lý thị trường, Phân phối sản phẩm
2008 – 2017	Công ty TNHH TM & DV Âu Cơ	Quản lý thị trường, phân phối sản phẩm
04/2018 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.

15. Lợi ích liên quan đối với PLP:

+ Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Thù lao Thành viên Ban kiểm soát:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Thù lao Thành viên Ban kiểm soát	20.000.000	20.000.000	15.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.

17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

3.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc
2	Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Xuân Trí	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

a. Trần Hải Yên – Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Trần Hải Yên.
- Giới tính: Nữ.
- Ngày sinh: 04/10/1980.
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Hộ khẩu thường trú: P415-H3, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội.
- CMND số: 001180013236 Ngày cấp: 22/09/2020 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
- Trình độ chuyên môn: Đại học.
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2006 – 11/2009	Văn phòng đại diện Công ty Geotech International	Thư ký
12/2009 – 03/2013	Công ty TNHH Tat hong VietNam – TAT HONG Holding group	Trợ lý Giám đốc điều hành
04/2013 – 09/2015	Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê	Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm TP HCNS
09/2015- 10/2016	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	Trợ lý Tổng giám đốc
10/2016 – 05/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	TP. Tiếp thị & Truyền thông
06/2017 – 08/2020	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó Tổng giám đốc

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

08/2020 - nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An	Tổng giám đốc
---------------	--	---------------

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 177.760 cổ phần, tương ứng 0,44% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.
14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.
15. Lợi ích liên quan đối với PLP:
- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Lương vị trí Tổng Giám đốc:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Lương vị trí Tổng Giám đốc	320.000.000	480.000.000	396.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.
17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

b. Cao Văn Thái - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Cao Văn Thái**.
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh: 21/08/1981.
- Nơi sinh: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Hộ khẩu thường trú: Tô 12, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- CMND số: 036081000399 Ngày cấp: 01/06/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tiếng Trung - Đại học Hà Nội.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám Đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008-2010	Công ty thép Vạn Lợi	Phiên dịch tiếng Trung
2011-2014	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Phiên dịch tiếng Trung, nhân viên mua hàng nội địa và quốc tế
2015	Công ty Xuất nhập khẩu Hùng Ký	Làm phiên dịch
01/2016 - 03/2018	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Giám đốc nhà máy
04/2018 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó Tổng Giám Đốc

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 17.600 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.
14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.
15. Lợi ích liên quan đối với PLP:
- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Lương vị trí Phó Tổng Giám đốc.

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Lương vị trí Phó Tổng Giám đốc	320.000.000	480.000.000	180.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.
17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.
- c. Nguyễn Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc**
1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh Bình**.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

2. Giới tính: Nam.
3. Ngày sinh: 01/01/1975.
4. Nơi sinh: Hải Phòng.
5. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Hộ khẩu thường trú: 82/324 Hai Bà Trưng, Cát Dài, Lê Chân, Hải Phòng.
7. CMND số: 031075008805 Ngày cấp: 17/08/2020 Nơi cấp: CA Thành phố Hải Phòng.
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám Đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999-2011	Công ty Rorze Robotech KCN Nomura Hải Phòng	Quản lý Sản xuất
2012-2017	Công ty TNHH sản xuất lốp xe Bridgestone VN tại KCN Đình Vũ HP	Quản lý Sản xuất
2017 – 05/2021	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Giám đốc Nhà máy Hải Phòng
05/2021 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó Tổng Giám Đốc

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.
14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.
15. Lợi ích liên quan đối với PLP:
 - + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Lương vị trí Phó Tổng Giám đốc.

Đơn vị: VND

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Lương vị trí Giám đốc Nhà máy Hải Phòng	360.000.000	360.000.000	270.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Ông Nguyễn Thanh Bình được bổ nhiệm và chính thức hưởng lương vị trí Phó Tổng Giám đốc từ ngày 27/05/2021.

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.
17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

d. Phạm Xuân Trí – Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

1. Họ và tên: Phạm Xuân Trí.
2. Giới tính: Nam.
3. Ngày sinh: 10/03/1990.
4. Nơi sinh: Nghệ An.
5. Quốc tịch: Việt Nam.
6. Hộ khẩu thường trú: Số 46 Phùng Phúc Kiều, Khối Tân Thành II, Phường Lê Mao, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
7. CMND số: 186968355 Ngày cấp: 02/08/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
8. Điện thoại liên hệ: (024) 3555 1669.
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng - Đại học Ngoại thương.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2013– 10/2014	Công ty TNHH Suncall Teachnology Việt Nam	Chuyên viên phòng Xuất nhập khẩu
1/2015 – 9/2019	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Chuyên viên tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành
9/2019 – 05/2021	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Kế toán trưởng
05/2021 – 10/2021	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Giám đốc tài chính

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

10/2021 – nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính
---------------	--	--

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.
14. Những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của PLP: Không có.
15. Lợi ích liên quan đối với PLP:
- + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với PLP, công ty con của PLP, công ty do PLP nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Lương vị trí Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính.

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	9T/2021
Lương vị trí Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính	360.000.000	360.000.000	270.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê

16. Các khoản nợ đối với PLP: Không có.
17. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của PLP: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/ cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

20.000.000 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

200.000.000.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến

Cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá dự kiến là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

❖ Cơ sở đưa ra giá chào bán

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp tính giá: phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp giá thị trường.

Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách thời điểm 31/12/2020

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của PLP tại 31/12/2020 được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{443.693.737.415}{39.999.847} = 11.092 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

Định giá cổ phiếu theo giá thị trường

Tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, giá đóng cửa trung bình của cổ phiếu PLP trong 10 phiên giao dịch (từ ngày 23/09/2021 đến 06/10/2021) là 14.475 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp:

Phương pháp	Giá cổ phiếu
Giá theo phương pháp giá trị sổ sách	11.092 đ/cp
Giá theo phương pháp giá trị trường	14.475 đ/cp
Bình quân	12.783 đ/cp

Kết luận

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, nhằm tăng hiệu quả huy động vốn của Công ty, mặt khác do đây là đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, ĐHCĐ đã thống nhất mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1

Theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền mua. Số cổ phiếu được quyền mua thêm sẽ được tính theo công thức: Số cổ phiếu được mua thêm = Số quyền mua: 2 x 1 và được làm tròn xuống hàng đơn vị.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được quyền mua thêm là $(155/2*1) = 77,5$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được mua thêm là 77 cổ phiếu.*

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký.
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

Phương án làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được quyền mua cổ phiếu từ đợt phát hành này.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt phát hành sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác theo nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư này phải tuân thủ theo các tiêu chí sau:

- Tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu hoặc các nhà đầu tư khác có năng lực tài chính hoặc có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- Có mức giá chào mua phù hợp với phương án chào bán.
- Có mong muốn đầu tư lâu dài, sẵn sàng đồng hành cùng sự phát triển của Công ty.

Trường hợp quá trình phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết làm phát sinh các điều kiện bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, Hội đồng quản trị tiến hành xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông theo quy định kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước có hiệu lực.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

a) Công bố báo chí

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu có hiệu lực, Công ty sẽ công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; đồng thời công bố ngày chốt danh sách cổ đông của đợt phát hành.

b) Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Xác định Danh sách sở hữu cuối cùng

Công ty sẽ gửi thông báo lên Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam để lập Danh sách cổ đông để thực hiện quyền.

❖ Phân bổ và thông báo quyền mua

Sau khi có danh sách cổ đông để thực hiện quyền do VSD cung cấp, Công ty sẽ thực hiện thông báo và phối hợp với VSD, Thành viên lưu ký phân bổ quyền mua cho các cổ đông hiện hữu.

❖ Tỷ lệ thực hiện quyền

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, theo đó căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua. Cứ 02 quyền mua được mua thêm 01 cổ phiếu mới. Số lượng

cổ phiếu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.

❖ ***Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần:***

Các cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phần trong thời gian quy định tại Thông báo phát hành. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

❖ ***Chuyển nhượng quyền mua cổ phần:***

Các cổ đông thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần trong thời hạn quy định tại Thông báo phát hành.

❖ ***Các quyền khác của cổ đông***

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua một phần hoặc toàn bộ số cổ phần chào bán kèm theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ 3) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

❖ ***Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu***

Tiền mua chứng khoán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa quy định tại **Mục 12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần** cho đến khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

❖ ***Chuyển giao cổ phiếu***

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký.

Các nội dung trên sẽ được quy định cụ thể tại Bản thông báo phát hành, sẽ được thực hiện công bố thông tin và thông báo tới các cổ đông.

9. Lịch trình phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến sẽ được Công ty thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN cấp.

Lộ trình dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
2	Công bố thông tin theo quy định	D + 10
3	Chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 11 đến D + 30
4	Chuyển nhượng quyền mua	D + 35 đến D + 55
6	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 30 đến D + 60
7	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 60 đến D + 70
8	Báo cáo kết quả phát hành	D + 70 đến D + 75
9	Đăng ký Lưu ký Chứng khoán bổ sung và Đăng ký Niêm yết bổ sung cổ phiếu sau đợt chào bán	D + 75 đến D + 105

Lưu ý:

- Thời gian trên là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng.
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

10. Phương thức thực hiện quyền

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, theo đó căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua. Cứ 02 quyền mua được mua thêm 01 cổ phiếu mới. Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Tiền mua chứng khoán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa quy định tại khoản “12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần” cho đến khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Theo quy phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua:

- Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3;
- Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác, bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01

năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần

Số tài khoản: **21610000771803**

Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đồng Đa

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán không thuộc trường hợp phải hủy bỏ đợt chào bán do số tiền thu được từ đợt chào bán để đầu tư mua cổ phần, góp vốn, không nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án nên không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật: **49%**

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 13/10/2021 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty là 2,78%.

Đối tượng chào bán của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng là cổ đông hiện hữu (Cổ đông hiện hữu được mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 2:1).

Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu: Thực hiện phân phối quyền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ thực hiện quyền theo danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị cam kết thực hiện phân phối số cổ phiếu không bán hết, số cổ phiếu lẻ (nếu có) đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá tỷ lệ tối đa được UBCKNN phê duyệt tại thời điểm thực hiện phân phối.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê cam kết thực hiện triển khai việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.

16. Các loại thuế có liên quan

a) Thuế áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013, từ 01/01/2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Đối với hoạt động sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch, căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013, căn cứ Giấy chứng

nhận đầu tư số 02221000087 do Ban Quản lý Khu Kinh Tế Hải Phòng cấp ngày 08/10/2014, Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 10%/năm trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu (2016) và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo, đồng thời Công ty được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế (2016).

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môi trường, thuế môn bài...

b) Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Nếu cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Nếu người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng.
- ✓ Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau: Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất. Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng

khoản được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau: Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

17. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết triển khai các thủ tục thực hiện việc đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu chào bán trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Số cổ phiếu chào bán sẽ được Công ty thực hiện các thủ tục để đưa vào thị trường giao dịch chứng khoán trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

Công ty cam kết thực hiện phân phối cổ phiếu đảm bảo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Công ty cam kết thực hiện phân phối cổ phiếu đảm bảo quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, phù hợp với quy định tại Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán..

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiến hành đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với mục đích bổ sung nguồn vốn sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê, cụ thể như sau:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm.
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là 200.000.000.000 đồng.

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho các mục đích được trình bày dưới đây, với nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống dưới, cụ thể như sau:

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

TT	Mục đích sử dụng	Tổng giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	<p>Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.</p> <p><i>Đầu tư mua 5.610.000 cổ phần phát hành tăng vốn tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với giá 10.000 đồng/ cổ phần. Tổng giá trị đầu tư 56.100.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ một trăm triệu đồng).</i></p> <p><i>Đầu tư mua cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với giá tối đa 30.000 đồng/ cổ phần. Tổng giá trị đầu tư 33.900.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ chín trăm triệu đồng).</i></p>	90.000.000.000	Trong Quý IV/2021
2	<p>Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm.</p> <p><i>Đầu tư mua cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm với giá tối đa 22.000 đồng/ cổ phần. Tổng giá trị đầu tư 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).</i></p>	40.000.000.000	Trong Quý IV/2021
3	<p>Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.</p> <p><i>Đầu tư mua cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An với giá tối đa 22.000 đồng/ cổ phần. Tổng giá trị đầu tư 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng).</i></p>	70.000.000.000	Trong Quý IV/2021
	Tổng cộng	200.000.000.000	

Tuy nhiên, theo ủy quyền của ĐHQĐ, HĐQT sẽ quyết định điều chỉnh việc giải ngân tùy thuộc vào cơ hội đầu tư của mục đích nào đến trước (nếu cần).

Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Hội đồng quản trị thực hiện huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác hoặc sử dụng linh hoạt vốn lưu động hiện có, để đầu tư vào các Công ty.

Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cụ thể như sau:

1. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê

1.1. Thông tin về doanh nghiệp để góp vốn/mua lại

- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước,

Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam.

- Giấy CNĐKDN số 3603659567 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/08/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/07/2021.
- Vốn điều lệ: 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng), tương ứng với 19.000.000 cổ phần.

Thông tin liên quan đến đợt tăng vốn của CTCP Hoàng Gia Pha Lê từ 70 tỷ lên 190 tỷ

Ngày 19/11/2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê đã thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 190 tỷ đồng theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-ĐHĐCĐ.

Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê thực hiện việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/11/2020 với Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai, và đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (lần thứ 3 ngày 08/12/2020) với số vốn điều lệ là 190 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến ngày 31/05/2021, các cổ đông Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê mới hoàn thành việc góp vốn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2020/NQ-ĐHĐCĐ. Như vậy, quá trình báo cáo tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chưa thực hiện đúng quy định về đăng ký doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (được thay thế bởi khoản 3 Điều 51 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP).

Ngày 08/09/2021, Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê theo văn bản số 72/QĐ-XPVPHC ngày 07/09/2021. Xét thấy tại thời điểm xử phạt, các cổ đông đã góp đủ số vốn điều lệ đăng ký, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai chỉ tiến hành xử phạt vi phạm hành chính số tiền 12.500.000.đồng, đồng thời tiếp nhận hồ sơ, cập nhật các nội dung kê khai lại của doanh nghiệp vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp để lưu trữ mà không yêu cầu doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 08/12/2020.

Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê đã thực hiện việc nộp phạt vi phạm hành chính số tiền 12.500.000 đồng và thực hiện đăng ký thay đổi và thông báo lại các thông tin doanh nghiệp kê khai chưa chính xác với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê đã hoàn thành nghĩa vụ theo Quyết định xử phạt số 72/QĐ-XPVPHC ngày 08/09/2021, đồng thời hoàn thành đợt tăng vốn từ 70 tỷ lên 190 tỷ.

- Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm nguyên vật liệu xây dựng; sản phẩm đá công nghệ SPC (Stone Polymer Composite) phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Tỷ lệ sở hữu/ tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 01/07/2021 của Nhựa Pha Lê tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê: 9.690.000 cổ phần, tương ứng với 51% vốn điều lệ.
- Dự án triển khai: **Nhà máy sản xuất ván sàn gạch nhựa SPC – Nhơn Trạch Đồng Nai – lấy lại tên chính xác trong CNĐT của RCC.**

Sàn đá công nghệ SPC (Stone Plastics Composite) là vật liệu xây dựng mới xuất hiện trên thị trường thế giới trong khoảng 4 năm gần đây. Với những đặc tính như khả năng chống

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

nước, không co ngót vật liệu khi thay đổi nhiệt độ, mỗi một, duy trì độ ổn định của bề mặt sàn..., SPC đang trở thành xu hướng trong xây dựng. Tại Mỹ, loại vật liệu này đã chiếm tới 50% thị phần ván sàn, đạt tốc độ tăng trưởng vượt ngoài mọi dự kiến của các nhà phân phối vật liệu.

Nắm bắt được nhu cầu lớn của thị trường, năm 2019 Nhựa Pha Lê đã quyết định liên doanh với Tập đoàn Hoàng Gia – doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về sản xuất và phân phối sản phẩm gạch men với thương hiệu Gạch men Hoàng Gia – để thành lập CTCP Hoàng Gia Pha Lê với mục tiêu sản xuất sản phẩm sàn đá công nghệ SPC định hướng xuất khẩu.

-
- **Tên dự án đầu tư** : Nhà máy sản xuất ván sàn nhựa Hoàng Gia Pha Lê tại KCN Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
-
- **Chủ đầu tư** : Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.
-
- **Hình thức đầu tư của Nhựa Pha Lê** : Đầu tư sở hữu cổ phần của CTCP Hoàng Gia Pha Lê.
-
- **Vị trí của dự án** : Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
-
- **Tổng mức đầu tư** : 350 tỷ đồng, chia làm 2 giai đoạn:
- Giai đoạn 1: 175 tỷ đồng gồm:
 - Chi phí xây dựng: 20 tỷ đồng.
 - Chi phí thiết bị: 150 tỷ đồng.
 - Giai đoạn 2: 175 tỷ đồng gồm:
 - Chi phí xây dựng: 20 tỷ đồng.
 - Chi phí thiết bị: 150 tỷ đồng.
-
- **Thời gian thực hiện** : 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu (ngày 20/11/2019).
-
- **Tiến độ thực hiện dự án** : Khởi công xây dựng quý IV/2019 – hoàn thành lắp đặt máy móc giai đoạn 1 vào tháng 11/2020. Giai đoạn 2 tiếp tục được hoàn thành và đi vào vận hành trong năm 2021.
-
- **Sản phẩm** : Sàn đá công nghệ SPC định hướng trọng tâm thị trường xuất khẩu.
-
- **Quy mô dự án** : - Quy mô sản lượng: 12 triệu m²/năm.
- Quy mô doanh thu: 2.000 tỷ đồng/năm.
-

1.2. Phương án đầu tư

- Đầu tư mua cổ phần: Cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.

- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của PLP thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Nghị quyết HĐQT số 0510/2021/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 của PLP thông qua việc triển khai Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trong đó thông qua chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Nghị quyết HĐQT số 29/2021/NQ-HĐQT ngày 22/02/2021 của PLP thông qua việc giao dịch đầu tư vào công ty con.
- Tiến độ thực hiện: Trong năm 2021.
- Tổng giá trị dự kiến đầu tư (tối đa) phân bổ từ nguồn vốn huy động của đợt phát hành: 90.000.000.000 đồng (chín mươi tỷ đồng).
- Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.

1.3. Thông tin về người bán

1.3.1. Mua cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 190 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.

- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 02.07/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/07/2021 của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê thông qua Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 190 tỷ lên 300 tỷ đồng.
 - + Nghị quyết HĐQT số 15.07/2021/NQ-HĐQT ngày 15/07/2021 của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Thông tin về đợt chào bán:
 - + Tên tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê
 - + Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: **11.000.000 (Mười một triệu)** cổ phiếu
 - + Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông
 - + Tỷ lệ chào bán: **19:11**, theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 19 quyền mua sẽ được mua 11 cổ phần chào bán thêm. Số cổ phần lẻ được làm tròn xuống hàng đơn vị.
 - + Giá chào bán: **10.000 đồng/cổ phần**
 - + Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu trong đợt chào bán được tự do chuyển nhượng.
 - + Thời gian dự kiến chào bán: trong năm 2021.
 - + Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán tăng vốn điều lệ dự kiến là 110 tỷ đồng sẽ được sử dụng bổ sung vốn cho hoạt động sản

xuất kinh doanh của Công ty

- Phương thức đầu tư: mua 5.610.000 cổ phần phát hành tăng vốn điều lệ từ 190 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với giá 10.000 đồng/ cổ phần. Tổng giá trị đầu tư 56.100.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ một trăm triệu đồng).
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trước ngày 31/12/2021.
- Mối quan hệ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê và Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê: Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê là công ty con của Nhựa Pha Lê từ ngày 01/07/2021.

1.3.2. Thanh toán tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê từ ông Cao Văn Thái

- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết HĐQT số 29/2021/NQ-HĐQT ngày 22/02/2021 của PLP thông qua việc giao dịch đầu tư vào công ty con.
 - + Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần kèm Phụ lục hợp đồng số 01 giữa ông Cao Văn Thái và Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.
 - + Chứng thư thẩm định giá cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.
- Thông tin về đối tác bán cổ phần: Ông Cao Văn Thái, ông Cao Văn Thái chuyển nhượng 1.140.000 cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê cho PLP với giá giao dịch 30.000 đồng/ cổ phần, sau giao dịch ông Cao Văn Thái không còn sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê.

Tổng giá trị giao dịch theo Hợp đồng: 34.200.000.000 đồng

 - + *Sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán: 33.900.000.000 đồng*
 - + *Sử dụng nguồn khác để thanh toán: 300.000.000 đồng*
- Thời gian hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần: Ngày 01/07/2021.
- Thời gian Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần: Dự kiến ngày 31/12/2021.
- Mối quan hệ giữa đối tác bán cổ phần với PLP và người có liên quan của PLP: Ông Cao Văn Thái hiện đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại PLP.

2. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm

2.1. Thông tin doanh nghiệp:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm.
- Địa chỉ trụ sở chính: Mỏ đá Lèn Minh Cầm, Xã Phong Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Quảng Bình.
- Giấy CNĐKDN số 3101073190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 15/08/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/04/2020.
- Vốn điều lệ: 39.000.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ đồng), tương ứng với 3.900.000 cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác.

- Tỷ lệ sở hữu/ tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/09/2021 của Nhựa Pha Lê tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm: 1.000.000 cổ phần, tương ứng với 25,64% vốn điều lệ.

- Tài sản sở hữu: **Mỏ đá Lèn Minh Cẩm – Tuyên Hóa Quảng Bình.**

Tổng diện tích: 40.188,7 m², trong đó:

+ Diện tích đất để khai thác đá: 20.290,5 m².

+ Diện tích đất làm bãi chế biến đá: 19.898,2 m².

Trữ lượng địa chất: 1.348.069 m³.

Trữ lượng khai thác: 1.038.707 m³.

Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

Công suất khai thác: Tính theo sản phẩm nguyên khai: 40.000 m³/ năm.

Thời gian khai thác: Đến ngày 11/06/2043.

Nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trong những năm tới, động lực chính đến từ các công trình trọng điểm hạ tầng giao thông. Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển ngành vật liệu xây dựng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tổng nhu cầu đá xây dựng cả nước trong năm 2020 ước tính đạt 181 triệu m³.

Bên cạnh đó, với dòng vốn đầu tư FDI dồi dào cùng với đà tăng trưởng của nền kinh tế được kỳ vọng sẽ thúc đẩy việc xây dựng trên cả nước. Đồng thời, các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm như Sân bay Quốc Tế Long Thành, các tuyến Metro, Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận,... cũng đang được đẩy nhanh tiến độ triển khai. Đây sẽ là những yếu tố chính thúc đẩy đà tăng trưởng dài hạn của các doanh nghiệp ngành đá xây dựng.

Việc sở hữu quyền khai thác tại mỏ đá Minh Cẩm thông qua việc mua lại cổ phần của CTCP Khoáng sản Minh Cẩm, công ty đã phát huy lợi thế trong lĩnh vực cốt lõi là khai thác và chế biến khoáng sản, hướng tới mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nguồn nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất sản phẩm công nghệ SPC, đồng thời gia tăng lợi nhuận cho Nhựa Pha Lê.

▪ **Tên dự án đầu tư** : Nhà máy khai thác đá vôi tại Mỏ đá vôi Lèn Minh Cẩm, Xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình.

▪ **Chủ đầu tư** : Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm.

▪ **Hình thức đầu tư của Nhựa Pha Lê** : Đầu tư sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm.

▪ **Vị trí của dự án** : Mỏ đá vôi Lèn Minh Cẩm, Xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Bình.

▪ **Diện tích đất** : Diện tích khu vực khai thác là 2,0 ha, diện tích khai trường 2,0 ha. Tổng cộng là 4 ha.

- **Tổng mức đầu tư** : 75 tỷ đồng. Trong đó:
 - Chi phí xây dựng: 10 tỷ đồng.
 - Chi phí thiết bị: 50 tỷ đồng.
 - Chi phí đất, cấp phép: 10 tỷ đồng.
 - Chi phí khác: 5 tỷ đồng.
-
- **Thời gian thực hiện** : đến tháng 11/2043.
-
- **Tiến độ thực hiện** : Khởi công xây dựng quý IV/2020 – dự kiến hoàn thành và vận hành vào năm 2021.
-
- **Sản phẩm** : Sản phẩm đá vôi, đá xây dựng .
-
- **Quy mô dự án** :
 - Trữ lượng địa chất: 1.348.068 m³.
 - Trữ lượng được phép khai thác là 1.038.707 m³.
 - Công suất khai thác: 40.000 m³ /năm.
 - Thời hạn khai thác: đến tháng 11/2043.
-

2.2. Phương án đầu tư

- Đầu tư mua cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của PLP thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Nghị quyết HĐQT số 0510/2021/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 của PLP thông qua việc triển khai Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trong đó thông qua chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Nghị quyết HĐQT số 29/2021/NQ-HĐQT ngày 22/02/2021 của PLP thông qua việc giao dịch đầu tư vào công ty con.
 - + Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần kèm Phụ lục hợp đồng số 01 giữa ông Trần Hoài Phong và Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.
 - + Chứng thư thẩm định giá cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm.
- Tổng giá trị dự kiến đầu tư (tối đa) phân bổ từ nguồn vốn huy động của đợt phát hành: 40.000.000.000 đồng (bốn mươi tỷ đồng).
- Phương thức đầu tư: Đầu tư mua cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trước ngày 31/12/2021.

- Tỷ lệ sở hữu trước khi thực hiện: 25,64% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm.
- Dự kiến tỷ lệ sở hữu sau khi thực hiện: 77,56% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm.
- Thông tin về đối tác bán cổ phần: Dự kiến Ông Trần Hoài Phong chuyển nhượng 1.925.000 cổ phần Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm với giá giao dịch 20.780 đồng/ cổ phần, sau giao dịch ông Trần Hoài Phong không còn sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng Sản Minh Cẩm.

Tổng giá trị giao dịch theo Hợp đồng: 40.000.000.000 đồng

- + *Sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán: 40.000.000.000 đồng*
- + *Sử dụng nguồn khác để thanh toán: 0 đồng*
- Thời gian hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần: Dự kiến ngày 31/12/2021.
- Thời gian thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần: Dự kiến ngày 31/12/2021.
- Mối quan hệ giữa đối tác bán cổ phần với PLP và người có liên quan của PLP: Không có.

3. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An

3.1. Thông tin doanh nghiệp

- Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 84, đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Giấy CNĐKDN số 5701670467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 26/02/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10/12/2019.
- Vốn điều lệ: 66.000.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ đồng), tương ứng với 6.600.000 cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Đầu tư và kinh doanh dự án nhà ở thương mại cho người thu nhập thấp tại Cao Xanh, Hà Khánh, Quảng Ninh.
- Tỷ lệ sở hữu/ tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/09/2021 của Nhựa Pha Lê tại Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An: 3.300.000 cổ phần, tương ứng với 50% vốn điều lệ.
- Tài sản sở hữu: Dự án Khu chung cư tại ô TT1 thuộc Khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Địa điểm: Dự án nằm trên 3 mặt tiền đường Lý Thái Tổ, Vạn Hạnh và Ngô Quyền.

Quy mô dự án: 3.491 m².

Phạm vi giới hạn khu đất:

- + Phía Bắc giáp trụ sở Chi cục thi hành án dân sự.
- + Phía Đông, Tây và Nam giáp đường Lý Thái Tổ, Vạn Hạnh và Ngô Quyền.

Hiện trạng dự án: Dự án đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với khu đất, đã được phê duyệt quy hoạch 1/500. Hiện trạng là đất trống, chủ sở hữu chưa tiến hành triển khai dự

án.

Quy hoạch dự án đã được phê duyệt:

- + Tổng diện tích đất xây dựng khu chung cư: 3.491 m².
- + Diện tích đất xây dựng công trình: 2.405,2 m².
- + Diện tích công trình cây xanh, cảnh quan, đường dạo và hệ thống phụ trợ: 1.085,8 m².
- + Quy mô: 02 hầm + 23 tầng nổi + tum.
- + Tổng diện tích sàn xây dựng: 46.418,2 m², trong đó: diện tích sàn tầng hầm: 6.431,4 m²; diện tích sàn tầng nổi: 40.260,8 m².
- + Diện tích sàn sử dụng căn hộ: 28.656 m².

3.2. Phương án đầu tư

- Đầu tư mua cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của PLP thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Nghị quyết HĐQT số 0510/2021/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 của PLP thông qua việc triển khai Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trong đó thông qua chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần kèm Phụ lục hợp đồng số 01 giữa ông Quách Nhật Sang và Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.
 - + Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần kèm Phụ lục hợp đồng số 01 giữa ông Trần Tiến Đạt và Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.
 - + Chứng thư thẩm định giá cổ phần Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.
- Tổng giá trị dự kiến đầu tư (tối đa) phân bổ từ nguồn vốn huy động của đợt phát hành: 70.000.000.000 đồng (bảy mươi tỷ đồng).
- Phương thức đầu tư: Đầu tư mua cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trước ngày 31/12/2021.
- Tỷ lệ sở hữu trước khi thực hiện: 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.
- Dự kiến tỷ lệ sở hữu sau khi thực hiện: 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.
- Thông tin về đối tác bán cổ phần: Dự kiến Ông Trần Tiến Đạt chuyển nhượng 1.650.000 cổ phần với giá giao dịch 21.213 đồng/ cổ phần; Ông Quách Nhật Sang chuyển nhượng 1.650.000 cổ phần với giá giao dịch 21.213 đồng/ cổ phần, sau giao dịch ông Trần Tiến Đạt

và ông Quách Nhật Sang không còn sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại & Du lịch Tân Việt An.

Tổng giá trị giao dịch theo Hợp đồng: 70.000.000.000 đồng

+ *Sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán: 70.000.000.000 đồng*

+ *Sử dụng nguồn khác để thanh toán: 0 đồng*

- Thời gian hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần: Dự kiến ngày 31/12/2021.
- Thời gian Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần: Dự kiến ngày 31/12/2021.
- Mối quan hệ giữa đối tác bán cổ phần với PLP và người có liên quan của PLP: Không có.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 8241 990 Fax: 024 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38181888 Fax: 024.38181688

Website: <http://www.shs.com.vn>



Biển cơ hội thành giá trị

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Ng. Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM

Điện thoại: (028) 39151368 Fax: (028) 39151369

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3525777 Fax: 0236.3525779

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng thường niên năm 2021, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiến hành đăng ký chào bán ra công chúng 20.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhằm bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 200 tỷ đồng. Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ số quyền mua sở hữu thì số cổ phần này sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các đối tượng khác do Hội đồng quản trị lựa chọn.

Số lượng cổ đông theo danh sách chốt tại ngày 13/10/2021 của Nhựa Pha Lê là 3.126 cổ đông, cho thấy cổ phiếu Công ty đang nhận được sự quan tâm của đông đảo nhà đầu tư trên toàn thị trường.

Ngoài ra, Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cho thấy sự đồng thuận của cổ đông hiện hữu trong việc tiếp tục tham gia đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp. Đồng thời, với triển vọng, tiềm năng phát triển của Công ty cũng như tính khả thi của hiệu quả sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thì khả năng thu hút sự quan tâm của các cổ đông, nhà đầu tư đối với cổ phiếu PLP là rất tốt, từ đó đảm bảo khả năng thành công của đợt phát hành.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 2606/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 2404/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021;

Phụ lục 2. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0510/2021/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

Phụ lục 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần gần nhất;

Phụ lục 4. Điều lệ Công ty;

Phụ lục 5. BCTC năm 2019, năm 2020 được kiểm toán, BCTC 6T/2021 đã được soát xét và BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất 9T/2021;

Phụ lục 6. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán.

(Phần để trống còn lại là do có ý)

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hải Yến

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**



Mai Thanh Phương

**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Phạm Xuân Trí

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thu Thanh